

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

TẠP SAN
**ĐẠI HỌC
SỬ PHẠM**

Kỷ niệm Nguyễn Du

Lịch sử văn đề *Truyện Kiều* TRƯƠNG TỬU

Đặc sắc của văn học cổ điển Việt-nam
qua nội dung *Truyện Kiều* ĐẶNG THAI MAI

Phê bình *Truyện Kiều* chú giải
của Lê Văn Hòe PHAN KHÔI

Căn bản của chủ nghĩa nhân đạo chống
phong kiến trong *Truyện Kiều* HOÀNH XUÂN NHỊ

Tài liệu tham khảo

Đối chiếu Kim Vân Kiều truyện và *Truyện Kiều*

Số 3 tháng 8, 9, 10 1955 Hà Nội

« Ai cũng phải nhận rằng không có khoa học
nào có thể phát triển và phồn thịnh nếu không
có xung đột ý kiến, không có tự do phê bình ».

STA - LIN

TẬP SAN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHOA HỌC

và

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VĂN KHOA

XUẤT BẢN

Cơ quan nghiên cứu và thảo luận những vấn đề

Văn - Sử - Triết - Khoa



BAN BIÊN TẬP

Hội đồng giáo sư phụ trách hai trường

Thư ký tòa soạn

TRẦN ĐỨC THẢO

Ủy viên thường trực

ĐÀO DUY ANH, TRẦN VĂN GIÀU,

HOÀNG XUÂN NHỊ, LÊ VĂN THIÊM

Địa chỉ

Trường Đại học Sư phạm Văn khoa Hà-nội

29, Lê Thánh Tôn — Hà-nội

ĐẠI ĐOÀN KẾT

Đại đoàn kết là một truyền thống lịch sử của dân tộc Việt-nam. Mỗi lúc đất nước lâm nguy, hay mỗi lúc cần thực hiện một nhiệm vụ lớn lao có ảnh hưởng quyết định đến sự tồn vong của tổ quốc, thì dân tộc Việt-nam có đại đoàn kết ; và, mỗi khi có đại đoàn kết thì mọi sự trở ngại đều được vượt qua.

An-Dương-Vương dựng nước Âu Lạc bằng cách đoàn kết các bộ lạc trong lưu vực Hồng Hà Thái Bình, phá quân Tần ; Trưng Nữ Vương tụ hợp 65 thành dưới cờ đại nghĩa, đuổi Tô-Định.

Đến thời trung cổ, sở dĩ nước Việt-nam nhỏ bé chống nổi ba lần tấn công vũ bão của quân Nguyên đã từng thôn tính phần lớn Á Âu, ấy cũng bởi dân tộc đoàn kết mà Diên-Hồng, Chương-Dương, Bạch-Đằng đều là những biểu hiện sáng ngời. Cũng như về sau đó, anh hùng Lam-Son, rồi anh hùng Tây-Son phá xâm lăng, diệt tàn bạo, sức dời núi lấp biển ấy gốc ở toàn dân nhất trí để chuyển nhục thành vinh, bảo vệ non sông, chu toàn vinh dự.

Còn như trong những trường hợp lẻ tẻ mà dân tộc bị thù trong giặc ngoài tạm thời chia rẽ, sự chia rẽ ấy không khỏi đem lại đại họa cho tổ quốc, sỉ nhục cho nhân dân : ấy là những lúc quân Minh phong kiến, quân Pháp thực dân xâm lăng bờ cõi Việt-nam. Nhưng rồi lại nhờ đại đoàn kết mà có Chi-Lãng có Cách mạng tháng 8, có Điện-biên vĩ đại.

Một nước nhỏ, không phải vì nhỏ mà bị nô lệ.

Một nước nhỏ mà toàn dân nhất trí thì như sỏi trắng như đá xanh, răng hàm nhất định không nhai nổi, bụng sỏi nhất định không tiêu nổi.

Nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết ấy, Đảng Cộng-sản Đông-dương và Mặt trận Việt Minh đã đưa Việt-nam đến Cách mạng tháng 8 thành công.

Nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết ấy, Đảng Lao-động Việt-nam và Mặt trận Liên-việt đã đưa Việt-nam đến kháng chiến thắng lợi.

Ngày nay, đứng trước những điều kiện lịch sử mới, lúc đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ráo riết âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, nhất là chia rẽ Bắc Nam, đứng trước nhiệm vụ thiêng liêng là thống nhất Việt-nam từ Lạng-son đến Cà-mâu, để hoàn thành độc lập và dân chủ, thì Mặt trận Tổ quốc Việt-nam ra đời, nối tiếp và phát huy sự nghiệp của Việt-minh, Liên-việt, nối tiếp và phát huy truyền thống đại đoàn kết suốt 2.000 năm lịch sử.

Các giới văn hóa, giáo sư, sinh viên cùng với toàn thể nhân dân từ Nam chí Bắc vô cùng tin tưởng.

Tin tưởng vì quá khứ đại đoàn kết thành công bảo đảm cho tương lai đại đoàn kết nhất định thành công.

Phấn khởi vì cương lĩnh vừa rộng rãi vừa cứng rắn của Mặt trận Tổ quốc chắc chắn được tất cả đồng bào hoan nghênh, được đa số các nước ủng hộ, bè lũ Ngô-đình-Diệm có ý như đá cũng sẽ bị xéo bặt đi thôi, mưu mô đế quốc Mỹ có nham hiểm bao nhiêu cũng sẽ bị chính nghĩa đập tan ra tro bụi.

Tin tưởng và phấn khởi, vì tất cả các giới của 23 triệu đồng bào đều có, đại diện xứng đáng trong ban chấp hành của Mặt trận Tổ quốc mà người đứng đầu vinh dự là Hồ Chủ-tịch anh minh.

Trong và ngoài phạm vi giới văn hóa giáo dục, ở mỗi trường hợp, chúng ta nguyện học tập, thấm nhuần, phổ biến và thực hiện cương lĩnh của Mặt trận, cương quyết đòi cho kỳ được hiệp thương chính trị và tổng tuyển cử tự do. Trước mắt chúng ta, luôn luôn hiện hiện hình ảnh dũng cảm của giáo sư Nguyễn-thị-Diệu đã bị bọn đế quốc Mỹ, bè lũ Ngô-đình-Diệm sát hại vì đấu tranh cho thống nhất, cho hòa bình. Chúng ta ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, nguyện noi gương sáng của chị, một lòng đoàn kết, nỗ lực phấn đấu cho cả nước Việt-nam từ Lạng-son đến Cà mâu được độc lập, dân chủ và phú cường.

TẬP SAN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Ngày 27 tháng 10 này, Trường Đại-học Sư-phạm Văn-học phối hợp với Hội Văn-nghệ Việt-nam, làm lễ kỷ niệm Nguyễn Du, nhà thi hào dân tộc yêu qui của chúng ta. Để chuẩn bị cuộc kỷ niệm, trong *Tạp san* số 1, chúng tôi đã nêu lên ý kiến mở một cuộc thảo luận về *Truyện Thúy Kiều*, tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Du. Nhân dịp lễ này, chúng tôi muốn nhắc qua thân thế và sự nghiệp văn chương của thi hào để do đó nhận rõ ý nghĩa của cuộc kỷ niệm.

Nguyễn Du sinh năm 1765, hiệu Cảnh-hung thứ 28, chính lúc trong xã hội phong kiến suy tàn của nước ta, nông dân khởi nghĩa vẫn đang tiếp diễn cùng với nhiều cuộc biến động khác. Khi vị anh hùng Tây-sơn Nguyễn Huệ tiêu diệt họ Trịnh và lật đổ nhà Lê thì Nguyễn Du đã là một trang thanh niên ngoài 20 tuổi. Vì quan niệm trung nghĩa phong kiến, Nguyễn Du tham gia phong trào khôi phục nhà Lê. Những cuộc bôn tẩu lâu năm ở Bắc-hà và sự ẩn dật ở quê hương dưới chân Hồng-lãnh đã cho Nguyễn Du được sống chung đụng hoặc gần gũi với nhân dân trong hơn 15 năm, nhờ thế mà có lúc được đồng cam cộng khổ với nhân dân và thông cảm được ít nhiều những nỗi niềm yêu ghét của họ. Sự sụp đổ của nhà Lê lại đặt Nguyễn Du vào lập trường bất bình đối với chính quyền đương thời, dù là chính quyền Tây-sơn mà Nguyễn Du công nhiên chống lại hay là chính quyền nhà Nguyễn mà Nguyễn Du phải gượng theo. Đó là hai nhân tố khiến Nguyễn Du nhìn cuộc đời bấy giờ với một khát pháp đặc biệt của người bất mãn với hiện trạng, với thực tế xã hội, nhờ thế mà Nguyễn Du phản ánh sâu sắc được nhiều khía cạnh của thực trạng ấy trong những tác phẩm văn

chương, với một bút pháp rất tinh tế. Tập thơ bằng chữ Hán, *Thánh hiền tiền hậu tập*, miêu tả cảnh tình của Nguyễn Du trong bước lưu ly bốn ba ở Bắc và trong thời nương náu ở quê, khiến chúng ta thấy Nguyễn Du có khi bi tráng như Đỗ Phủ, có khi phóng khoáng như Lý Bạch, có khi chân xác như Bạch Cư Dị. Những bài vịnh sử troag tập thơ chữ Hán *Bắc hành tạp lục* khiến chúng ta thấy Nguyễn Du luôn luôn đồng tình tha thiết với những anh hùng nghĩa sĩ thất bại ngày xưa. Bài *Văn chiêu hồn*, với một giọng điệu rất bình dân, tràn trề một niềm nhân đạo chủ nghĩa cụ thể, không phải là chỉ nêu lòng thương vu vơ đối với thập loại chúng sinh như nhà Phật, mà cảm thông thiết thực với tất cả những người bất hạnh hàm oan ở trên đời. Trong *Truyện Thúy Kiều* là tứ phẩm sau cùng, Nguyễn Du đã nâng bút pháp hiện thực chủ nghĩa và tinh thần nhân đạo chủ nghĩa với nội dung phản phong đến một trình độ rất cao.

Với *Truyện Thúy Kiều*, Nguyễn Du đã thành nhà thi hào dân tộc tiêu biểu của văn học Việt-nam. Nguyễn Du đã phơi bày rõ rệt những tội ác của xã hội phong kiến suy tàn để khiến chúng ta căm thù thêm những kẻ mặt người dạ thú ngồi trên chế độ bóc lột mà tác hại và khiến chúng ta thêm đồng tình với những người lương thiện bị xã hội tàn bạo áp bức dày vò. Tác phẩm hiện thực tài tình của Nguyễn Du được mọi tầng lớp nhân dân từ Bắc chí Nam yêu thích, lại khiến chúng ta càng yêu thêm tiếng nói, yêu thêm đất nước của chúng ta, càng thêm tin tưởng vào tiền đồ văn học, càng cảm thấy sâu sắc ở đó cái tinh thần đại đoàn kết của xã hội và dân tộc Việt-nam.

Chúng ta sống trong thời đại vinh quang này, có nhiệm vụ thừa tiếp sự nghiệp của Nguyễn Du và phát huy triệt để những giá trị quý báu mà Nguyễn Du đã tạo nên mặc dầu những hạn chế của lịch sử, để góp phần vào cuộc xây dựng tương lai tươi đẹp cho văn hóa dân tộc. Trong khi tưởng nhớ Nguyễn Du, chúng ta lại nên đặc biệt nghiên ngẫm bài học nhân đạo chủ nghĩa và bài học đại đoàn kết mà *Truyện Thúy Kiều* là thể hiện vẻ vang.

BAN BIÊN TẬP

LỊCH SỬ VẤN ĐỀ « TRUYỆN KIỀU »

Trong lịch sử văn học Việt-nam cận đại, chưa có tác phẩm nào được nói đến nhiều bằng Truyện Kiều của thi sĩ Nguyễn Du. Từ khi nó ra đời đến nay, kể ngót 150 năm, không lúc nào nó không làm huyền não diễn đàn văn học, gây ra những cuộc xung đột kịch liệt về tư tưởng ; kẻ khen cũng nhiều, người chê cũng lắm ; tranh luận hết đợt này đến đợt khác, mỗi đợt lại thêm nhiều ý kiến mới ; thế hệ này vừa ngót tiếng thế hệ sau lại nêu ra. Và đến tận bây giờ, vấn đề Truyện Kiều vẫn còn là một vấn đề chưa giải quyết.

Điều đáng chú ý là : *phong trào Truyện Kiều đã thu hút được đủ mặt các nhà trí thức đại diện nhiều tầng lớp xã hội khác nhau.* Phạm quý Thích, Mộng liên đường chủ nhân, Hà tôn Quyền, Nguyễn văn Thắng, Tự Đức, Nguyễn công Trứ, Tôn thọ Tường, Nguyễn Khuyễn, Chu mạnh Trinh, Nguyễn khắc Hiếu, Trương vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Bùi Kỳ, Dương quang Hàm, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Kháng, Nguyễn tường Tam, Vũ đình Long, Cao hữu Tạo, Hoài Thanh, Đào duy Anh, Lưu trọng Lư, Nguyễn bách Khoa, Nguyễn mạnh Tường, Đinh gia Trinh, Đoàn phú Tứ, Trần cửu Chấn, Lê Duẩn, Nguyễn Sơn, Nguyễn khánh Toàn, Trần đức Thảo, Minh Tranh, . . . bấy nhiêu người (và còn một số đông người nữa không sao chép hết) ở những thế hệ xa cách nhau, tài

học không giống nhau, thị hiếu sai biệt nhau, thế giới quan đối lập nhau, đại diện cho những quyền lợi và tư tưởng giai cấp mâu thuẫn nhau, địa vị và nghề nghiệp xã hội khác nhau (vua, quan, sĩ phu, học giả, nhà báo, nhà văn, giáo sư, luật sư, nhà quân sự, sử gia, nhà cách mạng chuyên môn...) thế mà đều lần lượt nổi lời nhau say sưa bàn luận về *Truyện Kiều*, bản thảo về ý nghĩa *Truyện Kiều*, thắc mắc về giá trị *Truyện Kiều*. Bấy nhiêu người, từ bốn phương trời tư tưởng kéo nhau đến đó thành văn học, xô xát nhau về ý kiến, chống chọi nhau về nhận thức, dù tâng bốc *Truyện Kiều* không tiếc lời hay mặt sát *Truyện Kiều* không tiếc lễ, đều đem vào cuộc tranh luận một nhiệt tình bằng bột, một hào hứng chiến đấu rào rạt mè dấm.

Do đó mà vấn đề *Truyện Kiều* đã đẻ ra cả một phong trào văn học ồn ào diễn ra trong non một thế kỷ rưỡi nay. Vịnh Kiều, lầy Kiều, diễn kịch Kiều, chiếu phim Kiều, kỷ niệm Kiều, diễn thuyết về Kiều, chú giải Kiều, bút chiến về Kiều, minh họa Kiều, trưng cầu ý kiến về Kiều, thi thơ Kiều, bói Kiều, chữa văn Kiều... phong trào *Truyện Kiều* quả đã vượt ra ngoài phạm vi và ý nghĩa một sự thưởng thức văn chương thuần túy (như nhiều người thường tưởng) mà đã biến thành một « có » để kích động sự xung đột về tư tưởng và chính trị của những giai cấp đối kháng nhau hay của những tập đoàn mâu thuẫn nhau ở ngay trong một giai cấp bị phân hóa. Phong trào *Truyện Kiều* chứng minh rằng văn học bao giờ cũng mang một ý nghĩa chính trị; và phê bình văn học bao giờ cũng là một phương diện của đấu tranh giai cấp trên mặt trận ý thức hệ.

Ý nghĩa đấu tranh chính trị của phong trào *Truyện Kiều* càng rõ rệt hơn nữa khi ta xét đến những trường hợp xuất hiện các đợt phê bình tranh luận. Ta có thể nói rằng : mỗi lần xã hội Việt-nam cận đại chuyển bước sang một giai đoạn mới yêu cầu các giai cấp phải có thái độ ứng phó rõ rệt là mỗi lần *Truyện Kiều* lại được đề cập đến sôi nổi; những ý kiến phê bình *Truyện Kiều* phản ảnh khá trung thành lập trường chính trị của các giai cấp có mặt trong giai đoạn. Những quan niệm khác nhau về sáng tác văn học, về tác

dụng của văn phẩm, về nhân sinh quan của Nguyễn Du, về giá trị luân lý của các nhân vật *Truyện Kiều*, xét đến cùng, chỉ là những lập trường và thái độ chính trị khác nhau của những tầng lớp xã hội có những quyền lợi và nguyện vọng không giống nhau. Bọn vua quan triều Nguyễn bình phẩm sửa chữa *Truyện Kiều* (khoảng 1820-1862), tên nho sĩ Tôn thọ Tường đầu hàng và phục vụ thực dân Pháp bênh vực triết lý xử biến tòng quyền của *Truyện Kiều* (khoảng 1860-1870); tên tay sai đắc lực của đế quốc xâm lược và của tập đoàn phong kiến bán nước, Lê Hoan, mở cuộc thi vịnh Kiều năm 1905 ; (năm mở đầu cuộc vận động cách mạng của Duy Tân hội); lũ bồi bút Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, để thực hiện kế hoạch đầu độc văn hóa của thực dân Pháp, đề cao luân lý trung hiếu tiết nghĩa của cô Kiều (khoảng 1919-1932). Các ông Hoài Thanh, Lưu trọng Lư, Đào duy Anh, Nguyễn mạnh Tường ca tụng chất thơ bàng bạc, văn chương tuyệt diệu của *Truyện Kiều* (khoảng 1939-1945). Các ông Hoài Thanh (mới), Lê Duẩn, Nguyễn Sơn, Nguyễn khánh Toàn, Đào duy Anh (mới) Trần đức Thảo, Minh Tranh, Hoàng xuân Nhị... cố gắng đem ánh sáng chủ nghĩa Mác Lê soi rọi vào thế giới *Truyện Kiều* trong thời kháng chiến và sau khi hòa bình lập lại... những ý kiến và hành động ấy, ở những giai đoạn lịch sử ấy, không phải là ngẫu nhiên, tùy hứng cá nhân, cũng không phải chỉ là những hoạt động thẩm mỹ đơn thuần. Những đợt phê bình *Truyện Kiều* kể trên đều tất yếu cũng như ý kiến các người tham gia cuộc bàn luận. Đó là sự phản ánh, cách bức, quanh co nhưng sâu sắc, của thời cuộc chính trị ở từng giai đoạn đấu tranh của nhân dân.

Một mặt khác ! Nguyễn công Trứ mặt sát Kiều, Nguyễn Khuyến vịnh Kiều để công kích quan tham lại những đơng thời ; Ngô đức Kế chống lại Phạm Quỳnh ; Huỳnh thúc Kháng bác ý kiến Lưu trọng Lư ; Nguyễn bách Khoa bút chiến với Hoài Thanh ; Lê Duẩn phê bình « *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều* » ; Minh Tranh phản đối « những người vội cho Nguyễn Du là phản phong » sự đấu tranh tư tưởng này cũng không phải là chỉ có tính cách đơn thuần văn học. Đó là cuộc đấu tranh chính trị, trong lãnh vực nghệ thuật, của các tầng lớp xã hội. Ở mỗi đợt

tranh luận, vấn đề *Truyện Kiều* chỉ là một cơ hội để các giai cấp xã hội và các tập đoàn dị biệt trong một giai cấp bị phân hóa đặt ra, thẳng thắn hay ngoắt ngoéo, những vấn đề văn hóa, chính trị, và đề ra, minh bạch hay úp mở, những biện pháp tư tưởng có mục đích bảo vệ quyền lợi bản vị của chính mình. Thực chất của sáng tác cũng như của phê bình văn học, xét đến gốc, là một thực chất chính trị, một thực chất giai cấp.



Ngày nay, chúng ta có nhiệm vụ tiếp tục cuộc đấu tranh tư tưởng về vấn đề *Truyện Kiều*. Lần này, khác hẳn những lần trước, chúng ta có sự soi đường của chủ nghĩa Mác Lê đã được phát triển sâu sắc với tinh thần sáng tạo vĩ đại của những nhà lý luận thiên tài : Stalin, Jdanov, Mao Trạch Đông, Gorki, Lỗ Tấn... Chúng ta lại có sự soi đường của Đảng tiên phong (đề cương văn hóa của Đảng Cộng sản Đông dương, những ý kiến quý báu của Hồ chủ tịch, của các ông Trường Chinh, Lê Duẩn, v. v...) Lần này, chúng ta có điều kiện để giải quyết, trong căn bản, vấn đề *Truyện Kiều*.

Nhưng trước khi kế thừa một công việc, cần biết rõ những người đi trước ta đã thực hành công việc ấy như thế nào, đến đâu. Trong vòng gần 150 năm, những ý kiến phê bình *Truyện Kiều* đều đăng rải rác trên nhiều báo chí Bắc, Trung, Nam, hoặc in trong những tập sách hiện giờ tản mạn khó tìm. Muốn giúp các bạn có một nhận định nhất lãm về vấn đề *Truyện Kiều* qua lịch sử khá dài của nó, chúng tôi cố gắng sưu tầm, gom góp trong bài này những quan điểm phê phán *Truyện Kiều* từ khi tác phẩm của Nguyễn Du ra đời đến ngày nay. Tất nhiên trong phạm vi eo hẹp của một bài tạp chí, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu tóm tắt những ý kiến có tinh cách tiêu biểu (có trích văn kèm theo). Chúng tôi không chủ ý phê phán kỹ những ý kiến ấy, chỉ nhận định sơ bộ tính chất và ý nghĩa xã hội của từng ý kiến, đề cung cấp một tài liệu văn học sử đứng đắn cho những ai muốn nghiên cứu và bình luận *Truyện Kiều*.

QUAN ĐIỂM CỦA PHE PHONG KIẾN THỐNG TRỊ

Truyện Kiều đã được bọn vua tôi triều Nguyễn đem làm đầu đề ngâm vịnh và cực lực tán thưởng. Chính Tự Đức đã nói :

Mé gì ? mé đánh tổ tôm

Mé ngựa Hậu bồ, mé xóm Thúy Kiều.

Và Tự Đức đã sửa nhiều đoạn thơ trong tác phẩm của Nguyễn Du (tập thơ đã sửa ấy được đem in, gọi là bản kinh). Đó là hành động chuyên chế láo sược của một tên vua ngu si đần độn tưởng lầm rằng mình là vua thì có quyền lăng mạ nghệ thuật. Ở đây, chúng tôi không chú ý vạch trần cái dốt thơ của Tự Đức qua những đoạn hấn sửa *Truyện Kiều*. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên cái mục đích chính trị của Tự Đức khi hấn chữa thơ Nguyễn Du.

Như đoạn Nguyễn Du tả cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Thúy Kiều và Từ Hải, có hai câu :

Thưa rằng : lượng cả bao dung

Tấn dương được thấy mây rồng có phen.

Đó là lời Thúy Kiều đáp lại Từ Hải, lấy ý ở sự tích Đường Cao tổ lên ngôi Hoàng đế ở Tấn dương. Cho Kiều tiên đoán tương lai rục rờ của Từ Hải một cách tán dương như vậy, thi sĩ có ý muốn để mọi người thấy : làm giặc (chống lại triều đình) như Từ Hải vẫn có thể lên ngôi Hoàng đế một ngày sắp tới nào đó ; địa vị con trời (thiên tử) có thể do con đường làm giặc mà đạt được. Ý tưởng của Nguyễn Du hợp với ý nghĩ của người bình dân Việt Nam : được làm vua, thua làm giặc. Vua tôi đời Tự Đức cho đó là một thái độ đại bất kính đối với ngai vàng. Tự Đức đã sửa câu thơ thứ hai thành *rồng mây rõ mặt anh hùng có phen*. Tự Đức lại còn ầm ức vì hai câu :

Chọc trời quấy nước mặc dầu

Đọc ngang nào biết trên đầu có ai.

Hấn cho hai câu này là vô quân nhất trong tập *Đoạn trường tân thanh*. Tuy vậy, Tự Đức và bọn bầy tôi của triều

Nguyễn văn đề cao *Truyện Kiều* vì nó rất có lợi cho chế độ trung ương tập quyền (tiêu diệt Từ Hải là tiêu diệt ý chí địa phương cát cứ) giữa lúc những Phan bá Vành, Cao bá Quát, Lê văn Khôi, Nùng văn Vân từ phía nổi lên đe dọa ngôi thống trị của nhà Nguyễn.

Một số quan liêu, sĩ phu thống trị khác lại ca tụng *Truyện Kiều* ở khía nó biểu dương tư tưởng và luân lý phong kiến. Như Nguyễn văn Thắng, tác giả tập *Kim vân Kiều án* cho Thúy Kiều « là đủ nhân, trung, hiếu, nghĩa » : Nguyễn kỳ Nam cho Thúy Kiều là « một niềm hiếu thảo, muôn thuở danh thơm, đáng kính đáng mến, hạng người vinh quý tầm thường há dễ sánh kịp ». Lại như một nhà tri thức phong kiến chính thống kia (vô danh), bình luận về các nhân vật *Truyện Kiều* (lời bình in sau các bài vịnh Kiều của Chu mạnh Trinh) (1), đặc biệt đề cao tư tưởng định mệnh chủ nghĩa của tác phẩm :

« Cồ nhân có nói : nhân định thắng thiên : song ta đối với việc Thúy Kiều thì thật lấy làm ngờ câu ấy lắm. Xét như nàng đã là người có học thức biết nghĩa lý sao lại không rõ rằng sự trên bực trong dẫu là điều đáng thẹn. Nhưng vì chiêm bao đêm trước nàng những hãi hùng... nên thoát gặp chàng Kim nàng liền có ý đem thân trao gửi. Đó chẳng là nàng muốn mượn bóng người phúc tướng số đáng hưởng kim đường ngọc mã để ngâm tranh với trời sao?... Nàng muốn lương duyên mau đẹp để sớm tan cái nghiệp đoạ trường. Nhưng ngờ đâu trẻ tạo đành hanh, dò hay, đặt ngâm bấy hiểm ! Thế mới biết mưu định của người dầu khôn khéo đến đâu há thắng nổi được Trời ? »

Tuy cùng một lập trường giai cấp (địa chủ quý tộc), nhà nho Nguyễn công Trứ lại bảo vệ ý thức hệ phong kiến bằng cách mặt sặt thái độ xử thế của cô Kiều :

Đã biết má hồng thời phận bạc
Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng
Chiếc quạt thoa đành phụ nghĩa với Kim lang

(1) Nguyễn quang Tuân Chu mạnh Trinh và Thanh tâm tài nhân tập thi — Hảiphòng 1953.

Nặng về hiếu, nhẹ vì tình, ừ cũng phải !
 Nhưng từ Mã giám Sinh đến chàng Từ Hải
 Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
 Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu
 Mà bướm chán ong chường cho đến thế ?
 Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
 Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm !
 Bán mình trong bấy nhiêu năm
 Đố đem chữ hiếu mà làm được ai
 Nghĩ đời mà ngán cho đời !

Là một đại biểu ý thức của tư tưởng phong kiến ở thời
 khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế, Nguyễn-công-Trứ đã
 bênh vực luân lý danh tiết của Tống nho : « Tôi trung không
 thờ hai vua, gái tiết không lấy hai chồng ». Ông chê Kiều
 thiếu thủy chung, thiếu kiên gan bền chí, « chưa vẹn tấm
 lòng vàng ». Ông công kích thái độ « chấp kinh cũng phải có
 khi tòng quyền » của Kiều, cho đó là một cách nấp dưới vỏ
 lễ giáo để làm những điều bất chính xúc phạm đến cương
 thường.

Tuyên dương một thi phẩm đề cao trung ương tập quyền
 (theo Tục-đức), đề cao trung hiếu tiết nghĩa (theo Nguyễn-
 văn-Thắng), đề cao sự phục tùng số mệnh (theo kẻ sĩ vô
 danh nói trên) hay công kích một thái độ xử thế thiếu trung
 thành với lý tưởng Tống nho (theo Nguyễn-công-Trứ) giữa
 một thời kỳ tan rã của chế độ phong kiến tập quyền trước
 sự phá phách của mâu thuẫn bên trong và sức tấn công của
 thực dân xâm lược bên ngoài : những hành vi văn học ấy
 không phải chỉ xuất phát ở động cơ thẩm mỹ thuần túy của
 những người đại diện cho giai cấp thống trị đương thời. Đó
 là những việc làm ý thức có mục đích và tác dụng chính trị
 rõ rệt lợi cho giai cấp phong kiến đang ở ngôi thống trị.

II

QUAN ĐIỂM CỦA PHE NHÀ NHO BẤT MÃN.

Trong quá trình phân hóa mãnh liệt của giai cấp thống
 trị nửa sau thế kỷ XIX, một phân số tri thức phong kiến, bị

tập đoàn cầm quyền chèn ép, chà đạp, áp chế, rất lấy làm bất mãn với tình trạng đương thời. Bất mãn nhưng bất lực, họ chỉ biết phản kháng một cách tiêu cực. Họ đã mượn *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du để bộc lộ kín đáo thái độ bất bình yếu đuối của họ.

Đại diện cho phe nhà nho bất mãn này là những Phạm Quý Thích, Mộng liên đường chủ nhân, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến. Tuy cường độ của sức chống đối tiêu cực, ở mỗi người, có cao thấp khác nhau, tuy cá tính của mỗi người có sắc thái riêng, nhưng về căn bản họ đều đồng tình với Nguyễn Du về ba điểm chính :

1.— Thừa nhận và tin thuyết tạo vật đổ tài ; « chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau ! »

2.— Thương xót người tài tình bị đời vui đập, sỉ nhục.

3.— Bất bình với những tệ lậu đương thời (quan tham lại những, bán thịt buôn người, bòn đầu trâu mặt ngựa hành hung người lương thiện...)

Trong bài tổng vịnh *Truyện Kiều*, Phạm quý Thích viết :

*...Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy
Tân thanh áo đẽ vị thù thương (1)*

Đề tựa *Truyện Kiều*, Mộng liên đường chủ nhân cũng nhấn mạnh vào điểm : tài tình là lụy, người có tài bị bạc mệnh là đáng thương :

«...Có tài mà không gặp được tài, có tình mà không hả được tình, tài tình đã tuyệt thế gặp toàn bước khảm kha, há không phải là con Tạo đang tay ách người quá lắm ru ?

...Trong một tập thủy chung lấy bốn chữ Tạo vật đổ tài tóm cả một đời Thúy Kiều... Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai

(1) Dịch nghĩa : Ngẫm giấc mộng đoạn trường đã hiểu rõ căn duyên đời nằng ; tiếng đàn bạc mệnh tuy đã gãy hết khúc mà nỗi oán hận vẫn còn dài. Một mảnh tài tình là cái lụy chung muôn đời ; quyền Tân thanh này cốt để xót thương ai ?

đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi đau đớn như đứt ruột... Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố như Tử làm truyện Thúy Kiều việc tuy khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy...»

Chu mạnh Trinh cảm thông với *Truyện Kiều* cũng không ngoài cái ý : « thương người đồng điệu », « danh sĩ giai nhân cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ », « giống đa tình lưỡng những sầu chung », « người khôn thì hay gặp gian truân ». Nhưng Chu mạnh Trinh còn cảm thông với Nguyễn Du ở điểm tố cáo và đay nghiến chế độ thống trị thối nát đương thời :

*Tình trong uy phép chẳng qua tiền
Lo liệu sao đây để được tuyền ?
Phận bạc cũng liều son với phấn
Minh vàng âu dễ trắng thay đen.
Dấu bèo nhờ có đèn trời rạng
Lượng bèo dung cho sóng đất êm
Minh thịnh nay mừng đời thánh đế
Nào phòng gái hiểu với quan liêm !*

Đây là bài vịnh « Vương ông được tha » trích trong Thanh tâm tài nhân thi tập của Chu mạnh Trinh, giải thưởng nhất cuộc thi thơ do viên Tổng đốc Lê Hoan tổ chức năm 1905 ở Hưng Yên. Hồi đó, phong trào Đông du, Duy tân hội đang lôi cuốn các sĩ phu yêu nước vào cuộc đấu tranh chính trị bài Pháp và chống Triều đình Huế làm cho bọn thực dân và bọn phong kiến đầu hàng hết sức lo lắng. Chúng phải tìm cách phá hoại phong trào, hướng sức hoạt động của tầng lớp sĩ phu vào con đường xa cách mạng. Lê Hoan, một tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp và Triều đình Huế, liền có sáng kiến tập hợp các sĩ phu Bắc Hà bằng hình thức mở cuộc chơi văn đầu xuân, phần để kiểm soát, phần để đẩy họ vào sự du hí nghệ thuật hiền lành hòng chặn lối phát triển của phong trào đấu tranh chính trị trong đám trí thức phong kiến đã bắt đầu thức giấc theo tiếng hô hào vang động của Phan bội Châu và Phan chu Trinh.

Chu mạnh Trinh đã dự cuộc thi thơ ấy, làm tập Vịnh Kiều, chìm ngập trong những tình và mộng vẩn vơ lãng mạn. Nhưng ông cũng đã nhờ chịu ảnh hưởng một phần nào của không khí đấu tranh chính trị đương thời, nên dù tâm hồn có bạc nhược và tiêu cực, thơ ông vẫn phảng phất đòi chút ý vị chống đối (như bài trích đăng trên đây).

Đề phá tan cái tác dụng tai hại của hành động Lê Hoan đối với các sĩ phu, lúc ấy có một số nhà nho ái quốc đã trước tác nhiều bài vịnh Kiều, lấy Kiều ngoài phạm vi cuộc thi thơ, đề công kích thực dân và triều đình Huế, ngầm kêu gọi đồng bào đứng sa vào triết lý đầu hàng. Có bài bắt đầu bằng những câu :

*Trời Tây bằng lảng bóng vàng
Bây giờ kim mã ngọc đường với ai...*

Có bài kết luận bằng câu rút ở *Truyện Kiều* : « Vào luôn ra củi công hầu mà chi ! » Tiếc rằng cả cái văn học vịnh Kiều có mục đích chống Lê Hoan này hiện giờ chúng tôi chưa sưu tầm được. Ghi lại ở đây sự kiện ấy chúng tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng thời đó (1905-1908), phê bình Kiều đã rõ ràng là một cơ để đấu tranh chính trị.

Những bài vịnh Kiều của Nguyễn Khuyến cũng nằm trong triều lưu đấu tranh ấy. Nổi tiếng nhất và ý nghĩa chống phong kiến tương đối rõ rệt nhất là bài vịnh Kiều bán mình của Nguyễn Khuyến, kết luận bằng hai câu mai mỉa :

*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Đời trước làm quan cũng thế a ?*

Thuyết tạo vật đổ tải nghiêm trang của Nguyễn Du, dưới ngòi bút trào phúng của Nguyễn Khuyến, đã mất mát nhiều tính cách siêu hình và biến thành một lợi khí châm biếm xã hội :

*Số kiếp bởi sao mà lận đận
Sắc tài cho lắm cũng lới thôi...*

Đoạn Kim Kiều tái hợp mà những người có đầu óc chất phác cho là sự khôi phục hạnh phúc của đôi trai gái nhờ

nhàng, ở con mắt Nguyễn Khuyến, đã hiện ra với tất cả tinh cách gượng ép, ngao ngán, thảm hại của mỗi tinh chấp vá xác xơ, ảo não :

Không trách chàng Kim đeo đuôi mã

Khăng khăng vót lấy một phần đuôi !

Tư tưởng tài mệnh ghét nhau, lòng thương xót kẻ tài tình bị xã hội rày vò, mối căm ghét những tệ lậu của xã hội phong kiến, ở các nhà nho bất mãn kể trên, có một ý nghĩa đấu tranh tiêu cực. Họ gián tiếp lên án một chế độ xã hội đã đè nén, tiêu diệt tài năng và tinh cảm của con người. Họ đã mượn sự phẩm bình Kiều để nói lên thái độ chống đối của họ đối với tình trạng xã hội phong kiến thối nát ở đương thời.

III

QUAN ĐIỂM CỦA PHẠM QUỲNH VÀ BÈ LỬ

Năm 1917, theo chỉ thị của thực dân Pháp, tên trùm mật thám Lou-i Mác-ty sáng lập ra tạp chí Nam phong và cho Phạm-Quỳnh làm chủ bút. Đây là cả một chương trình văn hóa nô dịch của bọn thống trị nhằm đầu độc tư tưởng nhân dân Việt-Nam, đặc biệt là giới thanh niên học thức. Phạm-Quỳnh là tên đầy tớ rất đắc lực của chúng trong công việc này.

Năm 1919, trong *Nam phong* số 31, Phạm-Quỳnh viết một bài khảo cứu về *Truyện Kiều*, đề cao tác phẩm này và cổ xúy các nhà trí thức nghiên cứu nó. Từ đấy, trên tạp chí *Nam phong*, các nhà tân học thanh niên đua nhau viết bài nói về Kiều, mỗi ngày một đông, mỗi ngày một nhiệt liệt. Đến năm 1924, hội Khai trí tiến đức, cơ quan nô dịch trí thức của lũ Hoàng-trọng-Phu, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Trần-trọng-Kim (bọn tôi tớ cao cấp của thực dân và phong kiến phản quốc), tổ chức kỷ niệm Nguyễn-Du tại Hà-nội. Phạm-Quỳnh và Trần-trọng-Kim được cử ra đọc diễn văn biếu dương (theo quan điểm của chúng) công trạng và thiên tài của tác giả *Truyện Kiều* (hai bài diễn văn này đăng trong *Nam phong* số tháng 9-1924). Sau đó, Quỳnh lại cầu viện thêm ý kiến của một tên bồi bút thực dân chính cống khác là Rơ-nê Cờ-ray-sác để gây uy tín để đánh lừa thanh niên trí thức đương thời (y dịch bài

Truyện Kiều và xã hội Á đông » của Ro-nê Cờ-ray-sác đăng liền trong *Nam phong* số tháng 11, tháng 12-1924.) Quả nhiên, thủ đoạn của Phạm Quỳnh và bè lũ có ít nhiều kết quả đúng như ý muốn của chúng. Một số thanh niên tân học hăm hở theo gót chúng vùi đầu vào *Truyện Kiều* (Nguyễn tường Tam, Vũ đình Long, Nguyễn triệu Luật v. v.), nhai đi nhai lại ý kiến của Phạm Quỳnh : *Truyện Kiều* là một tác phẩm không tiền tuyệt hậu, và hết bài này đến bài khác, chứng minh ý kiến đó theo kiểu tầm chương trích cú của nhà trường tư sản. Phê bình *Truyện Kiều* biến thành một công trình giảng diễn tích và mỹ từ pháp tử mỹ, vụn vặt, tuyệt đối không bỏ ích gì cho tư tưởng.

Theo Phạm Quỳnh thì *Truyện Kiều* đáng được nâng lên địa vị một cuốn phúc âm của dân tộc Việt Nam có thể cứu 20 triệu đồng bào ta thoát khỏi họa diệt vong. Trong buổi kỷ niệm Nguyễn Du, đã hai lần y hô lên, say sưa : « *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn.* » Y lại nói : *Nguyễn Du đổ máu làm mực làm vẽ vang cho giống noi... Nếu không có Truyện Kiều thì tình trạng dân tộc Việt Nam chưa biết đến thế nào !* ». Y đặc biệt đề cao luân lý trung hiếu tiết nghĩa của *Truyện Kiều*, nêu Thúy Kiều thành một tấm gương sáng về nhân cách cao thượng đáng bắt chước.

Trần trọng Kim, một cộng tác viên có uy tín của tạp chí *Nam Phong* (tuyên truyền văn hóa nô dịch), người chuyên môn đầu đọc tư tưởng thanh niên bằng các triết lý phong kiến phản động (Nho, Lão, Phật), cũng không chịu thua Phạm Quỳnh về điểm ca tụng những cái gì thoái bộ nhất trong *Truyện Kiều*. Trong bài Tựa cuốn *Truyện Thúy Kiều*, y viết :

« *Truyện Kiều có luận lý gì không ? Thiết tưởng một người đàn bà con gái đang phong gấm rủ là mà bị cơn gia biến bỏ mình để giữ trọn đạo hiếu và lưu lạc giang hồ mà giữ được lòng tiết nghĩa như nàng Kiều thì dẫu đời nào, nước nào ai cũng phải kính phục... Thế mà nói đến Truyện Kiều thì có nhiều người chê là truyện dâm nhảm nhi. Những người ấy một hạng là tinh nóng nổi không chịu mất công mà nghĩ ngợi cho ra lẽ phải trái ; một là bọn giả đạo đức... Tình ái mà như*

nàng Kiều trước sau biết nặng lời non nước, lấy hiều làm trính, biết nhân biết nghĩa thì sao lại cho là không có luận lý được? Ta nay cứ xem Truyện Kiều không phải là chỉ vì văn hay ý sâu mà thôi nhưng lại vì những điều nhân nghĩa tri tin nữa : thật là quyển sách rất có luận lý, rất thanh nhã vậy!»

Tóm lại, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim và bè lũ đã dùng Truyện Kiều gây một phong trào văn học lừa mắt có mục đích :

1 — Ru ngủ thanh niên và nhân dân bằng một thứ quốc gia chủ nghĩa mơ hồ, thụ động, để họ yên phận làm nô lệ với ảo tưởng là « Truyện Kiều còn... nước ta còn ».

2 — Đầu độc tư tưởng thanh niên và nhân dân bằng những triết lý phong kiến phản động (trung hiếu nghĩa Tông nho, thuyết số mệnh, thái độ đầu hàng kẻ thù...) để chẹn lối tư tưởng tiến bộ, cách mạng

3 — Xò đẩy thanh niên trí thức vào con đường thưởng thức văn chương có tính cách hình thức chủ nghĩa để họ xa lánh cách mạng, sao nhãng những mâu thuẫn xã hội thực tế trước mắt.

Phong trào Truyện Kiều của Phạm Quỳnh và bè lũ rất có lợi cho thực dân và phong kiến. Nó nằm trong âm mưu thâm độc của bọn thống trị An-be Sa-rô, Lu-i Mác-ty... dùng văn hóa nô dịch để phá cách mạng Việt Nam khoảng 1920-1930. Tác dụng phản động của nó rõ rệt, không thể chối cãi được. Nó thể hiện ý chí chống cách mạng của các tầng lớp địa chủ phong kiến đầu hàng, tư sản mại bản cấu kết với lũ tôi tớ cao cấp và trực tiếp của thực dân Pháp (bọn Quỳnh, Vĩnh, Kim v. v...).

IV

QUAN ĐIỂM CỦA NGÔ ĐỨC KẾ VÀ HUỖNH THỨC KHÁNG

Hành động của Phạm Quỳnh và bè lũ đã gặp sức phản kháng kịch liệt của các phần tử trí thức yêu nước hồi bấy giờ. Người đứng ra lật mặt nạ bọn bồi bút gian hùng ấy là

Việt văn thư xã xuất bản — Hà-nội, 1925.

Ngô đức Kế, một nhà nho duy tân giàu lòng ái quốc và tinh thần chiến đấu. Ngay sau lúc bọn Nam phong, Khai trí tiến đức kỷ niệm Nguyễn Du rầm rộ (1924), Ngô đức Kế viết liền một bài đăng trong tạp chí Hữu Thanh (số tháng 9-1924), đề là : Luận về Chánh học và tà thuyết lời lẽ tràn đầy phần nộ làm chấn động cả giới trí thức trong nước :

« ... Nói về văn chương quốc âm ông Nguyễn Du thì hẳn là hay thật ; song cái lối văn vần ngâm nga ngợi hát chỉ là một lối trong đạo văn chương. Văn tuy hay mà chuyện là chuyện phong tình thì có vẻ ai dâm sâu oán đạo đục tắng bi, 8 chữ ấy không tránh dằng nào cho khỏi... »

Đoạn trường tân thanh không phải là một thứ văn chương chánh đạo theo đường chánh học mà đem ra duy đời được đâu. Ngày trước các cụ tiền bối thường cấm con em xem Truyện Kiều, trong xã hội ai hay đọc Kiều nghèo ngạo thì cho là kẻ đàng điếm. Ý các cụ nghĩ rằng : các gã thiếu niên chí khí chưa định, tình dục đương nồng, xem truyện thì mê, rồi sinh cái tư tưởng trộm ngọc cắp hương kêu hoa ghẹo nguyệt, say đắm trong trời tình bề ái mà mềm nhũn cái gan lòng sắt đá, bỏ mất cái chí nguyện cao xa. Cái phép gia đình giáo dục của các cụ như thế thiệt phải lắm... »

... Thế mà ngày nay được văn sĩ giả dối ta biểu dương Truyện Kiều lên để khai hóa cho quốc dân... Một anh giả dối lớp lớp đứng đầu sùng bái Kiều mà một bọn u mê hồ hững gào hơi rần sức để họa theo ; còn một lớp người chỉ nghe lỗm nhìn mồm thì vỗ tay tán thưởng, khiến người bịt tai bưng mũi, phải nhưc đầu long óc vì những tiếng to : « Quốc văn ! Kim vân Kiều ! Nguyễn Du ! »

Cứ như ý họ thì nước ta ở thế kỷ này mà muốn chế cái tề thước thập toàn đại bổ cho dân cho nước thì không chỉ bằng quyển sách « trăm năm trong cõi người ta » ... Cho nên trong nước ngày nay : nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình nhân vật Kiều, nào là chú thích Kiều, nào là thơ vịnh Kiều ; cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều ; trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem hiện trạng ấy thì nước Việt-nam ngày nay

gọi tên là Kim vân Kiều quốc, nói giống Việt-nam ta gọi là Đại Kim vân Kiều tộc cũng đúng lắm chứ không sai !

Thậm chí sùng bái Truyện Kiều mà nói rằng : Truyện Kiều là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt-nam — không biết còn có quốc gì nữa không?... Thậm chí lại nói rằng : « ... Nếu không có Truyện Kiều thì tình trạng dân tộc Việt-nam chưa biết đến thế nào ! » Thật là « con oanh học nói » xứng xiên bảy bọ, rồ dại điên cuồng, tà thuyết vu dâm đến thế là cực !... »

Mũi tên chánh học bắn trúng tim nhóm Nam phong. Phạm Quỳnh yên thìn thít, không dám trả lời. Bài của Ngô đức Kế đã có tác dụng thức tỉnh một số thanh niên tân học đang bị bọ tay sai của thực dân đánh bả bằng Truyện Kiều. Do đó, phong trào học Kiều dần dần biến tính chất. Bằng chứng của sự biến đổi này là bài « Bàn về Truyện Kiều » của Cao Hữu Tạo đăng ngay trong Nam phong số tháng 4-1926. Trong bài, tác giả đã tỏ ra tán thành quan điểm Ngô đức Kế, trong căn bản :

« Cự (Nguyễn Du) chán đời, cự e luy, thấy thân thế có Kiều điều đùng mà cự thương ; cự đã thương không còn tưởng tới các sự hành động lật vất của Kiều. Cự cho ngay Kiều là một người chính đáng nên thương. đặt ngay Kiều là cượng hiếu thảo. Cho nên, chỗ nào tả đến Kiều cũng là đáng thương đáng cảm..., vì thế mà ai đọc Kiều cũng thương Kiều như cự.

Đã vậy, văn cự lại hay, văn càng hay giá trị Kiều càng quý cho đến nỗi đoạn Kiều tự tình cùng Kim Trọng là đoạn tệ nhất nhưng là đoạn văn hay nhất mà ai cũng hay đọc ham đọc ; bọn thiếu niên lại là đa số đọc một câu là một mơ màng đọc một khúc là một ngơ ngẩn, mời này ra hoang dâm tư tưởng rồi ghé vách qua tường.

Lại còn cái tư tưởng chán đời, lại còn cái sầu của chú Thúy. Cự thương Kiều ; Kiều buồn, văn cự cũng buồn. Kiều buồn suốt truyện mà văn cự suốt truyện đều buồn. Văn buồn, văn chán đời, bao kẻ đọc văn cũng tiêm nhiễm cái buồn cái chán. Ở cái buổi giao thời này kẻ thiếu niên không có nơi nương tựa đọc cái văn buồn chán ấy tránh sao khỏi nát ruột tan lòng...

... *Biết bao kẻ đã vì Kiều mà khốn nạn trong bể tình, mê man trong cõi thâm, tình tình thâm thâm, chán chán sâu sâu, bạn thiếu niên sớm than chiều khóc, đăm đăm lẫn lộn cùng một chữ yêu, quên cả thân thế sự nghiệp, quên cả tổ quốc non sông, cho giòng giống Rồng Tiên cứ quanh quẩn mãi trong vòng hèn kém... »*

Đọc bài Cao hữu Tạo, ta có cảm tưởng người thanh niên tân học này đang phát triển ý kiến của Ngô đức Kế. Một bài như thế mà Tạp chí Nam phong phải đăng đủ rõ ảnh hưởng của bài *Chánh học và tà thuyết* thật là mạnh mẽ, thật là quyết định đối với thanh niên tri thức đương thời : bọn Phạm Quỳnh, muốn duy trì uy tín ở tầng lớp thanh niên để thực hành sự đầu độc tư tưởng, không thể không chiều theo xu hướng tiến bộ của họ.

Năm 1930, cuộc trưng cầu ý kiến của Phụ nữ tân văn ở Sài Gòn : Kiều nên khen hay nên chê ? chứng tỏ rằng dư ba ảnh hưởng của quan điểm Ngô đức Kế còn rất sâu sắc. Phần lớn các bài thơ, văn gửi đến trả lời câu hỏi của tòa báo đều chê cái tư cách đầu hàng của cô Kiều, cái sâu não triền miên của cô Kiều. Nói chung thì thái độ sùng bái Kiều kiểu Phạm Quỳnh đã mất hẳn.

Cũng năm 1930, nhà học giả PHAN KHÔI có viết một bài trong Phụ nữ tân văn nhan đề : *Cảnh cáo các nhà học phiệt* nhắc đến việc Phạm Quỳnh không trả lời Ngô đức Kế năm 1924. Liền đó, Phạm Quỳnh trả lời Phan Khôi và đồng thời mỉa mai Ngô đức Kế, cho hành động của nhà chí sĩ này hồi ấy là « hàng thịt nguyêt hàng cá », báo Hữu thanh ít độc giả nên gây chuyện với Nam phong để chạy hàng (thật là dơng lười bọn mại bản !)

Thế là vấn đề *Truyện Kiều* lại bùng ra ! Huỳnh-thúc-Kháng lập tức viết bài *Chiêu tuyết cho một nhà chí sĩ đã qua đời* trong báo Tiếng dân, lớn tiếng vạch trần tâm lý bỉ ổi của Phạm Quỳnh và bênh vực ý kiến « chánh học cùng tà thuyết ». Trên tờ Phụ nữ thời đàm ra ngày 10-12-1933, nhà thơ mới Lưu Trọng Lư, trong bài *Chiêu tuyết Vương Thúy Kiều*, chê ông Huỳnh là tàn nhẫn đối với nàng Kiều, bắt công đối với Nguyễn Du.

Trong báo Tiếng dân số 661 ra ngày 24-1-1931, Huỳnh thúc Kháng viết một bài trả lời đề là *Thuyết chiêm tuýt cho Vương Thúy Kiều của ông Lưu Trọng Lư với anh học trò mé kép hát đóng vai Tần Cối, lời lẽ thông thiết, ý kiên minh bạch.* Ông Huỳnh viết :

« *Tôi hay là ông Ngô bác Kiều là bác cái chuyện tiều thuyết « phong tình hồi đùm » kia không đáng làm sách dạy gieo cái nọc gió giăng hoa liễu trong nàu thiếu niên nam nữ ta ; gió giăng hoa liễu là điều bất chánh, bất chánh tức là có hại...*

...*Nếu xã hội ta một ngày kia mà tro ng bạn nữ giới ai cũng nhận sự theo trai làm đĩ là tốt, là đẹp, là hành vi chánh đáng thì Vương Thúy Kiều .. là tuyệt phẩm thánh rồi, ai có dư công thì giờ mà công kích để rước lấy tiếng tàn nhẫn. Nhưng chưa, xã hội ta chưa đến cái trình độ tối cao tuyệt mới ấy, chính ông Lư cũng còn nhận việc đó là như nhược kia mà ! Dầu cho văn hay đến đâu cũng không thể làm cho cái vết xấu kia tiều đi được. »*

Rồi ông Huỳnh kết luận : « *Một cái hộp sơn sơn thiếp vàng trở rỗng tram phượng về mặt mỹ thuật rõ là cực tốt mà ở trong đựng những vật cho chửi độc, ai khen cái hộp lót mặc ai, chớ những người chỉ đó mà nói với công chúng rằng : trong có chất độc, chất độc ấy có hại... thật không có chút gì là tàn nhẫn mà khi nào cũng là chánh đáng cả. »*

Thật là rõ ! Hai ông Ngô đức Kế và Huỳnh thúc Kháng đã đứng ở quan điểm luân lý và chính trị của những nhà nho yêu nước mà bàn luận về *Truyện Kiều*. Giá trị của hai ông là đã đặt ra những vấn đề lý luận quan trọng : nghệ thuật vị nhân sinh hay nghệ thuật vị nghệ thuật ? trách nhiệm xã hội của văn sĩ, tác dụng chính trị của văn phẩm. Và hai ông đã chủ trương đánh giá tác phẩm văn học theo tiêu chuẩn : có lợi hay có hại cho xã hội, cho tổ quốc.

Tiếng nói của hai ông Ngô, Huỳnh đã phản ảnh được phần nào tinh thần cách mạng của nhân dân khoảng 1924 — 1932. Cuộc đấu tranh dân tộc và xã hội đã yêu cầu văn học nghệ thuật phải có trách nhiệm đối với nhân dân, đối với cách mạng.

**HOÀI THANH, ĐÀO DUY ANH,
NGUYỄN BÁCH KHOA.**

Vấn đề « nghệ thuật vị nhân sinh hay vị nghệ thuật » nhen nhóm trong những ý kiến xung đột nhau của Huỳnh thục Kháng và Lưu trọng Lư đã biến thành một cuộc tranh luận sôi nổi khoảng 1936 — 1939. Một bên là Hải Triều, Hồ Xanh, Phan văn Hùm và các người mác-xít, chủ trương nghệ thuật phải phục vụ cách mạng. Một bên là Hoài Thanh, Lưu trọng Lư, Thiếu Sơn chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật (nghĩa là nghệ thuật không có mục đích phục vụ một đảng phái hay một chủ nghĩa chính trị nào ; nghệ thuật chỉ phục vụ có bản thân nó). Nhân cuộc bút chiến giữa hai khuynh hướng này, vấn đề *Truyện Kiều* lại được nhắc nhở đến.

Trong một bài báo đề là Nội dung và hình thức đăng ở một số tạp chí Tao đàn (1938), ông Hoài Thanh chủ trì rằng : nội dung của *Truyện Kiều* không phải là những tư tưởng của Nguyễn Du mà chính là những hình ảnh, nhạc điệu, ngữ ngôn tài tình của thi sĩ. Nói khác đi, ông cho rằng giá trị căn bản của một tác phẩm văn học là giá trị của hình thức đẹp. Theo ông, *Truyện Kiều* đáng ca ngợi không phải vì nó biểu dương quan niệm luân lý này hay truyền đạt cảm xúc cao thượng khác mà chỉ vì nó đẹp : lời đẹp, hình ảnh đẹp. Như thế là nó có giá trị rồi. Đó cũng là ý kiến ông Lưu trọng Lư trong bài tranh luận về *Truyện Kiều* với Huỳnh thục Kháng. Quan niệm nghệ thuật vị nghệ thuật này cũng là tín điều duy nhất của số đông các nhà văn lãng mạn khoảng 1935 — 1945. Biểu thị cao nhất của nó là *Xuân thu nhã tập* (1943) trong đó, một nhóm nghệ sĩ suy đồi (đứng đầu là Đoàn phú Tứ) nhất trí nâng nghệ thuật lên thành một cái Đạo huyền bí nhiệm mầu tách rời hẳn thực tế xã hội. Mỗi khi đọc *Truyện Kiều*, ông Hoài Thanh phải thấp vại nén hương thành kính ; mỗi khi oàn đến Nghệ thuật, nhóm Xuân thu nhã tập phải đốt một lò trầm ngào ngạt : đoạn cuối cùng của con đường nghệ thuật vị nghệ thuật tất yếu phải là Đạo, là Vô cùng, là Nhạc ngàn đời, không thể nào tránh thoát được.

Tuy không tán đồng thuyết nghệ thuật thuần túy một cách cực đoan như các ông Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, nhà học giả Đào Duy Anh cũng vẫn thừa nhận giá trị căn bản của một công trình nghệ thuật là giá trị hình thức. Nhưng ông Đào Duy Anh còn thấy được phần nào giá trị nội dung tình cảm của một tác phẩm cho đó là cái giây đồng cảm giữa người sáng tác và người thưởng thức. Trong cuốn *Khảo luận về Kim Vân Kiều* xuất bản năm 1913 sau khi tóm tắt những ý kiến dị đồng về *Truyện Kiều* của một số bình giả tiền bối, ông Anh kết luận :

« Lời tán tụng... cũng quá đáng như sự mật sát ; mà quá đáng là vì hai bên đều lấy tư tưởng luân lý mà phê bình phán đoán một tác phẩm nghệ thuật. Chúng ta sợ dĩ yêu chuộng Truyện Kiều không phải nó có thể làm quyền sách luân lý cho đời mà chỉ vì trong sách ấy Nguyễn Du đã dùng những lời văn thần diệu để rung động tâm hồn ta, khiến mỗi câu văn chúng ta ngẫm, hoặc khi Kiều Kim gặp gỡ, hoặc khi gia biến, hoặc khi Kiều bị đầy đọa, hoặc khi tái ngộ chàng Kim, đều chan chứa đồng tình ; chỉ vì Nguyễn Du đã đem những câu văn « vừa lâm lý vừa ủy mị, vừa đốn tởa vừa giải thư về hết một người tài mệnh trong mười mấy năm trời » trải qua bao nhiêu nỗi đau đớn é chề mà vẫn giữ trọn tấm lòng thanh bạch ; chỉ vì Nguyễn Du đã gieo vào lòng ta những mối hứng thú tế nhị thanh cao cùng những mối cảm tình thương người, nhất là thương người phải dày vò vì phận mệnh ; chỉ vì — đây mới là lẽ chính — Nguyễn Du đã gieo trong lòng ta một mối tin chắc chắn, một mối hy vọng đời dào dạt với tiếng nói của ta » (trang 197-198).

Ưu điểm của ông Đào Duy Anh là đã đặt sự tìm hiểu *Truyện Kiều* thành một vấn đề sử học. Ông đã khảo cứu những tài liệu về dòng dõi, thân thế Nguyễn Du, về hoàn cảnh lịch sử của công trình sáng tác *Truyện Kiều*. Ông đã xác định thời điểm xuất hiện của tác phẩm này và địa vị của nó trong lịch sử văn học dân tộc. Ông đã đề cập đến tư tưởng Phật học của Nguyễn Du mà ông nhận định là « theo tin ngưỡng thông thường của dân chúng ». Nhưng dù sao ông Đào Duy Anh cũng vẫn lúng túng trong bốn bức

tường của thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật khi thưởng thức và đánh giá *Truyện Kiều*. Chính vì thế mà ông đặc biệt chú trọng biểu dương thi tài của Nguyễn Du nhiều hơn là giải thích và phê phán tư tưởng Nguyễn Du. Do đấy mà ông đã phiên diện đề cao *Truyện Kiều* đến nói rằng nó « kết tinh những cái hay nhất đẹp nhất của dân tộc » (Nguyễn Du văn họa phổ, 1942).

Để chống lại quan niệm nghệ thuật thuần túy và phương pháp phê bình duy tâm của phái Hoài Thanh, để bác sự nhận định thiên về hình thức của ông Đào Duy Anh trong tập Nguyễn Du văn họa phổ, Nguyễn Bách Khoa cho xuất bản cuốn *Nguyễn Du và Truyện Kiều* đầu năm 1943.

Về phương pháp nghiên cứu văn học, Nguyễn Bách Khoa đặc biệt nhấn mạnh vào quan điểm đấu tranh giai cấp. Quyền *Nguyễn Du và Truyện Kiều* có mục đích khám phá giai cấp tinh của tác giả và tác phẩm. Hơn nữa, nó còn có tham vọng tìm đến nguồn gốc của giai cấp tinh ấy trong bối cảnh lịch sử và xã hội đương thời của Nguyễn Du. Vì thế nên Nguyễn Bách Khoa đã đề nhiều trang nói về giai cấp Nguyễn Du, thời đại Nguyễn Du, trạng thái xã hội — đặc biệt là cuộc đấu tranh giai cấp — lúc bình sinh của Nguyễn Du.

Nguyễn Bách Khoa lại đã cố gắng chứng minh rằng sự cấu tạo các nhân vật trong *Truyện Kiều* đều bị giai cấp tinh Nguyễn Du quyết định. Cả những tư tưởng triết lý (Nho, Phật) của *Truyện Kiều* cũng đề thể hiện những yêu cầu xã hội của giai cấp Nguyễn Du xuyên qua cá tính đặc biệt của Nguyễn Du. (1)

(1) Có người nói rằng Nguyễn Bách Khoa đã theo thuyết « huyết thống » trong cuốn Nguyễn Du và Truyện Kiều. Lại có người nói : Nguyễn Bách Khoa theo chủ nghĩa Freud để giải thích *Nguyễn Du Truyện Kiều*. Nói như vậy không đúng sự thực. Nguyễn Bách Khoa có nghiên cứu què quán dòng họ và cá tính Nguyễn Du, có thừa nhận ảnh hưởng của những yếu tố ấy đối với sự sáng tác của Nguyễn Du. Nhưng ý tưởng chủ đạo của Nguyễn Bách Khoa vẫn là : yếu tố giai cấp quy định cả huyết thống và cá tính nhà thi sĩ. Trang 14, Nguyễn Bách Khoa viết : « Họ Nguyễn Du là một phần tử chính tông của đẳng cấp nho sĩ. Hơn nữa, họ ông lại là phần tử tinh tú nhất của đẳng cấp

Nguyễn bách Khoa đánh đổ cái thuyết thông tục cho rằng « dem sách *Kim Vân Kiều* diễn dịch ra quốc âm, Nguyễn Du... chỉ cốt đề tả những nỗi cảm xúc đối với một người mà ông tưởng như là tiền thân của mình vậy » (Đào duy Anh) Theo Nguyễn bách Khoa thì Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* không phải chỉ cốt nói lên cái tâm sự « cô trung nhân nại » của một người « miễn cưỡng phải ra làm quan với triều Nguyễn nhưng tâm hồn bao giờ cũng chỉ biết có nhà Lê » (Đào duy Anh) Sáng tác *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chủ ý phản ảnh tình trạng thối nát của xã hội đương thời, giải quyết vấn đề chính trị của thời đại theo quan điểm giai cấp quý tộc. Nguyễn Du đề cao trung ương tập quyền, đề cao thái độ đầu hàng số mệnh, đề cao luân lý Tống nho với mục đích cải lương chế độ phong kiến mà ông đau đớn nhận thấy là đã mất tính chất thuần mỹ lý tưởng như ông kỳ vọng. Đồng thời, Nguyễn Du cũng nhân sáng tác văn chương thể hiện ra ở các nhân vật chính cá tính đặc biệt của mình. « Một xã hội ốm, một đảng cấp ốm, một cá tính ốm : tất cả *Truyện Kiều* là ở đó ». Nguyễn bách Khoa đả kích xã hội ấy, đảng cấp ấy, cá tính ấy :

ấy... Muốn hiểu rõ tộc họ ông, nghĩa là muốn hiểu rõ cái yếu tố sinh lý và tâm lý di truyền từ những thế hệ tổ tiên đến đời ông, **ta phải khảo sát đến tính chất và vận mệnh đảng cấp nho sĩ, tạm khởi thủy từ 1532...**». Trang 21, NBK viết rõ hơn nữa : «...Nhưng ảnh hưởng quê quán và tộc họ Nguyễn Du cũng không quyết định bằng **ảnh hưởng của đảng cấp** Nguyễn Du. » Trang 26 : « Qua di truyền tộc họ, qua ảnh hưởng quê quán, tất cả **vận mệnh của đảng cấp** đã thấm vào mạch máu Nguyễn Du từ phút nằm trong bụng mẹ...»

Tuy vậy, quan điểm giai cấp trong *Nguyễn Du và Truyện Kiều* chưa có hệ thống. Nguyễn bách Khoa chưa nắm chắc được quan điểm ấy, vẫn còn vướng mắc trong thuyết di truyền huyết thống tư sản và còn chịu ảnh hưởng nhiều của nhà phân tâm học Freud. (những đoạn cắt nghĩa mâu thuẫn trong hành động của Kim Trọng, Từ Hải, Thúy Kiều).

Về vấn đề này, các bạn muốn biết kỹ hơn, đón coi cuốn **TRUYỆN KIỀU VÀ THỜI ĐẠI NGUYỄN DU** (sắp xuất bản) của Trương Tửu trong đó có một chương lớn : Nguyễn bách Khoa tự phê bình.

« Tán dương ý thức hệ phong kiến của đẳng cấp sĩ phiệt trong lúc đẳng cấp này đã hết vai trò tiến hóa, chứa đựng một hệ thống hình thức bộc lộ ra tinh cách bi ai sâu oán, đầu hàng, chiến bại, Truyện Kiều chỉ là một sản phẩm quý tộc phong kiến đang tàn lụn. Giá trị ở đương thời của nó là một giá trị phản tiến hóa... Truyện Kiều là kết tinh phẩm của một chặng đường suy đồi nhất trên trường kỳ tiến hóa của cá tính Việt Nam. Cái đẹp của Truyện Kiều, ngày nay chỉ những tâm hồn muốn thụ lùi mới có thể thưởng ngoạn được».

Quyền Nguyễn Du và Truyện Kiều vừa in ra, ông Hoài Thanh lên tiếng công kích ngay.

Ông mỉa mai và phủ nhận phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Bách Khoa :

Với ông Nguyễn Bách Khoa, cái gì cũng rõ ràng như hai lần hai là bốn. Ông có ngờ đâu rằng sự thực huyền diệu hơn nhiều, nhất là khi sự thực đó là con người Nguyễn Du. Ông đang tay phân tích con người Nguyễn Du chẳng khác gì một nhà bác sĩ phân tích thầy ma trong phòng mổ xé. Thực là tàn nhẫn ! Và cũng thực là thô thiển !...

...Muốn bước vào một thế giới như thế giới Đoàn trường tân thanh, thái độ đúng với khoa học hơn cả là bỏ hết những kiến thức về khoa học ở ngoài cửa để đi vào với một tâm lòng chân thành và thanh khiết. Còn như đưa vào đây những kiến thức rành rành, những khi cụ chỉ nên dùng trong phòng thí nghiệm thì thực là trái với khoa học...»

Rồi ông Hoài Thanh đề nghị phương pháp phê bình của ông :

« Cái đẹp của Đoàn trường tân thanh, cái chất thơ bàng bạc trong cả quyền truyện cần phải được cảm thấy một cách hồn nhiên. Cứ phân tích, cứ giảng giải nó sẽ tan đi. Đến đây, sẽ phải im hơi, phải nhẹ bước mới hòng nhận thấy cái đẹp khi dịu dàng thùy mị, khi tráng lệ huy hoàng.. »

Như đề phụ họa với ý kiến Hoài Thanh, ông Nguyễn Mạnh Tường, trong tạp chí Thanh Nghị, cũng đưa ra một quan điểm phê bình văn học tương tự như thế.

Trong Thanh Nghị, số 92 (1944), ông nhận xét : « ... *Quyền Kim Vân Kiều, chứa chan thi vị... Thi vị đó rất hợp với tâm hồn người Việt Nam chúng ta. Hợp cho đến nỗi ta tưởng tượng rằng nếu tâm hồn ta có thể lên tiếng được thì sẽ hòa điệu theo thơ của Kim Vân Kiều* ». Trong tạp chí Thanh Nghị số 98 (13-1-1945), nói về sự khác nhau giữa thơ và khoa học, ông nhấn mạnh :

« Trong người ta, cần phải có bi mật ; trong đời ta phải có tình cờ, trong thế giới cần phải có trời đất quỷ thần thì ta mới muốn sống. Áo tưởng là sự cần dùng thiết yếu của ta. Ta chỉ có thể sinh hoạt được ở trong bầu không khí đầy những sương mù... khoa học là sự nghiệp của trí khôn. Trí khôn có thể hiểu và cắt ughĩa được ngoài giới dưới quyền ngũ quan mà thôi. Còn như nội giới của nhân loại hay là ẩn giới của tạo hóa phải để dành cho trí giác. Đây là vương quốc của nhà thi sĩ và triết học » (Bài : **VẤN ĐỀ KHOA HỌC**).

Cuộc xung đột ý kiến giữa Nguyễn bách Khoa, Hoài Thanh, Đào Duy Arh, Nguyễn mạnh Tường biểu hiện xu hướng phân hóa của các tầng lớp tư sản và tiểu tư sản đứng trước cuộc vận động cách mạng quyết liệt của quảng đại quần chúng cần lao (1937-1939) và của nhân dân cách mạng (1941-1945). Một bộ phận cố gắng đi theo ý thức hệ của giai cấp công nhân ; một bộ phận níu chặt lấy ý thức hệ của giai cấp tư sản đang khủng hoảng.

VI

VẤN ĐỀ TRUYỆN KIỀU TRONG THỜI KHÁNG CHIẾN

Trong thời kháng chiến, ngay những năm đầu tranh gian khổ nhất, giới văn học và trí thức yêu nước công tác trong vùng tự do vẫn lưu tâm đến vấn đề *Truyện Kiều*. Trong lúc ở những vùng bị tạm chiếm (Hà-nội, Sài-gòn) một số các nhà phê bình văn học sống dưới gót giặc (Nghiêm Toàn, Trần Cửu Chấn, Nguyễn Tường Phượng, Phạm Viết Tuyền v. v...) vẫn luẩn quẩn trong mô nhận định cũ kỹ của phái Nam phong hay của phe nghệ thuật thuần túy, vẫn đi vào con đường tìm « chữ nghĩa *Truyện Kiều* » kiểu Lê văn Hòe, vẫn ưa dùng những

lời nói ba hoa rỗng tuếch để che dấu một nội dung tư tưởng thoái bộ (1) thì trên chiến khu Việt Bắc, trong rừng núi Liên Khu IV, trong bưng biền Đồng Tháp Mười, các nhà văn, các giáo sư, các nhà chính trị đều cố gắng đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác Lê và của thực tiễn cách mạng Việt Nam soi chiếu vào áng thơ kiệt tác của Nguyễn Du.

(1) Muốn để các bạn có một nhận định khái quát về thứ văn nghiên cứu này, chúng tôi trích sau đây một số kết luận về *Truyện Kiều* của đôi ba nhà tri thức tiêu biểu.

Phạm Viêt Tuyền giáo sư «... Vương Thúy Kiều phải chăng là hiện thân của con người nhân loại cheo leo trên sườn dốc vật dục đầy những cạm bẫy của ma tinh yêu quái; mà luôn luôn ngưỡng vọng về phía đỉnh núi thần linh chìm đắm trong sương hồng lý tưởng...» (Bài diễn văn đọc tại Nhà Hát Lớn ngày kỷ niệm Nguyễn Du năm 1952, đăng trong *Văn hóa từng biên*, số đặc san về Nguyễn Du)

Trần Cửu Chấn, tiến sĩ văn khoa : « Trong *Truyện Kiều*, các nhà nho nghiên cứu những điển cổ văn học hay những chi tiết về văn học lục truyện. Người bình dân ngâm hát những đoạn thơ hay để làm vui tươi những giờ nhàn hạ. Cô thiếu nữ đọc lên những đoạn nhiều tình tứ nhất và hợp nhất với giấc mộng tương lai của mình... Cả một dân tộc nghiêng mình trên cuốn sách nhỏ ấy, thành kính, như nghiêng mình trên một cuốn kinh nhật tụng để đọc trong ấy những bí ẩn của trái tim mình và khám phá trong ấy sự bí mật của vận mạng mình. » (Chương kết luận, cuốn *Étude critique du Kim Vân Kiều*. Imprimerie de l'Union Nguyễn vầu Cửa, 1948, Saigon).

Trong đám người viết về *Truyện Kiều* ở nội thành, có ông **Lê Xuân Mỹ** là kỳ quặc hơn cả, điên loạn hơn cả. Xin trích một vài đoạn ở cuốn *Khảo cứu Truyện Kiều* của ông ta xuất bản năm 1953 ở Hanoi để các bạn thưởng thức : « Vương ông là Lão tử. Đời Tam quốc là Vương Tư-đồ. Ngoài Khổng Minh, Vương Tư-đồ là người có công lớn với nhà Hán. Vì vậy, Vương Quan phải giã ân ; Vương Quan là Lưu Bị... Điều Thuyền là Thúy Vân... » (Trang 10). « ... Kim Trọng là Tào Tháo căn cứ vào nhời nói của Khổng Minh sang đòi hỏi nhị Kiều của nhà Hán... Lãm thúy là nhà Thúc Sinh tức Quan Công vì Quan Công đã sang ăn ở Tào một thời kỳ nên Kim Trọng sang tạ hường... » (Trang 13) Và đây là mấy câu trích ở kết luận của sách : « Nếu chủ nghĩa chia rẽ trị của Khổng Minh là độc quyền tư bản thì chủ nghĩa công quyền cộng sản của Nguyễn Du là hợp để chống. Hai chủ nghĩa bất đồng vì cùng là duy vật chủ nghĩa.. » (Trang 80). Từ đầu đến cuối sách, toàn một giọng so sánh bí hiểm và quái gở như thế cả, độc giả không hiểu người viết sách nói gì. Thật là cùng độ của sự khủng hoảng về tư tưởng! (*xem tiếp trang sau*)

Năm 1949, ông Hoài Thanh viết tập : *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* (Hội Văn hóa Việt Nam xuất bản). Lần này, chúng ta gặp một Hoài Thanh khác hẳn Hoài Thanh của thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật những năm 1936-1945. Lần này Hoài Thanh đã dùng phương pháp khoa học mác xít để mổ sẻ Nguyễn Du, tìm giai cấp tính của Nguyễn Du, phân tích xã hội phong kiến ở thời Nguyễn Du, nhận xét về tác dụng phản phong của *Truyện Kiều*. Đó là một tiến bộ vượt bậc ở Hoài Thanh.

Ý kiến chủ đạo của ông Hoài Thanh là : *Truyện Kiều* đòi quyền sống cho con người bị cùm kẹp trong chế độ phong kiến ; tuy thái độ của Nguyễn Du còn lúng chùng, chưa giết khoát « rất lúng cùn vì đầy những mâu thuẫn » (trang 51), tuy *Truyện Kiều* còn chứa đựng những tư tưởng phong kiến lạc hậu và những tình cảm buồn cô đơn, « Nguyễn Du vẫn có thể dạy cho ta biết yêu biết ghét. Ghét những cái bất lương trong xã hội. Yêu những cảnh sống đáng yêu... *Truyện Kiều* chứa chan những mối tình thâm thiết, *Truyện Kiều*, một sức sống bị gò lại bị dần xuống và vì thế từng khao khát sống đầy đủ sống say sưa. *Truyện Kiều*, ngay giờ đây, vẫn còn khả năng cải tử hoàn sinh, vẫn có thể gieo chất nồng say vào cuộc sống » (Trang 95) — bởi vì « cái ao ước sống rộng rãi sống sâu sắc Nguyễn Du gửi trong nhân vật Thúy Kiều Từ Hải cũng là cái ao ước của chúng ta » (trang 93).

Một mặt khác, ông Hoài Thanh lại chứng minh rằng : « ...Tấn thảm kịch Nguyễn Du tức là tấn thảm kịch của xã hội Việt-nam thời cuối Lê đầu Nguyễn cổ vron mình ra khỏi vũng lầy phong kiến nhưng vì thiếu điều kiện khách quan nên không đương thoát khỏi cuộc đanh quấn quai trong buồn tủi trong đau thương » (trang 94).

Tuy vậy, cũng có nhà bình luận về *Truyện Kiều* nghiêm túc hơn mặc dầu non nớt, lạch lạch. Thí dụ : ông Nguyễn quang Huy giáo sư Trung học, trong bài luận về *Truyện Kiều*, đã phê phán ý thức tranh đấu của Nguyễn Du đối với Định mệnh là duy tâm, tiêu cực, cá nhân chủ nghĩa. «... dấu Thúy Kiều tượng trưng được cho con người bị áp bức, nhưng những hoạt động của nàng chưa đủ tiêu biểu cho sự tranh đấu mà con người cần phải có » (*Tập Luận đề văn chương*, trang 60, 69 — Thế giới xuất bản. In lần thứ hai).

Cuối cùng ông đặt ra câu hỏi : thái độ chúng ta ngày nay đối với *Truyện Kiều* phải như thế nào ? Và ông trả lời :

« Trước hết, chúng ta sẽ gạt cái phần tư tưởng, cái phần lý trong *Truyện Kiều*. Thực ra thì Nguyễn Du cũng như người bình dân Việt nam sống về tình nhiều hơn là về lý... Chúng ta cũng sẽ gạt đi cái buồn của Nguyễn Du... Nhưng một mặt gạt đi những tư tưởng ồm yếu, gạt đi cái buồn vô ích của Nguyễn Du thì một mặt khác chúng ta cũng phải biết đâu là cái phần sẽ còn lại trong *Truyện Kiều*, cái phần chúng ta nên trân trọng. Một thói quen rất cũ xui ta nghĩ rằng cái phần sẽ còn lại đó là văn chương. Nói thế vừa rộng quá vừa hẹp quá. Hẹp quá vì cái phần sẽ còn lại trong *Truyện Kiều* không phải chỉ là văn chương. Rộng quá vì không phải tất cả văn chương *Truyện Kiều* sẽ còn lại. Cái buồn chúng ta gạt đi nó cũng diễn ra bằng văn chương. Cho đến những tư tưởng chúng ta gạt đi cũng là văn chương.

Trong *Truyện Kiều*, trong văn chương *Truyện Kiều*, chúng ta sẽ trân trọng sự sống bị chà đạp, bị dày vò và cái phần muốn vươn lên của sự sống ấy... » (trang 89, 90 92, 93). (1)

Ông Lê Duẩn, một nhà chính trị mác xít có uy tín, nhân báo cáo về Mặt trận dân tộc ở Nam bộ (1952) có phê phán quan điểm của Hoài Thanh như sau đây :

« Ông Hoài Thanh đã đem vật biện chứng ra để phê bình *Truyện Kiều*. Ông muốn nói một tiếng nói cuối cùng về *Truyện Kiều*. Nhưng chúng ta thấy có những điều cần phải nói rất nhiều mà tác giả chưa hề nói một tiếng.

Có Kiều đang sống trong một thời kỳ phong kiến bước qua tiền tư bản. Đồng tiền đã muốn làm chủ thế gian. Đồng tiền đã chà đạp nền đạo lý thần thánh của phong kiến. Trung hiếu, tiết hạnh, tài hoa, nhan sắc như có Kiều đã bị đồng tiền làm cho ba chìm bảy nổi, đã hóa có Kiều làm món hàng xa xỉ của thế gian.

(1) Cùng trong thời gian này, (1949) ở Thanh hóa, thiếu tướng Nguyễn Sơn có nói chuyện luôn 6 tiếng đồng hồ về *Truyện Kiều* ở trường Thiếu sinh quân L. K. 4. Nhưng vì bài nói chuyện không được in ra và tôi không được dự nghe buổi nói chuyện, nên không có tài liệu về ý kiến của ông Nguyễn Sơn để ghi vào bài này,

Lòng đau thương oán giận của Nguyễn Du có phải chỉ vì bọn phong kiến bất lực, đê hèn. Chế độ phong kiến vẫn còn đẹp để nguy nga với cụ. Cụ tức giận bọn phong kiến bất lực, mà cụ oán ghét một chế độ đương tiền lên: một chế độ thương mại gây sự là bởi thặng bán tơ. Đồng tiền giải quyết mọi việc khó khăn của xã hội. Thế là hết đạo lý, thế là hết tài với sắc. Mọi sinh hoạt xã hội đều quay về đồng tiền.

Tác giả không tìm hiểu những sinh hoạt xã hội trong Truyện Kiều mà chỉ tìm hiểu cụ Nguyễn Du và như vậy nên không bao giờ hiểu được cụ Nguyễn Du con người muốn kéo xã hội trở lại. Vì bản chất giai cấp của cụ, cụ chỉ thấy mặt xấu của đồng tiền mà không thấy mặt tốt mặt tiền bộ của nó. Nhưng tác giả không hề nói đến những chuyện ấy vì đó là phần phản động của Truyện Kiều. Tác giả hình như muốn vi minh với tình trạng Nguyễn Du. Tác giả hình như nương theo tình cảm của mình mà không thấy tình cảm Nguyễn Du. Vì hiểu làm sao nỗi trong người mình đã có lúc có những tình cảm phản động?

Tác giả, với ý thức cách mạng đang tiến có lẽ không muốn như vậy. Nhưng tâm tình mới tiến đến đó. Ấu cũng chưa thoát khỏi cái tình cảm sai lạc. Vì sự nhận xét ấy mà tác giả lại có một thái độ lừng chừng với khoa học. Tác giả nói đem khoa học hiểu Truyện Kiều không đủ vì nó có phần tình vi của nó. Nhưng khoa học lại không xét được phần tình vi trong tình cảm con người chẳng?... »

Mặc dầu không chủ ý phê bình Truyện Kiều, ông Lê Duẩn cũng đã góp một nhận xét mới đi sâu vào chân tướng Truyện Kiều, chân tướng Nguyễn Du.

VII

VẤN ĐỀ TRUYỆN KIỀU TỪ SAU KHI HÒA BÌNH LẬP LẠI

Sau khi Hòa bình được lập lại, vấn đề Truyện Kiều lại được bàn luận đến trên báo chí. Có ba ý kiến đáng chú ý là ý kiến của các ông Trần đức Thảo, Đào duy Anh và Minh Tranh.

Trong bài *Tìm hiểu giá trị văn chương* cũ đăng trong tập san VĂN SỬ ĐỊA số 3 ra tháng 11-1954, ông Trần Đức Thảo đã viết một đoạn về *Truyện Kiều* như dưới đây :

« Thực chất *Truyện Kiều* là diễn tả quá trình suy đồi của chế độ phong kiến đưa đến một cuộc nông dân khởi nghĩa.... Những nét thối nát của chế độ phong kiến suy đồi, những máu thuẫn nội bộ chia sẻ mỗi tầng lớp bóc lột được diễn tả sâu sắc. và đằng sau vai trò anh hùng cá nhân Từ Hải, chúng ta thấy rõ những lực lượng của nông dân nổi dậy để đánh đổ một triều đình đặc biệt phản động....

... Tất nhiên, cái nội dung chân chính này đã bị xuyên tạc trong cách trình bày của Nguyễn Du. Tác giả đã quan niệm câu chuyện một cách hoàn toàn trái ngược. Những hiện tượng tan rã của xã hội phong kiến không phải là do ở chế độ áp bức bóc lột nhưng theo tác giả là do ở những người làm trái với luân lý phong kiến : quan lại tham ô, phường buôn người. Vai trò Từ Hải không phải là tiêu biểu cho lực lượng bất khuất của nông dân nổi dậy chống chế độ thối nát : đó chỉ là do cá tính anh hùng, làm mất trật tự xã hội, gây những cuộc đổ máu tai hại và cuối cùng thì đi đến chỗ thất bại hoàn toàn. Mà những nỗi gian nan của nàng Kiều không phải là những dẫn chứng tố cáo một chế độ đối kháng với quyền sống của mỗi người ; trong quan niệm của tác giả, đây là những điều kiện để thực hiện đến một trình độ tối cao những đức tính phong kiến : trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Nhưng thực ra đó chỉ là ý kiến chủ quan của Nguyễn Du. Vì theo ý nghĩa khách quan của tác phẩm văn nghệ thì rõ ràng rằng nàng Kiều là nạn nhân của một chế độ thối nát, và chúng ta thông cảm với Từ Hải, khinh ghét Hồ Tôn Hiến. Ý nghĩa khách quan đây là ý nghĩa xuất phát trong mỹ cảm, vì nội dung chân thực của một tác phẩm văn nghệ là nội dung được diễn tả bằng nghệ thuật văn chương, không phải là những nhận xét và quan niệm của tác giả.

... Tư tưởng (Nguyễn Du)... là tư tưởng của giai cấp thống trị. Nhưng thiên tài của thi sĩ là đã hấp thụ được ảnh hưởng khách quan của phong trào nhân dân trong cảm xúc văn nghệ và nhờ đó đã đi trái với quyền lợi giai cấp và tư

tướng bản thân, phản ánh hiện thực tiến hóa của xã hội. Sức mạnh của hiện thực xã hội đương lên, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động gây mâu thuẫn nội bộ trong mọi tầng lớp bóc lột đã phá vỡ một mảng trong bức thành bảo vệ tư tưởng phong kiến.

Tất nhiên trong ý thức tư tưởng của Nguyễn Du, cái hiện thực đó lại xuất hiện với một ý nghĩa ngược hẳn với chân lý. Nhưng ý nghĩa chân thực vẫn được duy trì trong mỹ cảm và thể hiện trong nghệ thuật thi văn. Giá trị văn nghệ của tác phẩm là đã diễn tả được hiện thực xã hội với cái ý nghĩa tiến hóa của nó trong nhịp điệu, hình ảnh và tình cảm, tuy cái ý nghĩa đó đã bị xuyên tạc, thậm chí là lật đổ trong quan niệm và nhận xét của tác giả.

Cũng nhờ cái nội dung đó mà nhân dân đã ghi nhớ thơ của Nguyễn Du tuy ngày ấy chưa có điều kiện để hiểu rõ cái ý nghĩa chân thực mà chỉ có bấy giờ, với lập trường quan điểm cách mạng, chúng ta mới có thể hiểu một cách đúng đắn»

Và ông Thảo rút ra một kết luận quan trọng về mặt lý luận văn nghệ : « Tức là trong một số tác phẩm phong kiến cũng có vai trò tích cực của nhân dân làm nguồn gốc cho giá trị văn nghệ của những tác phẩm đó. Và chúng ta không có quyền nói rằng : « đã là văn chương của phong kiến thì phải tẩy trừ », vì như thế là phá bỏ một cách vô trách nhiệm một phần quan trọng của cái tài sản mà công trình lao động và đấu tranh của nhân dân đã để lại trong lịch sử dân tộc. »

Trong tập san Đại Học Sư Phạm số 1 ra tháng 5-1955, ông Đào Duy Anh (mới) viết một bài nhan đề : Truyện Thúy Kiều, tác phẩm cổ điển tiêu biểu của Văn học Việt-nam. Bài của ông Đào Duy Anh có ba điểm cần chú ý :

1.— Ông nhận định rằng « tư tưởng chủ đạo của Nguyễn Du trong suốt Truyện Thúy Kiều là cái tư tưởng tài mệnh tương đố... — « hình thức bi đát của thuyết định mệnh chủ nghĩa của giai cấp quý tộc » — ... « nhưng cứ khách quan mà xét thì chúng ta lại thấy tất cả những tai nạn Thúy Kiều phải trải là do đồng tiền gây nên » Tác đồng ý kiến ông Lê Duẩn ông cho rằng « nếu lên cái tác dụng lớn lao của đồng tiền

trong tác phẩm của Nguyễn Du tức là đã nắm được cái tư tưởng chủ đạo khách quan của Truyện Thúy Kiều » ... « Do đó, xét về khách quan, tác phẩm của Nguyễn Du có một ý nghĩa phản phong sâu sắc. »

2.— « Hai nhân vật điển hình trung tâm của Truyện Thúy Kiều được Nguyễn Du đặc biệt đề cao thì Thúy Kiều là « một con đĩ » và Từ Hải là « một thằng giặc »; điều ấy lại tăng cường cái ý nghĩa phản phong của tác phẩm. »

3.— Trong khi mô tả hai nhân vật này cũng như khi mô tả các người, vật, cảnh trong chuyện, Nguyễn Du, theo ông Đào Duy Anh, đã có một « bút pháp hiện thực chủ nghĩa » rất thần tình khiến « những cảnh, những người, những sự tình Nguyễn Du miêu tả đều có tính chất điển hình cao độ. » Sở dĩ được như vậy là bởi « ở Nguyễn Du, bút pháp hiện thực chủ nghĩa phối hợp chặt chẽ với những đặc sắc của chủ nghĩa cổ điển ».

Phản phong và hiện thực : đó là hai giá trị lớn của Truyện Kiều. Nhờ hai yếu tố ấy mà Truyện Kiều, theo ông Đào Duy Anh, phải được xem là « một áng văn cổ điển tiêu biểu vẻ vang của văn học dân tộc ».

Trong tạp san Văn sử địa, số 8, ông Minh Tranh có viết một bài « tìm hiểu Truyện Kiều của Nguyễn Du ». Theo ông Minh Tranh thì giá trị hiện thực của Truyện Kiều là ở chỗ nó phản ánh được « những mâu thuẫn phức tạp giữa các giai cấp chính của xã hội, giữa các tầng lớp trong một giai cấp, trong nội bộ mỗi giai cấp ». Theo sự phân tích của ông thì « trong xã hội đương thời đã nổi ra những mâu thuẫn kịch liệt giữa giai cấp thống trị và những giai cấp bị trị và trong bản thân giai cấp thống trị lúc bấy giờ đã nảy ra mầm phân hóa giữa yếu tố thuần phong kiến và yếu tố thị dân. Đó là những mâu thuẫn phản ánh trong Truyện Kiều mà ta cần chú ý ». Ông Minh Tranh cho rằng Nguyễn Du là đại diện cho tập đoàn thuần phong kiến bị chúa Trịnh là tập đoàn phong kiến kiêm nhà buôn « làm cho thất điên bát đảo » — trong Truyện Kiều thì tức là Thúy Kiều bị thằng bán tơ và bọn sai nha, bọn buôn người làm cho ba chìm bảy nổi. Muốn chống

với bọn phong kiến con buôn đắc thế, tập đoàn Nguyễn Du phải đi với nông dân, lợi dụng nông dân để giành lại địa vị ưu thắng (tức là Kiều lấy Từ Hải). Nhưng sau, tập đoàn ấy lại tiêu diệt nông dân khởi nghĩa để khôi phục quyền lợi giai cấp của chúng. (Kiều xui Từ Hải ra hàng, Hồ tôn Hiến giết Từ Hải). Và từ đấy, tập đoàn thuần phong kiến (Nhà Nguyễn) lại đối lập với nông dân, độc quyền thống trị xã hội (Kiều tái hợp Kim Trọng). Ông Minh Tranh lại nhận định rằng : *« Trong con người Nguyễn Du, trong tư tưởng Nguyễn Du, trước sau có hai yếu tố : yếu tố nhân dân và yếu tố thuần phong kiến tức là yếu tố tiến bộ và yếu tố phản động »*. Nguyễn Du có yếu tố nhân dân lúc tập đoàn thuần phong kiến (trong đó có thi sĩ) vì chiến thuật đấu tranh phải đi với nông dân chống tập đoàn phong kiến kiêm thương mại, chống kinh tế hàng hóa (chúa Trịnh). Nguyễn Du trở về với yếu tố thuần phong kiến phản động cố hữu lúc tập đoàn thuần phong kiến lợi dụng được sức mạnh của nông dân diệt xong tập đoàn phong kiến nhà buôn và thừa cơ nông dân thiếu cảnh giác đã diệt luôn được cả phong trào bạo động của nông dân. Theo ông Minh Tranh thì thủy chung Nguyễn Du vẫn đại diện cho *« giai cấp thuần phong kiến đã từng có lúc bị kinh tế hàng hóa và kinh tế thị dân mới nảy nở làm cho thất điên bát đảo và cuối cùng lại khôi phục được địa vị cũ của mình »*

Cuối cùng, ông Minh Tranh phản đối những người *« vội vàng kết luận rằng Nguyễn Du là phản phong và Truyện Kiều là câu chuyện phản phong. Thật ra thì Nguyễn Du xuất thân trong giai cấp phong kiến, không thể phản phong được ; tư tưởng của Nguyễn Du cũng không phải là tư tưởng phản phong, mà Nguyễn Du chỉ là tiêu biểu cho những ý nghĩ tâm tình chống lại chế độ phong kiến đang thống trị của họ Trịnh »*.

Trong tập san Văn Sử Địa số 9, ông Minh Tranh lại viết lại tiếp bài ở số 8 Lần này, ông xác định giá trị *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Về căn bản ông đồng ý với ông Hoài Thanh *« đặt ra vấn đề xét thái độ đối với quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, do đó đã nêu ra giá trị nhân văn của tác phẩm. »*

Giá trị nhân văn của *Truyện Kiều*, theo ông Minh Tranh, biểu hiện ra ở những sự chống đối một chế độ xã hội chà đạp lên quyền sống của con người. Yếu tố tiến bộ này không do chủ quan giai cấp của Nguyễn Du sản sinh ra mà do « cái khách quan của xã hội đã dội vào tư tưởng tác giả rồi xuyên qua tư tưởng tác giả hiện ra trong tác phẩm một cách khá rõ rệt ».

Bên cạnh giá trị nhân văn ấy của *Truyện Kiều*, ông Minh Tranh cũng nêu ra « những tư tưởng lạc hậu thoái hóa có hai cho cuộc đấu tranh giải phóng con người ». Đó là những tư tưởng « nhân duyên », « Số mệnh », « tiền oan nghiệp chướng » đã đẻ ra « cái tinh thần au phạt thủ thường của những nạn nhân của chế độ ». Sự mâu thuẫn trong tư tưởng Nguyễn Du cũng chỉ là phản ánh của hiện thực khách quan ở đương thời :

« Nếu những phương diện ưu điểm của tác phẩm thể hiện những sức vươn lên trong xã hội thì những phương diện nhược điểm của tác phẩm cũng là sự thể hiện những sức kìm hãm nãm ngay trong điều kiện xã hội ấy. »

Cuối cùng ông Minh Tranh kết luận : « Ngày nay, nghiên cứu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng ta có trách nhiệm biểu dương tất cả những cái gì tốt đẹp trong tác phẩm, đồng thời cũng không thể quên vạch ra những tư tưởng thoái hóa trong tác phẩm ».

Theo trật tự thời gian thì bài của ông Minh Tranh là bài sau trót về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Cùng một chủ ý : Đánh giá cho đúng di sản văn học của dân tộc để khai phát một cái gốc làm cơ sở cho sự xây dựng văn hóa dân chủ nhân dân, cùng áp dụng phương pháp duy vật biện chứng vào việc phê bình văn nghệ, cùng tự xét đứng trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân để nhận định về văn phẩm phong kiến mà các ông Hoài Thanh (mới), Lê Duẩn, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh (mới), Minh Tranh đã đi đến những kết luận khác nhau, có khi chống nhau, về *Truyện Kiều*. Vấn đề *Truyện Kiều* quả là một vấn đề phức tạp, một vấn đề chưa giải quyết.

KẾT LUẬN

Trên đây, chúng tôi đã trình bày những ý kiến về *Truyện Kiều* của một số các nhà trí thức tiêu biểu những giai cấp khác nhau ở những thế hệ khác nhau, từ lúc tác phẩm của Nguyễn Du ra đời đến ngày nay. Chúng tôi chỉ giới thiệu những ý kiến có tính cách đại diện cho những khuynh hướng tư tưởng rõ rệt.

Nói chung thì lịch sử vấn đề *Truyện Kiều* đã diễn triển theo một khuynh hướng càng ngày càng rõ rệt. Về phương pháp phê bình, có khuynh hướng đi từ chủ quan đến khách quan, từ siêu hình đến duy vật, từ hình thức chủ nghĩa đến sự chú trọng vào nội dung ý thức của tác phẩm. Về lập trường, có khuynh hướng đi từ lập trường của những thiêu sở bảo thủ đến lập trường của quảng đại nhân dân cách mạng — chủ yếu là của giai cấp công nhân. Về quan điểm, có khuynh hướng đi từ chỗ: « bảo vệ quyền lợi riêng của giai cấp mình (phong kiến, tư sản, tiểu tư sản) thì xuyên tạc chân lý » đến chỗ « có khám phá được chân lý mới bảo vệ được quyền lợi giai cấp (công nhân) ». Tóm lại, sự nghiên cứu phê bình, tranh luận về *Truyện Kiều* tiến dần dần đến khoa học tính, và nhân dân tính.

Hiện giờ, bàn đến *Truyện Kiều*, chúng ta vẫn đang vấp phải những vấn đề sau đây: *Truyện Kiều* là tiếng nói của giai cấp nào? *Truyện Kiều* có hiện thực không? *Truyện Kiều* có phản phong không? Tinh chất hiện thực và phản phong của *Truyện Kiều* bị ý thức hệ thống trị đương thời và điều kiện lịch sử giới hạn như thế nào? Có mâu thuẫn giữa mỹ cảm và tư tưởng trong bản thân Nguyễn Du không? Tại sao các tầng lớp bình dân lại thích *Truyện Kiều*? Ngày nay, nhân dân Việt-nam có học được gì trong *Truyện Kiều* nữa không? Nếu bảo *Truyện Kiều* là tác phẩm văn học cổ điển của Việt-nam thì thế nào là một tác phẩm cổ điển?

Theo ý chúng tôi, đó là mấy vấn đề còn tồn tại về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Chúng tôi ao ước rằng lần này chúng ta sẽ giải quyết được những vấn đề ấy trong căn bản để có một nhận định rõ rệt và thống nhất về giá trị của tác phẩm thì ca tụyệt diệu đã làm vẻ vang cho văn học dân tộc.

19-8-1955

TRƯƠNG TỬU

ĐẶC SẮC CỦA VĂN HỌC CỔ ĐIỂN VIỆT NAM QUA NỘI DUNG TRUYỆN KIỀU

Khi nói đến văn học cổ điển nước nhà thì tác phẩm đầu tiên mà mọi người chúng ta phải nghĩ tới ngay là *Truyện Kiều*. Không ai có thể phủ nhận rằng : trong toàn bộ văn học Việt nam ngày xưa, *Truyện Kiều* là một thành công vẻ vang nhất, là áng văn chương tiêu biểu hơn hết.

Sự thực thì ngay từ lúc mới ra đời, tập thơ *Đoạn trường tân thanh* đã được độc giả công nhận làm một kiệt tác bậc nhất trong thi ca tiếng Việt. Qua mấy thế hệ nhà văn, trong khoảng hơn một trăm ba mươi năm nay, người đọc, người phê bình *Kiều* không bao giờ cạn lời khen ngợi. Ấy là kể cả những người không tán thành hoàn toàn nội dung. Nhân dân đại chúng cũng xác nhận lời bình phẩm của lớp sĩ phu học giả. Hồi tập thơ của Nguyễn Du còn chép bằng chữ nôm, có những người đàn bà không hề đi học, chỉ nhờ thuộc lòng *Truyện Kiều* mà đã mò mẫm tự học để đọc được tất cả các bản sách chữ nôm. Người dân Việt-nam, bất kỳ thuộc về tầng lớp nào, không ai là không thích nghe kể *Truyện Kiều*, ngâm *Kiều*, lấy *Kiều*. Người ta nhớ lấy từng câu, từng đoạn và dẫn dụng vào câu chuyện hàng ngày, khi nói đến « nhân tình thế thái ». Trong xã hội Việt-nam, *Truyện Kiều* được xem như là một bản « linh kinh », có thể báo cho người ta những bước rủi may trên đường đời. Nếu chúng tôi không

lầm thì trong văn học thế giới, trừ mấy tập kinh thánh ra, thì chỉ có hai nhà thi sĩ là đã chinh phục hoàn toàn được lòng tin của độc giả đến trình độ đó : Ho-me nhà thi sĩ Hy-lạp và Nguyễn Du. Khi bọn thực dân Pháp vừa đặt cơ sở thống trị ở Nam-kỳ và chúng muốn tỏ ra vẻ tha thiết với văn hóa Việt-nam hơn cả tập đoàn vua chúa nhà Nguyễn nữa, thì *Truyện Kiều* là áng văn mà chúng đã đem in bằng quốc ngữ và dịch ra tiếng Pháp từ giờ đầu. Chế độ thực dân vẫn phải thừa nhận tập thơ của Nguyễn Du làm một tập sách học ở nhà trường.

Đối với thế hệ trước sau Cách mạng tháng tám của chúng ta ngày nay, *Truyện Kiều* vẫn được xem trọng trong học hiệu cũng như trên văn đàn. Hứng thú của nhân dân đại chúng đối với *Truyện Kiều* ngày nay so với ngày xưa vẫn không hề kém sút. Tóm lại, *Truyện Kiều* cũng như tất cả các áng văn tuyệt tác trong văn học thế giới dường như không hề biết già, mà lại còn có vẻ càng ngày càng trẻ nữa.

Cũng trong số báo này, độc giả có thể theo dõi pho sử vận mạng vẻ vang của *Truyện Kiều* qua bài khảo cứu rất đầy đủ và minh bạch của ông bạn Trương Tửu. Ông Trương Tửu đã nêu rõ ý nghĩa xã hội, ý nghĩa giai cấp trong vấn đề thưởng thức phê bình *Truyện Kiều*. Qua bài tổng quát của ông Trương Tửu, ta có thể nhận thấy rằng : dù từ xưa đến nay, các thế hệ nhà văn nhà thơ đều đồng thanh về giá trị văn nghệ của *Truyện Kiều*, thì mỗi một thời đại, mỗi một giai tầng xã hội, đều đã nhận xét tác phẩm của Nguyễn Du theo một quan điểm riêng biệt.

Sự thực là thế : một áng thi hay văn kiệt tác cũng là một pho kiến trúc phức tạp, sâu sắc, phong phú và nhiều vẻ. Cho nên qua các thời đại, mỗi một thế hệ đều có thể nhận lấy ở đấy những tiêu chuẩn mới để đối chiếu với ý thức của mình. Cũng vì vậy mà đứng trước một tác phẩm cổ điển, các thế hệ độc giả, các giai cấp xã hội đều có một thái độ khác nhau, trong khi phê bình thưởng thức. Sự trạng đó chứng minh rõ rệt tính chất lịch sử của mọi công trình kiến thiết văn nghệ. Nhưng một mặt nữa, cũng chính vì vậy mà

qua các thời kỳ lịch sử tất cả các áng văn chương thành công đã được soi rọi bằng những tia sáng mới Chính vì vậy mà sự nhận định về nội dung về hình thức các tác phẩm cổ điển ưu tú của chúng ta càng ngày càng đầy đủ, càng chính xác.

Các nhà văn ngày xưa đã đứng trên quan điểm thẩm mỹ học phong kiến mà bình phẩm *Truyện Kiều*. Nhà phê bình Việt-nam hiện đại quan niệm giá trị cổ điển của *Truyện Kiều* theo một quan điểm khác : quan điểm văn học nhân dân.

Truyện Kiều, xét theo quan điểm văn học chúng ta ngày nay, cũng như tất cả các sáng tác vĩ đại trong văn học sử của các dân tộc khác, sở dĩ có được lực lượng để chống chọi với sức phá hoại của thời gian, sở dĩ nó có sức lực quyến rũ tình cảm, mỹ cảm của bao nhiêu thế hệ thuộc về mọi giai cấp không phải là vì nó có tính chất siêu giai cấp. Trái lại, chính là vì tác giả đã vận dụng được hình thức nghệ thuật trác tuyệt của dân tộc, những hình tượng đẹp đẽ, để phản ánh đời sống xã hội Việt-nam trong một giai đoạn lịch sử nhất định, để nêu vấn đề và cố tìm một phương hướng giải quyết một phần nào các nhu cầu của nhân dân trong tình thế xã hội của thời đại.

Ăng-ghe-n đã nhiều lần nói đến sự quan trọng của *khuyh hướng* trong văn học. Một nhà văn cổ điển thiên tài vẫn có một *khuyh hướng* : *khuyh hướng* đứng về phía đại đa số nhân dân, đi với nhân dân, chống với chế độ áp bức bất công. *Khuyh hướng* đó là sự đồng tình với nhân dân theo tinh thần nhân đạo chủ nghĩa. Nó có thể chỉ thể hiện vào trong một bút pháp tả thực. Có thể « *khuyh hướng* không được nêu rõ thành một công thức và nhà thi sĩ không bắt buộc phải chỉ cho độc giả một giải pháp lập thành về mọi mâu thuẫn xã hội mà mình vừa mô tả ». (1) Là vì qua « tình cảnh và động tác » của nhân vật trong câu chuyện, người đọc vẫn có thể nhìn thấy dụng ý của thi sĩ. Trình bày bộ mặt thực của một xã hội xây dựng trên cơ sở tư lợi của một thiểu số, tức là gây ý thức mong muốn cải tạo xã hội trong

(1) Thư gửi Minna Kautsky — 1885.

đám độc giả rồi. Cũng có thể là sau lúc đã nêu vấn đề, phương hướng cải tạo xã hội mà tác giả đề ra không dùng hẳn voi đường lối phát triển của xã hội, hoặc chỉ là một hình ảnh viển vông. Nhưng nếu như một tác phẩm có thể gây được cho quần chúng độc giả cái mộng tưởng là ngoài thực tế buồn tẻ của hiện tại, con người vẫn có thể hy vọng một thế giới tương lai đẹp đẽ hơn, thì cái chủ nghĩa lãng mạn có cũng là một lực lượng để khuyến khích người đời cứ ước ao, suy nghĩ, cứ tưởng tượng và tranh đấu để tiến lên. Cho nên một tác phẩm ưu tú, tả thực hay lãng mạn, vẫn luôn luôn bao hàm một tinh thần nhân đạo chan chứa tình cảm đối với nhân dân đại chúng. Nhà phê bình văn học cổ điển Nga, Bê-lin-sky đã nói : « Nhà thi sĩ thiên tài nhất định phải là của nhân dân », chính là vì thế. Và cũng chính vì thế mà chúng ta có thể xác nhận : nhân dân tính là tiêu chuẩn chắc chắn hơn hết trong văn nghệ cổ điển.

Về phần nội dung, nhân dân tính biểu hiện vào trong chủ nghĩa nhân đạo của văn nghệ sĩ.

Nhưng trong lĩnh vực văn nghệ, một vấn đề tuy là thứ yếu, nhưng cũng vẫn rất là quan trọng, đó là vấn đề hình thức. Vì vấn đề này trước đây, dưới ảnh hưởng thẩm mỹ học phong kiến và tư sản, nhà phê bình nước ta có lúc đã quá chú trọng đến nó, cho nên nhiều lúc đã sa chân hẳn vào vũng lầy hình thức chủ nghĩa và quên hẳn nội dung. Từ đó, đi tới lý luận « nghệ thuật vị nghệ thuật », đoạn đường sẽ rất ngắn và dễ dàng. Nhưng chúng ta cũng không vì sợ « sa lầy » và muốn « bảo hiểm » mà trốn biệt đi, không dám nh n tới hình thức trong khi nói đến văn nghệ. Mấy năm trước đây, văn nghệ Liên-xô đã nêu rõ khuyết điểm của mấy bài văn chương phát biểu trong dịp kỷ niệm năm thứ 150 ngày sinh nhật Pu-kin, vì mấy bài đó chỉ nói một cách quá sơ sài về « vấn đề hình thức trong công trình sáng tác của nhà thi sĩ vĩ đại ở thế kỷ vừa qua của nước Nga » (1).

(1) *Vấn đề văn học qua tác phẩm của Sta-lin về ngôn ngữ học*. Bản dịch của xuất bản xã Văn nghệ mới, Thượng-hải, 1953. — Tập I, Q 2, tr 16.

Nhưng một mặt nữa, trong khi phân tích giá trị văn chương một tác phẩm, ta cũng cần đả kích cái lối « giảng văn » tán rộng, máy móc, khen từ giấu chắm phết khen đi

Một tập báo văn nghệ Liên-xô gần đây đã nêu một điển hình và đã phê bình gay gắt lối phân tích gàn dở đó. Vào khoảng 1950, trên tờ tạp chí *Đạy tiếng Nga*, một đồ đả ngôn ngữ học của J. Ma-ro có phát biểu mấy ý kiến về tinh chất giai cấp của danh từ chuyên môn trong văn học. Và điểm xuất phát của nhà « ngữ học » là câu chuyện ngắn của S. Shedrin nhan là : « Chuyện một bác nông dân đã nuôi sống được hai vị tướng quân ». Tác giả bám ngay lấy cái đầu đề của bài đó và quả quyết « *Nông dân và Tướng quân*, chỉ hai danh từ đó đã nêu rõ hai giai cấp đối địch rồi ! Lại còn một người nuôi hai. Lại còn chữ *nuôi sống* nữa, rõ ràng là quan hệ kinh tế cũng được nêu lên từ từ : đầu ! » Tòa soạn báo Văn nghệ trên đây đã cực lực công kích lối phê bình đó và kết luận : chỉ nhìn qua cũng đủ rõ lối phân tích ngôn ngữ như vậy là hoang đường, sai lầm đến mực nào ! (1)

Cái lối giảng hình thức như thế trong làng văn nước ta ngày xưa cũng không phải là không có. Có người đã khen câu « nửa vầng trăng khuyết bao sao giữa trời » trong *Kiều* là hay tuyệt vì nó là hình ảnh chữ *Tâm* (viết theo lối chữ Hán) mà nó hay là chính vì Kỳ, tâm là tên tự của Thúc sinh, và qua cái hình ảnh đó người ta thấy cô Kiều đang nhớ chàng Thúc !

Trong khi giảng văn chúng ta cần tránh hai khuynh hướng trên đây. Đó là lẽ cố nhiên. Nhưng không phải vì sợ làm vào chủ nghĩa hình thức mà khi nói đến văn học ta có thể gạt hẳn hình thức ra ngoài. Vì nói đến văn nghệ, hình thức cũng là một thể hiện của nhân dân tính vào trong nghệ thuật, trong văn học. Một tác phẩm cổ điển ưu tú bao giờ cũng là một công trình sáng tác trong đó nội dung đã được biểu hiện bằng một hình thức độc đáo của nghệ thuật ngôn ngữ. Văn học khác khẩu hiệu ở chỗ đó.

Dưới đây chúng tôi có ý định góp một vài nhận xét sơ bộ về mấy vấn đề quan hệ về nhưng đặc sắc của văn học cổ điển Việt-nam qua nội dung *Truyện Kiều*.

(1) Sách dẫn trên, trang 50, 51. —

1) *Truyện Kiều* có phản ánh ít nhiều gì xã hội Việt-nam ở đầu thế kỷ trước hay không ?

2) Tinh thần nhân đạo chủ nghĩa của Nguyễn Du là thế nào ? Vấn đề « tinh chất cổ điển của *Truyện Kiều* xét về phương diện nghệ thuật tính » xin dành lại một bài sau).



Nói đến vấn đề phản ánh tình hình xã hội thực tế trong *Truyện Kiều*, trước hết cần phải trả lời một câu nghi vấn căn bản. *Truyện Kiều* là một câu chuyện rút trong một tập tiểu thuyết của Trung-quốc, bây giờ định đi tìm ở đây cái hình ảnh của xã hội Việt-nam thì tránh sao khỏi được lối lập luận khiên cưỡng, ép uổng sự thực ?

Trong *Truyện Kiều*, sự kiện, địa điểm, thời gian đều là của Trung-hoa. Trong trí nhớ của độc giả, ấn tượng của các nhân vật mà Nguyễn Du trình bày là những nhân vật Trung-hoa. Khi ta thấy trên các tập *Truyện Kiều* đã xuất bản lâu nay những bức minh họa trình bày các nhân vật đó với bộ mặt và y phục Trung-hoa, thì cũng không có một độc giả Việt-nam nào có phản ứng gì. Đó là sự thực. Tinh chất đề tài quả có một ý vị nước ngoài. Cho nên nhân vật Nguyễn Du đã dàn xếp vào trong truyện không thể nói là những nét mặt đặc biệt Việt-nam thuần, túy Việt-nam. Đi sâu vào một bước nữa, nói đến giai cấp xã hội thì trong *Truyện Kiều* hình ảnh của nhân dân, của quần chúng nông dân cũng không có gì là rõ rệt. Cho nên đi tìm bộ mặt lịch sử kinh tế hoặc chính trị chân thật của xã hội Việt-nam qua tập thơ đó thì cũng là câu chuyện mơ màng...

Tuy vậy, ta cũng cần nhận rõ ý nghĩa cái chân thật trong văn học. Giữa dân tộc này với dân tộc kia, có những nét cá tính riêng biệt, nhưng cũng có những nét giống nhau. Nét giống nhau đó là nét phổ biến trong tính chất của con người. Chúng ta đã thấy trong văn học nước ngoài khá nhiều văn sĩ thi sĩ thiên tài, tuy có đi vay mượn đề tài ở nước ngoài, nhưng vẫn chuốc được sự đồng tình của độc giả trong nước mình, trong thời đại mình. Chính là vì sau bộ áo, sau những

nét vật chất riêng biệt của nhân vật, của địa phương, nhà văn nghệ sĩ đã nhìn thấy và đã xây dựng được cả một pho hình tượng phổ biến, với những nét tâm lý, những động tác phổ biến. Nhất là trong trường hợp Nguyễn Du, hai xã hội Việt-nam và Trung-quốc lại có những nếp tư tưởng, những thói quen, những động tác rất gần gũi cùng nhau. Cho nên bao nhiêu nhân vật xây dựng trong *Truyện Kiều*, xét về phần tinh thần, xét về phần biểu hiện của tâm lý con người vào trong động tác, trong lời nói, trong lối sống, vẫn không có gì là xa lạ. Thái độ phản ứng của Kiều trước vận mạng, của Kim Trọng trên đường lắt léo của tình trường, bộ điệu, mồm miệng của một mụ Tú bà, của một chàng Sở Khanh, tư thế của một nhân vật ngang gòì giọc đất như Từ Hải qua tác phẩm của Nguyễn Du, không phải là riêng biệt của Trung-hoa, mà cũng là những con người điển hình phổ biến chung cho xã hội Việt-nam nữa.

Nói đến phản ánh tình hình xã hội cũng vậy. Tập truyện của Nguyễn Du cố nhiên không phải là bức chân dung chụp lấy mọi nét đặc sắc kinh tế, chính trị của xã hội Việt-nam đầu thế kỷ thứ XIX. Nhà thi sĩ không phải là nhà khoa học xã hội. Trong tác phẩm của Nguyễn Du, ta chỉ nên nhận lấy những tia hồi quang soi rọi cho mọi người nhìn thấy những nổi mâu thuẫn của xã hội phong kiến trên con đường phân hóa. Nhận định lý luận phản ánh theo tinh thần đó, trước hết ta thấy rằng câu chuyện xảy ra trong một thời kỳ mà nhà sử phong kiến có thể noi là « thịnh trị » :

Rạng năm Gia-tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.

Ấy nhưng giữa cảnh « thái bình » đó, đời sống xã hội thế nào ? Nhà họ Vương là một nhà « bực trung », cô gái đầu lòng của hai ông bà viên ngoại là cô Kiều thì :

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

« Sắc đành đòi một, tài đành họa hai !... »

Cô Kiều có một người yêu có thể nói là xứng đáng theo quan điểm của thời đại : chàng Kim Trọng :

*Thiên tư tài mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa !*

Rồi hai anh chị nguyên bề thề non, hứa hẹn cùng nhau một cuộc đời ân ái vẹn tuyền. Nhưng một ngày kia ông viên ngoại bị « thẳng bán tơ » vu cáo. Quan lại tới tận nhà bắt :

*Già giàng một lão một trai,
Một giày võ loại buộc hai thâm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruổi xanh,
Rụng rời khung cửi, tan tành gói may.
Đồ tế nhuyễn, cửa riêng tày,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.....*

Bước đường lưu lạc của cô Kiều bắt đầu. Quan nba đòi cho được ba trăm lạng tiền lót. Để chuộc cha, Kiều phải bán mình... Chính quyền phong kiến là người thủ phạm đã làm cho nhà họ Vương vô tội phải tan nát, cho cô Kiều phải lênh đênh. Ta chỉ xem tất cả bộ mặt các quan lại trong *Truyện Kiều* thì có mấy mặt là thiệt mặt người ! Từ mấy quan địa phương, tri phủ, tri huyện, cho đến viên « tổng đốc trọng thần », đều là một lũ người vô trách nhiệm, không tài năng và tệ hơn nữa là một lũ tham ô, dâm dục, ác bá ! Trượng trưng cho giai cấp quan liêu địa chủ là nhà « họ Hoạn danh gia ». Cụ Thượng Lại chết rồi, nhưng nhà Hoạn của cụ Thượng bà vẫn nguy nga, đồ sộ :

*« Ngược trông tòa rộng dầy dài,
« Thiên quan Trung-tê có bài treo trên.
« Ban ngày sập thắp đôi bên,
« Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà... »*

Và nhà cụ Thượng góa đó còn nuôi một lũ côn quang, Ưng Khuyển, để tổ chức những cuộc bắt cóc, đốt nhà giữa ban ngày, tại những địa điểm cách xa nhà chúng « đường bộ tháng chầy. » Công việc của chúng lại tiến hành dưới ánh sáng « trời quang mây tạnh », giữa những giờ « bề lặng sông trong » ngay trước mũi của cái mà người ta vẫn gọi là chính quyền ! *Truyện Kiều* quả là một bản cáo trạng bằng thơ, bằng hình tượng nghệ thuật, để bộc lộ tất cả cái thối tha của chế độ quan liêu phong kiến đang sa đọa trên con đường tan rã. Là vì nó thối nát từ cuống tim, từ đầu óc.

Ấy nhưng chế độ đó vẫn có những tay tuyên truyền đắc lực. Dưới chế độ đó vẫn có những con người ngồi ca tụng trật tự xã hội, và khuyến khích nhân dân phải « an thường thủ phận. » Không biết có phải lão « quan thuyết hàng » đã mớm miệng cho Thúy Kiều hay không? Nhưng chính Thúy Kiều, chính con người bị hy sinh của chế độ bán thịt người đó đã rỉ vào tai Từ Hải :

*« Rằng trong thánh trạch dồi dào,
« Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
« Bình thành công đức bấy lâu,
« Ai ai cũng đội trên đầu biết bao ! »*

Mấy câu nói có một ý nghĩa vô cùng mai mỉa trong sự vô ý thức của người nói. Nhưng đối với ai chịu khó suy nghĩ chút ít, thì nó bộc lộ tất cả cái tác dụng rợn rợn của nền lễ giáo phong kiến.

Nhưng sau hậu đài xã hội phong kiến, một chế độ mới cũng đã bắt đầu lộ bộ mặt hung hãn kiêu căng của nó. Đồng tiền đã có thể « đổi trắng thay đen », tác uy, tác phúc, hãm hại dân lành để làm giàu cho lũ quan nha. Đồng tiền đã cho phép cả lũ ác ma như Mã giám sinh với Tú bà, Bạc bà, Bạc Hạnh mua người, bán người dưới sự che chở của pháp luật. Chúng có thể ăn to nói lớn, « ngồi đứng số sàng », chỉ vì chúng có tiền. Một lũ lưu manh đi làm tay sai cho bọn quan gia, làm cò mồi cho lũ chủ thanh lâu, cũng chỉ vì tiền. Sở Khanh vác bộ « mặt mo » đi thi hành chức « đả đao » để bầy cô Kiều cũng chỉ vì tiền của mẹ Tú :

*« Có ba trăm lượng trao tay,
« Không dùng đâu dễ chuyện này trò kia ! »*

Và giữa thẳng « bán tơ » đã « xưng xuất » trước cửa quan đề vu khống Vương ông với Mã giám sinh cùng bọn quan nha và ngay giữa quan nha với nhà mẹ Tú, sự liên hệ có phần chắc cũng không phải chỉ là câu chuyện hoàn toàn suy đoán của độc giả. Ngay cả cô Kiều đã đi tới chỗ vô tình giết Từ Hải là cũng chỉ vì « của nhiều nói ngọt nên lời dễ xiêu. ». Còn lũ quan lại nha môn thì :

« Một ngày lạ thói sai nha !

« Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền. »

Đồng' tiền có một thế lực như vậy trong một xã hội tổ chức như kia... Thơ Nguyễn Du không hề che đậy tý nào, trong khi bộc lộ sự thực. Và từ ngày lưu lạc thì cô Kiều chỉ là một món hàng trao từ tay nọ qua tay kia giữa đám làng chơi ngu xuẩn, hoang dâm và vô sỉ !

« Thoắt mua về, thoắt bán đi,

« Máy trời bèo nổi thiếu gì là nơi ! »

Truyện Kiều đã bộc lộ tố cáo sự tác hại của đồng tiền trong một xã hội mà kinh tế thương mại bắt đầu chớm nở, như cái nhọt ung thư trên sườn lưng của chế độ phong kiến.

Ngòi bút tả thực của Nguyễn Du cũng hết sức trung thành khi tả những cảnh sống hàng ngày của các hạng người trong xã hội. Bức cảnh cô Kiều sống trong gia đình êm ấm ngày mới cập kê là hiện thực. Bao nhiêu màn cảnh trong mấy lần gặp gỡ giữa Kim Trọng và Kiều vẫn là hiện thực. Hiện thực, khi thi sĩ ghi chép cảnh quan nha bắt bớ tra tấn và vợ vét của nhà dân lương thiện. Hiện thực, tư thế, lời lẽ, cử chỉ của Mã giám sinh, của mụ Tú bà. Và tất cả cuộc đời cô Kiều suốt mười lăm năm lưu lạc, « thanh lâu hai lượt, thanh y một lần », qua một thời gian làm lẽ của Thúc sinh, làm vợ của Từ Hải, vẫn là những cảnh hiện thực... Là vì Nguyễn Du khi tả người cũng như khi tả cảnh, khi tự sự cũng như khi phân tích tâm trạng, vẫn luôn luôn chú ý đến một sự thực sâu xa, chân thật ! Ấy là sự thực của tâm cảnh. Tâm cảnh của nhân vật lại luôn luôn được biểu hiện bằng những nét mặt, bằng tư thế, bằng những lời nói rất là chân thật và những cử chỉ hết sức linh động. Cũng chính vì vậy mà trong lúc tả cảnh tả người, Nguyễn Du đã gây được cái không khí thích nghi cho hoạt động, ăn nhịp với tâm trạng của con người, và đồng thời đã gây dựng trong tâm hồn độc giả những tình cảm sâu sắc chân thật : yêu thương hay giận ghét. Nhưng chúng tôi sẽ có dịp nói kỹ hơn về vấn đề này trong khi bàn về cổ điển tính trong nghệ thuật Nguyễn Du.

★

Lẽ cố nhiên, khi chúng ta nhận thấy tinh thần tả thực và tinh thần phê phán trong tác phẩm của Nguyễn Du, chúng ta cũng nên nhận rõ một sự thực : Nguyễn Du chưa phải là một nhà thi sĩ cách mạng đứng hẳn về lập trường đại chúng cần lao. Và cũng chính vì vậy mà về phương diện nội dung tư tưởng, *Truyện Kiều* chưa thể cung cấp cho độc giả một nhân sinh quan thích đáng. Nguyễn Du đã nêu rõ mâu thuẫn của thời đại mà con người bị đè nén dưới áp lực của chế độ quan liêu và của kinh tế thương mại. Đó là một ưu điểm của *Truyện Kiều*. Tuy vậy, trước bao nhiêu vấn đề xã hội nêu lên trong *Truyện Kiều*, giải pháp của nhà thi sĩ chưa có thể nói là ổn thỏa. Nguyễn Du oán ghét đồng tiền, nhưng lại dễ quay về với cái ảnh tượng mơ màng của một chế độ phong kiến, nguyên thủy mà nhà nho vẫn tưởng tượng là một thời kỳ thịnh trị. Nguyễn Du bất mãn với chế độ quan liêu phong kiến nhưng vẫn quyến luyến với ý thức hệ nhà nho : trung, hiếu, tiết, nghĩa. Mâu thuẫn giữa chữ tài chữ mệnh ? Nguyễn Du giải quyết bằng chữ tâm ! Vấn đề luyến ái ? Có Kiều quả đã có can đảm nghe lời gọi của trái tim và bất chấp cả khuôn phép lễ giáo và tôn pháp của đạo Khổng. Nhưng tinh thần « tranh đấu » của Kiều chưa phải là ý thức tranh đấu cho nữ quyền. Vấn đề hôn nhân ? *Truyện Kiều* có những đoạn hùng hồn đề tố khổ cho những người đàn bà lâm vào « cái kiếp lấy chồng chung ». Nhưng tố khổ chưa phải giải quyết vấn đề nữ quyền. Vấn đề hạnh phúc ? Cảnh đoàn viên của cô Kiều trong đoạn « Hậu Kim Trọng » chỉ là tia sáng diu dịu, hắt hiu trước bàn thờ của Phật, phải đâu là thức ăn của cõi người... Đối với vận mạng, chúng ta đã thấy rằng có lúc cô Kiều đã phải « nghiêng rặng » nguyên rủa :

« Chém cha cái kiếp má đào !

« Cởi ra rồi lại buộc vào như không !... »

Nhưng cuộc đời của cô vẫn chỉ là cái trò đùa của số mạng, trước sau chỉ « nhắm mắt đưa chân... mà xem con tạo xoay vần đến đâu ! »... Bao nhiêu mâu thuẫn đó đều chưa có thể nói là đã giải quyết được dứt khoát. Đó là mâu thuẫn giữa thực tế với lý tưởng. Lý tưởng của con người muốn vươn lên tới một cảnh sống tươi đẹp, công bằng hơn, giữa

những ngày mà chế độ kinh tế chính trị và trình độ ý thức vẫn ràng buộc cặp cánh của tưởng tượng lại trong những điều kiện sống rất gắt gao ! Đó cũng là tấn bi kịch trong tâm hồn, trong đời sống sáng tác của thiên tài thuở trước.

Nhưng không phải vì thế mà ta có thể hạ giá *Truyện Kiều*. Nhân dân đại chúng có lý do chính đáng để yêu *Truyện Kiều*.

Trước hết, bởi *Truyện Kiều* là một pho sách của tình yêu, yêu tự nhiên, yêu nhân loại, yêu lý tưởng. Qua *Truyện Kiều*, chủ nghĩa nhân đạo cũng là đặc sắc rõ rệt nhất trong văn học cổ điển Việt-nam.

Chúng tôi vừa nói đến bút pháp tả thực trong *Truyện Kiều*. Một yếu tố thứ hai của tác phẩm chính là yếu tố trữ tình.

Truyện Kiều có những trang trữ tình ưu tú nhất trong văn học nước ta. *Truyện Kiều* là tập thơ của tình yêu. Trước hết là ái tình. Trong một xã hội phong kiến, khi quả tim của đôi lứa thanh niên luôn luôn bị đè nén trong lễ giáo, nỗi ảm ức của con người đã tìm được trong tập thơ của Nguyễn Du một sự an ủi, một dịp hy vọng, hy vọng cho luyện ái được tự do, được giải phóng. Và một dịp để nhận thức bao nhiêu nét tế nhị của quả tim con người qua các cuộc thử thách của tình yêu, do đó mà độc giả cũng biết ghét tất cả những trạng thái luân lý không tự nhiên đã trói buộc con người một cách vô lý làm cho cõi lòng nghèo nàn. *Truyện Kiều* cũng là tập thơ của thiên nhiên, *Truyện Kiều* dạy cho ta yêu thiên nhiên trong màu sắc, thanh âm, ý vị của nó. Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* là toàn diện : cảnh thiên nhiên chân thật của đồng quê, cảnh chiều hôm, cảnh « non xa trắng gần » khi cô thiếu nữ ngồi nghe « ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi » ... Cảnh « ngọn triều non bạc trùng trùng » ... Bao nhiêu thanh âm màu sắc, bao nhiêu cảm giác của ngũ quan, bao nhiêu ý nghĩ của con người trước tạo vật... Nguyễn Du đã sắp xếp lựa chọn, có lúc vay mượn, nhưng luôn luôn chế biến để họa những bức cảnh phù hợp với tâm trạng, ăn nhịp với bước đường biến chuyển của cuộc đời. Cảnh vật thiên nhiên

trong *Truyện Kiều* vừa là một quang cảnh « nhìn qua một tâm trạng », vừa là bức trang tri họa cho đời sống của con người. Chúng tôi sẽ để dành phần phân tích kỹ thuật cho một bài nghiên cứu về nghệ thuật của Nguyễn Du. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nêu lên một nhận xét là nhà thi sĩ trữ tình thiên tài đó, trong khi tả cảnh vật thiên nhiên với bao nhiêu màu sắc, hình thái, cũng đã giúp cho người đọc một lối nhận thức về vũ trụ, về ngoại giới. Đồng thời nhà thi sĩ đã làm cho cái nhãn giới và tâm giới của chúng ta cùng thêm phong phú, thêm thâm thúy. Cảm giác của chúng ta dồi dào và sắc sảo hẳn lên với những cảm giác phức tạp, nhiều vẻ, nhiều màu, mà thi sĩ đã lượm nhặt lại và cung cấp cho ta như một bó hoa đầy vật sắc. Tập thơ của Nguyễn Du quả đã mở rộng tầm con mắt người đọc giả Việt-nam ngày trước và cả ngày nay nữa cho nó chú ý đến một thị dã mới mẻ, muôn màu của vật giới và của tâm giới.

Một mặt nữa, cảnh vật thiên nhiên là cụ thể. Khi thi sĩ gây cho ta mối cảm tình sâu sắc đối với cảnh vật, thì đồng thời cũng bồi dưỡng nổi lòng yêu quê hương đất nước. Tình yêu quê hương làng mạc đó chính là một yếu tố để bồi dưỡng tinh thần yêu nước của con người. Quan điểm phê bình văn học nhân dân vẫn chú trọng đến tinh thần yêu nước của các nhà văn thiên tài, chính vì lẽ đó. Qua *Truyện Kiều*, có những bức họa, bức cảnh tuyệt diệu mà độc giả luôn luôn có thể đối chiếu với thực tế Việt-nam, làm cho ta tin chắc rằng đó là hình thái, màu sắc của đất nước Việt-nam. Chúng ta không lấy làm lạ khi những người bôn tẩu việc nước và gặp bước đường trắc trở vẫn mở một trang *Kiều*, tìm lấy một lời an ủi, một lý do cho sự hy sinh với lý tưởng của mình. Những câu thơ giản dị như :

« *Tắc lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nổi nọ ngồn ngang bởi bởi...* »

Cũng đã nói hộ người trong cuộc một niềm tâm sự thiết tha : nổi lòng yêu nhà yêu nước, trên bước đường éo le cùng quân, khi cảm thấy sự bất lực của mình trước quỉ thù. Mà nào hoàn cảnh của họ có phải hoàn toàn là cảnh cơ *Kiều*

đâu. Trong chốn ngục tối, một nhà chí sĩ biết rằng mai kia sẽ bị bọn thống trị đưa ra xử cực hình... Nhà chí sĩ sẽ tập Kiều để ngỏ lòng kiên quyết hy sinh cho lý tưởng.

« Cửa nhà dù tỉnh về sau nữa,
« Còn con em đó, lo cầu đây! »

Cho nên bài học của *Truyện Kiều* cũng là bài học yêu lý tưởng, sẵn sàng hy sinh. Mặc dầu lý tưởng của cô Kiều, lý do hy sinh của cô Kiều đối với nhiều người không phải là lẽ sống duy nhất, tha thiết. Nhân dân ta yêu mãi *Truyện Kiều*, cũng là vì qua *Truyện Kiều*, mọi người đều thấy rằng non nước, quê hương của ta quả là đáng yêu.

Tinh thần nhân đạo trong văn học, trước hết là tình yêu đối với con người. Về phương diện này, Nguyễn Du là nhà thi sĩ có một tình yêu rộng rãi sâu sắc đối với nhân loại. Người độc giả thương cô Kiều chính là vì Nguyễn Du đã chảy nước mắt với cảnh ngộ một thiếu nữ tài sắc bậc nhất mà lại bị dẩy vào dưới một chế độ xã hội quá vô tình.

Qua tập truyện của Nguyễn Du, người ta thấy những cảnh đáng thương nhất trong xã hội phong kiến một gia đình tan nát dưới chế độ bất công, mối tình duyên đứt đoạn của một cặp « đôi lứa thiếu niên », cảnh cô thiếu nữ bị mua về bán đi trên thị trường thương mại, bị dẩy dụa trong chốn thanh lâu, hy sinh cho thú tính của một hạng người ích kỷ, cảnh người đàn bà lấy lẽ, đi làm nô tỳ dưới một chế độ bán nô lệ! Kiều chính là hiện thân của một giai nhân, một thiên tài bị dẩy dụa, qua những cảnh sống éo le, đau đớn. Sau thân thế cô Kiều, người ta thấy lòng thương của Nguyễn Du bao gồm cả phái yếu :

« Ngao ngán thay phận đàn bà,
« Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung ! »

Lời than vãn của Kiều cũng là tiếng nức nở của tất cả những người đàn bà sa đọa. Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du cố nhiên mới chỉ hiện bằng những phương thức yếu ớt theo đạo lý chữ nhân của đạo Khổng, hoặc theo tinh thần hiếu sinh của đạo Phật, chưa phải là chiến đấu tinh cho

nhân đạo, cho con người... Nhưng trong xã hội phong kiến đầy tội ác, giọt nước mắt trước đau khổ của loài người cũng là hạt mưa móc cần thiết cho cảnh vật dưới một gầm trời đang hạn. *Truyện Kiều* rất hiếm những bộ mặt ác ái từ bị. Nhưng không phải là hoàn toàn không có. Khi trong đám nha dịch còn chút từ tâm trong một kẻ lại già, khi trong nhà thanh lâu, hoặc dưới hàm sư tử, Kiều gặp được một ả Mã-kiều, một mục quản gia, một bà vãi Giác-Duyên, nhà thi sĩ vội vàng ghi lấy để lại cho nhân loại một niềm an ủi, một lý do hy vọng. Nhưng cũng chính vì thế mà dưới chế độ áp bức, nhân loại lại càng đáng thương : thì sao mà cái lòng thương người lại hiếm hoi đến thế ? Chỉ có những người như vậy mới biết thương người ? Đó cũng là một ám thị chứng minh rằng cái chế độ vô nhân đạo đó không có lý do gì để tồn tại vĩnh viễn...

Cho nên chủ nghĩa nhân đạo là yếu tố đẹp dễ nhất trong tập thơ của Nguyễn Du. Trong *Truyện Kiều*, tình chiến đấu chưa phải là tích cực và đúng với lập trường, mâu thuẫn chỉ giải quyết theo tinh thần thỏa hiệp với chế độ, tinh thần khuất phục với mệnh trời. Trời vẫn là lực lượng chi phối cả cõi người. Nhưng cũng không phải vì thế mà ta có thể bất công với nhà thi sĩ. Trái hẳn thế, ta phải nhận định ý nghĩa nhân sinh quan của nhà thi sĩ dưới ánh sáng của lịch sử. Sự đóng góp của nó có phần nào có thể nói là tiến bộ đối với xã hội đương thời, cần được nêu lên rõ rệt. Chúng ta cần phê phán mọi yếu tố yếu ớt và lạc hậu trong tư tưởng của Nguyễn Du. Nhưng điều cần hơn là nhận định chắc chắn cái giá trị của *Truyện Kiều* về phương diện nội dung, một cuốn chuyện dồi dào tinh thần nhân đạo chủ nghĩa trong một xã hội vô nhân đạo.

Ấy là chưa nói đến sự đóng góp của *Truyện Kiều* đối với văn học, với nghệ thuật, tiếng nói của nhân dân, của dân tộc. Chúng tôi sẽ có dịp trở lại với vấn đề này khi nói đến vấn đề nghệ thuật tính của *Truyện Kiều*.

ĐẶNG THAI MAI

PHÊ BÌNH TRUYỆN KIỀU CHÚ GIẢI CỦA LÊ VĂN HÒE

Ông Lê Văn Hòe có xuất bản cuốn *Truyện Kiều chú giải* ở Hà Nội từ năm 1953, sách khổ lớn, dày 772 trang, là một cuốn sách viết rất có công phu, kỹ càng và đầy đủ, so với loại sách ấy đã ra từ trước đến giờ. Muốn viết bài phê bình nó, tôi phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới dám hạ bút, tức là bài này. Với sự thận trọng ấy, tưởng cũng đủ tỏ lòng một độc giả là tôi, biết quý chuộng và không phụ công lao của tác giả.

Nhan sách là *Truyện Kiều chú giải*, nhưng mở đầu ra, người chú giải có đánh giá *Truyện Kiều*. Phần đánh giá chỉ có 2 trang mà thôi, nhưng tôi, tôi lại coi phần ấy là trọng yếu còn hơn 770 trang chú giải kia. Tôi chưa có thì giờ để thảo luận tỉ mỉ về phần chú giải vì nó khi bề bộn quá, cho nên trong bài phê bình này tôi chỉ mới nói trước về phần đánh giá.



Dưới cái phó đề *Truyện Kiều* ở đầu sách, ông Hòe nói *Truyện Kiều* lấy sự tích ở *Phong tình lục*, một tiểu thuyết Trung hoa « chẳng có giá trị gì mấy », mà nhờ « ngọn bút tài tình của cụ Nguyễn Du đã biến hóa..... thành một áng văn chương kiệt tác. »

Ông Hòe nói phải. Tôi hồi trước từng đọc *Phong tình lục* sách in, và mới đây, năm 1948, lại được đọc bản sách ấy chép tay của một nhà ở Yên Bái, thì thấy quả thật không có giá trị. Có lẽ vì nó không có giá trị ehò nên mấy trăm năm nay nó đã tuyệt bản ở Trung quốc. Đọc cả hai sách đem đối

chiếu nhau, thì thấy *Truyện Kiều* cắt xén xê dịch nguyên văn *Phong tình lục* rất nhiều. Có những tình tiết ở nguyên văn không có thì thêm vào, hay là ở nguyên văn có rất rườm rà mà bớt đi. Do đó, chúng ta có thể nói *Truyện Kiều* không phải một tiểu thuyết dịch, cũng không phải phỏng tác, mà là hoàn toàn sáng tác. (1)

(1) *Truyện Thúy Kiều* có mấy thứ sách đã chép, có người đã cử ra, đây tôi không nói đến, chỉ nói riêng về *Phong tình lục*. Nó là một bộ tiểu thuyết hai cuốn, khổ lớn, đề tên tác giả là Thanh tâm tài nhân, viết bằng bạch thoại đá văn ngôn, xuất bản từ đời nào thì không rõ. Nhà ông đốc học Lương văn Nhã ở làng tôi có bộ sách ấy mà đã cũ lắm, tôi đã được đọc nó trước đây 50 năm. Tôi có người bạn Hoa kiều ở Hội-an, tên là La doãn Khiêm, biết thưởng thức *Truyện Kiều* của Nguyễn Du lắm, muốn in chung nó với *Phong tình lục* làm một tập, bèn mượn sách của nhà Lương văn Nhã đem về Trung-quốc, vì nói rằng đã tìm ở nhiều hàng sách cũ bên ấy mà không có. Việc ông La doãn Khiêm định làm đây về sau cũng không thành,

Tên sách là *Phong tình lục*. *Truyện Kiều* mở đầu nói : « Phong tình có lục », nó là chữ có, không phải chữ cồ. Chữ có ấy cũng như chữ có ở câu « Họ Chung có kể lại già » và câu « Họ Đò có kể lại già thừa lên » ở bản truyện, và câu « Mị nương có ở tư phong khác thường » trong *Nam sử diễn ca* ; chứ Nguyễn Du không có thể thêm vào một chữ trong cái tên sách sẵn có mà nói « Phong tình cồ lục » được. Vậy mà ở *Truyện Kiều chú giải*, ông Hòe chép là « Phong tình cồ lục » rồi chú rằng « Phong tình cồ lục là bộ sách chép chuyện phong tình đời cồ », thì thật là bướng.

Còn có một bản *Truyện Kiều* viết bằng chữ Hán (văn ngôn), chép tay, không thấy tên người viết, trước kia tôi ở Hà-nội có được đọc. Bản này văn đở lắm, tôi tưởng đó là do một người Việt-nam nào thuở trước không hay chữ lắm, đã do theo *Truyện Kiều* Nguyễn Du mà dịch ra, xin đừng ai nhận lầm đó là *Phong tình lục*.

Theo *Phong tình lục*, chỗ Thúc sinh lập mưu chuộc Thúy Kiều ra, chỗ Thúy Kiều ở Chiêu ân am, chỗ Hồ tôn Hiến sai thuyết hàng Từ Hải, đều nói rất ngô nghê, tốn nhiều bút mực mà vô vị, những chỗ ấy Nguyễn Du đều bỏ hết mà chỉ nói phớt qua một vài lời. Còn những chỗ khác tả tình tả cảnh như chỗ Thúy Kiều ở lầu Ngưng-bích, đều là tự tay Nguyễn Du viết ra.

Về gốc tích *Truyện Kiều*, ông Đào duy Anh thấy biết nhiều hơn tôi, theo lời ông Đào thì : Bộ tiểu thuyết của Thanh tâm tài nhân hiện ông thấy có một bản nhan đề là *Quán hoa đường bình luận Kim Vân Kiều truyện*, trong số tập san này sẽ trích dịch nhiều đoạn. Còn quyển *Truyện Kiều* bằng chữ Hán tôi nói trên thì hiện ông Đào cũng thấy có bản in, nhan đề chỉ có hai chữ là *Kim Vân*.

Tiếp theo đó, ông Hòe tổng luận tánh chất và giá trị *Truyện Kiều* bằng ba đoạn văn rất gọn nhưng rất dứt khoát mà tôi phải sao lục đúng từng chữ ra đây để làm căn cứ cho sự thảo luận của tôi. Ông viết :

« Tác giả (chỉ Nguyễn Du) hình như muốn mượn *Truyện Kiều* để chứng minh và truyền bá một tư tưởng triết học tôn giáo. Tư tưởng ấy giá trị cũng tầm thường và chứng minh cũng chưa đúng xác.

Nhưng giá trị *Truyện Kiều* không ở tư tưởng đạo đức, luân lý hay triết học, cũng không ở cốt truyện hay cách bố cục, kết cấu, chi tiết. Cái giá trị tuyệt đối của *Truyện Kiều* là ở văn chương, ở kỹ thuật miêu tả, tự sự và diễn đạt tình cảm của tác giả.

« Người ta tán thưởng *Truyện Kiều*, người ta học tập *Truyện Kiều*, là tán thưởng và học tập văn chương : *Truyện Kiều*. Chính phần văn chương đó đã làm *Truyện Kiều* bất hủ.»

Theo đó, có thể đặt ra ba câu hỏi : 1.— Có phải tác giả muốn mượn *Truyện Kiều* để chứng minh và truyền bá một tư tưởng triết học tôn giáo không ? 2.— Có phải cái giá trị tuyệt đối của *Truyện Kiều* là chỉ ở văn chương không ? 3.— Có phải người ta tán thưởng học tập *Truyện Kiều* là chỉ tán thưởng học tập ở văn chương *Truyện Kiều* mà thôi không ? Ba câu hỏi ấy, tôi muốn đảo ngược thứ tự lên, từ thứ ba đến thứ nhất mà giải đáp, tự nhiên thấy sự đánh giá của người chú giải là có đúng được phần nào hay hoàn toàn không đúng.



Từ có *Truyện Kiều* gần một trăm rưỡi năm nay, một số rất đông người Việt-nam từ thế hệ này sang thế hệ khác đều ham đọc nó, đến nỗi có nhiều câu trong đó đã thành ra ca dao và nhất là người ta đã dùng nó làm sách bói. Một số rất đông ấy gồm người gọi là thượng lưu cả đến người đàn bà nông thôn, người biết chữ cả đến người không biết chữ. Nói rằng tán thưởng học tập về văn chương, đối với người thượng lưu biết chữ còn có lẽ, chứ đối với người đàn bà nông thôn thì — văn chương, theo ông Hòe là kỹ thuật miêu tả, tự sự

và diễn đạt tình cảm — họ có biết đâu mà tán thưởng và họ có cần học tập làm gì? Thế mà tôi thấy chẳng những có người biết chữ đọc trâm được từng đoạn *Truyện Kiều*, mà đàn bà nông thôn cũng có người đọc trâm được từng đoạn *Truyện Kiều*. Vậy thì chúng ta phải tìm cho thấy trong *Truyện Kiều* có cái gì đó đã nói được cái điều trong lòng mọi người muốn nói, có cái gì đó đã thông cảm với mọi người, nên họ mới ưa thích đến như vậy, chứ còn văn chương chỉ là một phần phụ, một phần nhỏ mà thôi.

Tôi tin quyết như thế. Một tác phẩm được truyền tụng là nhờ nội dung của nó có chỗ thông cảm với mọi người, nếu không, chỉ có văn chương suông mà thôi, không được truyền tụng.

Lấy ca dao làm ví dụ. Có những câu ca dao truyền khẩu từ đời xưa mà bây giờ người ta vẫn nhắc đến, lại có những câu ca dao của văn sĩ làm ra in vào sách mà cho đến nay vẫn không ai nhắc đến, nó không thể thành ra được là ca dao. Ngồi trong một đám đông, ta thử hỏi xem có ai biết câu này không, thì chắc có người biết :

*Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp, gát đầu khen ngon. (1)*

Nhưng thử hỏi có ai biết câu này không, thì tôi dám quyết mười mươi rằng không có ai biết cả :

*Cánh trời ai bán ta mua,
Mua non non Thúy, mua chùa chùa Hương,
Mua hoa mới nở giữa vườn,
Mua trắng mới mọc trên sườn núi cao.*

Câu sau đó của Đoàn Như Khuê in trong tập « *Bê thảm* » của ông trước đây chừng hơn ba mươi năm. Văn chương của Đoàn Như Khuê cố nhiên là « kém » văn chương Nguyễn Du, nhưng cứ kể một câu ca dao này thì cái hay về văn chương

(1) Câu này có nơi hát là : « Râu tôm nấu với ruột *bù*, chồng chan vợ húp, *gát gù* khen ngon. » Quả bầu, hình như ở miền Nghệ Tĩnh gọi là *bù*, cho nên lấy *bù* vần với *gù*. Chưa thêm vào đây để thấy câu ca dao ấy truyền bá phổ biến lắm, đến mỗi nơi theo ngữ ngôn mà đổi khác.

của nó không kém câu nào trong *Truyện Kiều* hết, nhưng nó không được truyền tụng là vì nó không thông cảm với ai được hết. Với người giàu thì họ dễ tiền mua rượu, với người nghèo thì họ đang ăn canh rau tôm nấu với ruột bầu, cả hai đều không thiết đến chuyện mua non Thúy, mua chùa Hương, mua hoa, mua trăng. Trái lại, câu trên có thể thông cảm với một số đông người Việt nam là người nghèo, và thông cảm đến những người giàu mà biết nghĩ đến người nghèo nữa.

Theo kinh nghiệm và chứng cứ đưa ra đó, tôi dám quả quyết nói cái kết luận của ông Hòe bảo rằng người ta tán thưởng học tập *Truyện Kiều* là chỉ tán thưởng học tập về mặt văn chương của nó là không đúng. Do đó, cũng lại quả quyết rằng *Truyện Kiều* sở dĩ bất hủ không phải chỉ cậy ở phần văn chương.

Đã thế thì câu hỏi thứ hai cũng phải bị phủ nhận. Cái giá trị tuyệt đối của *Truyện Kiều* không phải ở văn chương. Một tác phẩm, không cứ tác phẩm gì, đều có hai phần: nội dung và hình thức. Nội dung là tư tưởng của tác phẩm, nó phải hợp với chân lý, có ích cho đời sống mọi người, thì tác phẩm mới có giá trị. Còn hình thức, gồm thể tài, kỹ thuật của tác giả, tức ông Hòe gọi là văn chương, nó có giá trị chỉ khi nào nó đi đôi với cái nội dung lành mạnh tâm cho tác phẩm đã có giá trị rồi. Nay tư tưởng của *Truyện Kiều*, theo ông Hòe thấy là tư tưởng triết học tôn giáo, đã bị ông chê là tầm thường, chưa đúng xác, thì chỉ một mình văn chương làm sao cho có được giá trị tuyệt đối? Chúng ta khi đọc một bài báo, một cuốn sách, dám bĩu môi chê rằng thứ đồ văn chương rỗng toách, thế là bởi nó không có nội dung, không có tư tưởng, thì cũng không có giá trị.

Câu hỏi thứ nhất phải đặt lại một cách ngay thật hơn: Có phải tác giả muốn mượn *Truyện Kiều* để chứng minh và truyền bá một tư tưởng triết học tôn giáo không? Và tư tưởng ấy có phải cũng tầm thường và chưa đúng xác không? Nếu thế thì tôi xin nhận phần nửa dưới, chịu ông Hòe phán đoán là đúng, nhưng vẫn phủ nhận phần nửa trên.

Tôi rất đồng ý với lời phán đoán ấy của nhà chú giải. Trong *Truyện Kiều*, những cái triết lý « tài mạng ghét nhau »,

« muôn sự tại trời », rồi lại « quả kiếp nhân duyên », « tu là cội phúc », rồi lại « chữ tâm bằng ba chữ tài », nhờ chung Nho, Phật với Đạo, thật là « lúng túng chẳng xong bề nào ». Cuối phần chú giải, ông Hòe có chỉ ra nhiều cái mâu thuẫn trong lý luận Nguyễn Du, cho rằng lý luận không đi đến đâu hết, không giải quyết được gì hết, thật là xác đáng.

Nhưng có phải Nguyễn Du định bụng chứng minh và truyền bá cái triết lý lúng túng vô giá trị ấy không ? Điều này chúng ta nên xét lại.

Tôi thấy không phải thế. Cái mà Nguyễn Du muốn tuyên truyền là cái gì kia, nội dung tư tưởng của *Truyện Kiều* là ở chỗ nào kia, chứ không phải ở triết học tôn giáo muốn chứng minh và truyền bá như ông Hòe nói. Ông Hòe nói mà còn dè dặt bằng hai chữ « hình như », nghĩa là ông còn chưa dám chắc, thì hình như ông cũng đã rắp muốn hiểu như tôi hiểu.

Muốn biết Nguyễn Du tại sao vấp phải cái lúng túng ấy mà không gỡ mình ra được, thì phải biết Nguyễn Du là một nhà nho chánh tông, mà nhà nho thì thường mang trong mình một cái mâu thuẫn lớn, hễ gặp hồi khó xử thì đâm ra lúng túng. Cái mâu thuẫn ấy mang từ đời Khổng tử thẳng đến hết thấy các nhà nho, đến Nguyễn Du, cho nên chúng ta cũng không thể trách Nguyễn Du. Về điểm này, tôi sẽ nói rõ ở một đoạn dưới.

Một tác phẩm cổ điển như *Truyện Kiều*, được cả nước yêu chuộng từ xưa đến nay, tất nhiên là có cái nội dung cao quý của nó, ta phải tìm để hiểu. Còn cái điều ta thấy là tầm thường, chưa đúng xác, chưa phải là nội dung đâu, đó là những cái nhược điểm bởi tác giả bị thời đại nạn chế mà phải có, nên được khoan thứ. Ở Trung quốc hiện nay, *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng* được đề cao lắm, mà hai cái tiểu thuyết ấy đều có những chỗ lệch lạc chẳng khác gì *Truyện Kiều*.



Trước khi trình bày cái nội dung, cái tư tưởng tiến bộ dễ thông cảm của *Truyện Kiều*, tôi cần phải chỉ ra cái động cơ Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*, để thấy rằng không phải vì

muốn chứng minh và truyền bá một triết học tôn giáo nào, và cũng để thấy rằng cái nhược điểm trong *Truyện Kiều* là do bản chất của tác giả nó mà phải có.

Nguyễn Du thi đỗ làm quan từ hồi còn nhà Lê, và cha anh đều làm quan to thời Lê mạt, triều vua Cảnh hưng. Nhà Lê từ trung hưng đến triều Cảnh hưng, bị họ Trịnh cướp cả chính quyền, cả gia đình Nguyễn Du tự nhận mình là làm tôi nhà Lê, chứ kỳ thực là làm tôi nhà Trịnh. Bản lãnh của nhà nho là trung và hiếu, đã nêu lên cái nguyên tắc « trung thần bất sự nhị quân », mà như thế, là đã phản nguyên tắc rồi, tự mình đã mâu thuẫn với mình rồi. Chúng ta muốn hiểu Nguyễn Du, muốn hiểu *Truyện Kiều*, trước hết phải nắm lấy chỗ đó, đó là cái thai đẻ ra mọi nhược điểm.

Nguyễn Huệ diệt Lê Trịnh, Nguyễn Du từng toan chống lại, nhưng bị thất bại. Lui về quê, tự xưng là « Hồng sơn lập hộ », Nguyễn Du tỏ ý không chịu thần phục Tây sơn. Tây sơn thống trị nước Nam chỉ độ mười năm, giá còn thống trị mãi thì Nguyễn Du có sẽ ra làm tôi Tây sơn không, tôi không dám biết. Cái nghĩa lớn « tùy thời » và cái chí lớn « đắc quân hành đạo » của nhà nho ghê gớm lắm, không ai có thể đoán trước được.

Nguyễn phúc Ánh, Thế tổ Cao hoàng đế triều Nguyễn diệt Tây sơn, thống trị nước Nam, Nguyễn Du cực chẳng đã phải ra làm quan. Ấy, đừng ai tưởng tôi trách Nguyễn Du về chỗ đó, lúc bấy giờ những người gán quốc như Phạm Qui Thích, Võ Trinh, Phạm Đình Hồ đều phải ra làm quan, họ cũng đều vì cực chẳng đã cả.

Nguyễn Du thấy mình vốn là tôi nhà Lê mà bây giờ lại làm tôi nhà Nguyễn, như thế, khác nào một con dế « *sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh* », Ấy đó là động cơ viết *Truyện Kiều*. Trong *Truyện Kiều*, Thúy Kiều vì cực chẳng đã mà phải làm dī, thì Nguyễn Du cũng vì cực chẳng đã mà phải làm dī, nghĩa là làm tôi nhà Nguyễn.

Ở *Truyện Nguyễn Du* trong sách *Chánh biên liệt truyện*, nói Nguyễn Du khi làm tham tri bộ Lễ ở triều Gia long, mỗi lần triều hội, ít nói năng gì, không kiến minh điều gì, có vẻ

« lừng khùng », làm nhà vua phải giáng chỉ dụ « đả thông » đến mấy lần. Cái thái độ ấy y hệt như cái thái độ của cô Kiều : « Đuốc hoa đề đó mặc nàng nằm trơ », « Nỗi mình còn biết cái xuân la gì ».

Ngô Đức Kế, ông cụ này từng vì công kích Phạm Quỳnh mà công kích *Truyện Kiều*, chứ thực ra, ông cụ cũng là một người tán thưởng học tập *Truyện Kiều* như chúng ta. Ông cụ từng thuật lại một vài điều các bô lão ở Nghệ Tĩnh ngày xưa nói về *Truyện Kiều* cho tôi nghe : Cái câu *Giờ ra thay mặt đòi ngôi, dám xin gửi lại một lời cho mình*, là Nguyễn Du muốn nói về Gia long : Gia long khi còn ở Gia đình truyền hịch ra Bắc hà nói « phù Lê » mà về sau lại tự xưng hoàng đế. Còn câu *Phòng khi nước đã đến chân, dao này thì liệu vò thân sau này*, chữ « sau », nguyên văn của Nguyễn Du là chữ « phạn ». Lúc bấy giờ, Nguyễn Du vẫn còn sống, một ông bạn của Nguyễn Du, cũng tự nhận mình là di thần nhà Lê, chửi lại thành chữ « sau », có ý buộc Nguyễn Du cuối cùng phải tử tiết vì nhà Lê. Câu chuyện này chẳng biết có thật không, nếu thật thì cái ông bạn ấy cũng lại lời thôi lắm nữa : sao tự mình không tử tiết mà lại buộc người khác phải tử tiết ? Hỏi như thế để tỏ ra rằng hết thấy nhà nho một thời ấy, từ ông bạn ấy đến Phạm Quý Thích, Võ Trinh, Phạm Đình Hồ đều mang cái mâu thuẫn trong mình, đều lúng túng, chứ không phải một mình Nguyễn Du.

Bấy nhiêu đó, đủ chứng tỏ rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* là muốn bộc bạch tâm sự của mình, làm dĩ là vì cực chẳng đã ; nhưng có cái chứng cứ này do Nguyễn Du thân cung ra, còn chắc chắn nữa : Trong một bài thơ, Nguyễn Du có câu kết rằng : *Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố như !* Tố như là tên tự Nguyễn Du. Ý câu ấy muốn nói : Sau Thúy Kiều chết hơn ba trăm năm, có Tố như bộc bạch cái tâm sự cực chẳng đã và khóc cho Thúy Kiều, chẳng biết sau hơn ba trăm năm nữa có ai biết tâm sự của Tố như

mà bộc bạch và khóc cho chàng. (1) Nguyễn Du chưa hề nói cho ai biết động cơ mình viết *Truyện Kiều* là vì đâu, nhưng làm một cuộc khảo chứng như trên đây, chúng ta biết rõ và chắc rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* cốt muốn bộc bạch tâm sự, cái tâm sự cực chẳng đã phải làm tòi nhà Nguyễn. Nguyễn Du hên đến hơn ba trăm năm, không ngờ mới chưa đầy một trăm rưỡi năm chúng ta đã biết mà còn biết hơn Nguyễn Du tự biết mình nữa, có biết đến như thế thì mới hiểu được tất cả *Truyện Kiều*.

Cái động cơ ấy chỉ có ngấm ngấm trong ý thức Nguyễn Du khi chưa viết *Truyện Kiều*, khi đã viết rồi thì *Truyện Kiều* lại phải lam nhiệm vụ của nó, hoàn thành sứ mạng của nó, động cơ của tác giả chỉ còn lộ ra trong đó một đôi chút. Mỗi người chúng ta đọc *Truyện Kiều* thì cứ đọc, hiểu thế nào thì cứ hiểu, cũng không ai hề hỏi đến động cơ làm gì.

Nói thế, mới nghe, như là vô lý, nhưng sự thực là thế.

Một tác giả toan viết ra một tác phẩm, khi có chủ đề, có nhân vật, xây dựng đâu ra đó rồi thì viết, chứ không cần bởi có một động cơ nào. Nhưng ở trường hợp đặc biệt, có một động cơ như Nguyễn Du, thì khi viết, cũng lại phải xây dựng tác phẩm của mình bằng chủ đề và nhân vật, chứ không thể làm khác được. Chủ đề đã định rồi, còn cơ nhân vật, giữa nhân vật còn có sự kiện. Đối với nhân vật và sự kiện, thế nào tác giả cũng phải bằng ở quan niệm và nhận thức của mình hồi bình nhật mà biểu lộ ra ai là xấu, ai là tốt, ai là thiện, ai là ác, cái gì là hay, cái gì là dở, cái gì nên ủng hộ, cái gì nên phản đối. Chính chỗ đó là nội dung tư tưởng của tác phẩm, không có nó thì tác phẩm không có linh hồn.

Vai chính trong *Truyện Kiều* là Thúy Kiều, nhân vật mà Nguyễn Du đưa ra định làm cái bóng của mình. Nhưng một

(1) Câu thơ này ở trong bài *Độc Tiểu Thanh ký* của Nguyễn Du. Tiểu Thanh cũng là một người con gái đời Minh, có tài nghệ, làm vợ lẽ Phùng, sinh ở Hàng châu, bị vợ cả đày đọa mà chết lúc mới mười tám tuổi. Đây tôi đem dùng vào chuyện Nguyễn Du đối với Thúy Kiều, tuy có hơi ép, song chắc Nguyễn Du không trách tôi, vì hai người ấy đều là con gái đời Minh, đều là bạc mạng, đều được Nguyễn Du thương tiếc mà gọi ra động cơ sáng tác.

minh Thúy Kiều thì không thành chuyện được, chung quanh Thúy Kiều phải có người này người khác, do đó sinh ra việc này việc khác, câu chuyện thành ra câu chuyện xã hội. Đã là câu chuyện xã hội, thì tác giả phải rút lui cái ý của động cơ ra đằng sau tác phẩm, nhường cho tác phẩm tiến hành nhiệm vụ và sứ mạng của nó, tức là quan niệm và nhận thức về xã hội của tác giả.

Tào Tuyết Cần, tác giả *Hồng lâu mộng*, là con cháu của một nhà thế gia sa sút, mà *Hồng lâu mộng* cũng kể chuyện một nhà thế gia sa sút, vì vậy có nhiều người nhận rằng *Hồng lâu mộng* là « tự truyện » của tác giả, nhắc lại chuyện mình và chuyện nhà mình. Nhận như thế, dầu đứng nữa cũng chỉ là cái động cơ của tác giả mà thôi, hiện nay, chúng ta đọc *Hồng lâu mộng*, chỉ thấy là một tiểu thuyết hiện thực xã hội, phản đối mọi lễ thói của chế độ phong kiến. Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng vậy.



Đến đây, xin bắt đầu trình bày nội dung tư tưởng chân chính của Truyện Kiều.

Truyện Kiều mở đầu ra, đã phải đả động đến vấn đề duyên ái, vấn đề hôn nhân, vấn đề phụ nữ, là những vấn đề xã hội làm người ta ngột thở dưới chế độ phong kiến hàng ngàn năm ở Trung quốc cũng như ở Việt nam. Xã hội Việt nam đến thời đại Nguyễn Du, thời đại Lê Trịnh, Tây sơn, Nguyễn, phong kiến đồ nát, mất lực lượng tập trung, bọn chúa phong kiến phải tăng cường guồng máy thống trị, gia khắc sự áp bách. Theo lịch sử, dưới chính quyền lúc bấy giờ ở miền Nam và miền Bắc đều có vô số người được phong tước quận công, khiến dân chúng oán ghét đến khinh miệt bằng những câu thơ tục, như là « Nhất quận công, nhì ía đồng », « Ía đồng một bãi bằng vạn đại quận công », thì đủ biết họ bị áp bách mà thống khổ đến chừng nào.

Phụ nữ là hạng người ở tầng lớp bét trong xã hội phong kiến, họ bị áp bách nặng hơn và chịu thống khổ nhiều hơn. Thuở đó ở miền Bắc thì ông Nghè bắt hiếp con gái đồng trinh :

*Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.*

*Ông Nghè sai lính ra ve,
Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con.*

*Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho giòn, theo võng cho mau. (ca dao)*

Ở miền Nam thì quan Chánh (chánh cai bộ) cường đoạt đàn bà có chồng có con :

*Mẹ ơi quan Chánh đòi hậu,
Mua chanh mà gọi cái đầu cho trơn. (ca dao)*

Họ con bị áp bách trong gia đình cũng khắc nghiệt nữ. .
Cha mẹ gả con lấy chồng tức là bán con, như đời xưa bán nô lệ, cho nên nói « gả bán ». Theo một cái nguyên tắc từ đời nàc để lại không biết : phụ mẫu sở sinh sở định, đặt đâu ngồi đó, người con gái không được tự chủ việc trăm năm của mình. Bởi vậy mới có tiếng than :

*Mẹ em tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh hưng.
Em đã báo mẹ rằng đừng,
Mẹ hăm mẹ hứ mẹ bụng ngay vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi dưa lệch so sao cho bằng ! (ca dao)*

Khoan nói chưa hề yêu nhau, đến nỗi chưa hề thấy mặt nhau cũng bắt phải lấy nhau :

*Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,
Đêm nằm mơ tưởng nghĩ ông láng giềng. (ca dao)*

Pháp luật cho đàn ông chết vợ, sau một năm được lấy vợ khác, mà đàn bà thì sau ba năm mới được lấy chồng. Họ phải kêu :

*Gió đưa cành trúc ngã quì,
Ba năm trực tiết còn gì là xuân ! (ca dao)*

Lại còn nêu lên « chữ trinh » bắt phụ nữ phải giữ trinh nữa. Đây là một giáo điều : *Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng.* (Tục ngữ).

Ở dưới chế độ, lễ giáo, pháp luật vô lý và bất công như vậy, hết thấy phụ nữ phải cúi đầu mà chịu. Nếu có người không chịu, tháo cái ách tròng trên cổ, tự do yêu, là chết đấy. Cái đối trọng yêu là ai ? Là người con trai. Thế thì sự yêu nhau đó nếu vỡ lở ra, hai bên cùng chịu trách nhiệm mới phải. Nhưng không, dư luận cứ đổ tội trên đầu người con gái : *Tại chị bày nhà ta, không phải tại anh ba nhà người* (tục ngữ) ; thậm chí nói : *Con chó cái có ngoe quày thì con chó đực mới vẫy đuôi* (Tục ngữ)

Trong *Hồng lâu mộng*, Bảo Ngọc, con trai của bà Vương phu nhân, một hôm, nắm tay Kim Xuyến con nhai của bà mà nói chuyện. Sau đó, bà mắng Kim Xuyến là đồ dĩ thảo, làm hư con trai của bà. Kim Xuyến không chịu nhục được, nhảy giếng mà chết. Tôi lại từng thấy ở làng quê tôi, một cô con gái « theo trai », bị bố mẹ buộc phải chết, cô uống thuốc độc mà chết.

Đối với những vấn đề trên đó, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chưa hề giải quyết, nhưng đã tỏ thái độ của mình ra trong khi đối đãi với vấn đề. Cứ theo cái thái độ ấy mà suy luận ra, có thể nói Nguyễn Du đòi giải phóng phụ nữ, cho kết hôn tự do, luyện ái tự do. Về điểm này, chúng ta thấy Nguyễn Du đã bạo gan vượt ra ngoài lễ giáo của thánh hiền.

Thúy Kiều mới có mười lăm tuổi, cái tuổi mà các bà cụ ta ngày xưa thường nói, « chúng tao hồi bằng ấy đang còn ở trường », thế mà ra đường thấy trai đã mắt mưng mưng vượt, « ghé theo », về nhà năm đêm còn mơ tưởng : « Người đâu gặp gỡ làm chi ». Nguyễn Du đã thản nhiên thuật lại những điều ấy, chẳng những không thấy ngượng ngập mà còn như lấy làm hề hã. Rồi hơn trăm năm nay những người đọc truyện hình như cũng đều hề hã theo. Nếu có người chê là « mắt

nết » (1) thì lại có những ông khoa bảng, quyền uy trong giới ragon luận, như Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh bênh vực cho. Cả đến ông Lê Văn Hộc, trong *Truyện Kiều chủ giải*, ông mắng Kim Trọng là thằng con trai « hư sớm » (trang 40), nhưng ông cũng không mắng Thúy Kiều là đứa con gái hư sớm. Thì ra « thiên lý tại nhân tâm », Nguyễn Du muốn giải phóng phụ nữ, cho luyện ái tự do, là điều hợp với lẽ trời, cho nên cảm được lòng người.

Đến lúc hai trẻ giáp mặt nhau lần thứ nhất dưới cây đào, mới nói qua nói lại mấy câu với nhau, đã trao của tin cho nhau, ước hẹn lấy nhau. Ông tham tri bộ Lễ nức nở khen : *Cho hay là giống hữu tình, bất chấp cả « phụ mẫu chi mạng, mai ước chi ngôn »*, vút mẹ nó cả lẽ. (2)

Nguyễn Du cho Thúy Kiều nói những câu ngộ nghĩnh đến buồn cười, mà cả nữ giới tiến bộ tự do ngày nay cũng không ai dám nói. Ở lần thứ nhất gặp nhau ấy, sau khi Kim Trọng tán mãi, Kiều đáp lại

Rằng : trong buổi mới lạ lòng,

Nể lòng có lẽ cảm lòng cho đang.

Câu nói thật chẳng lò-gic chút nào cả. Buổi mới lạ lòng thì việc quái gì mà phải nể lòng ? Việc quái gì mà cảm lòng không đang ? Nói thế, khác nào một người bán rau nói với một hạn hàng mới : « Thôi, lần thứ nhất tôi bán cho chị một :

(1) Năm 1907, ông Từ Đạm làm án sát Nam-Định, bắt giam một người tình nghi về chính trị ; trong chuồng giam, người ấy hay kể Kiều, ông đòi ra, bắt làm một bài thơ vịnh Kiều, người ấy làm :

Khép cửa buồng xuân để đợi chờ,

Mà em mất nét tự bao giờ.

Chàng Kim mê gái công đeo đẳng,

Viên ngoại chiều con chết ngất ngờ.

Nợ trước hẹn hò con dĩ Đạm,

Duyên sau gặp gỡ bố cụ Từ.

Mười lăm năm ấy bao nhiêu sương,

Còn trách làm chi đứa bán tơ.

(2) Theo ông Đào Duy Anh, Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trước khi làm tham tri bộ Lễ. Song ở đây tôi làm vần chữ không làm việc khảo cứu.

mớ làm quen » ? Nhưng tình yêu có phải là thứ bán như bán rau ? Thì hình như tác giả cố ý định làm dễ dãi, thức giục cho cuộc luyện ái của hai người được thành công sớm ngày nào càng hay ngày ấy.

Cái hôm Thúy Kiều sang nhà Kim Trọng tự tình với nhau từ sáng sớm cho đến chiều tối, lúc đứng dậy ra về, có câu : *Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai*. Vả, ngồi từ sáng đến chiều, chẳng đã là dai rồi sao, mà đến lúc ra về mới thấy là chẳng tiện ? Ai thế nào không biết, chứ tôi, tôi phải cảm động tấm lòng từ bi của tác giả bởi tác giả còn muốn cho chúng tôi ngồi dai hơn. Tấm lòng từ bi đó, tôi muốn nói tấm lòng của Phật. Phật thương xót con trai con gái chúng ta, nên đã dạy rằng đời người có ba cái khổ mà hai cái là : yêu nhau mà không được ở với nhau (ái tương ly khổ), và, ghét nhau mà phải ở với nhau (tăng tương hội khổ). Khi tôi chịu cái giáo dục ấy rồi, tôi muốn vớt Kinh Lễ của Nho giáo xuống ruộng khoai, vì trong đó dạy : « Người con yêu vợ mà cha mẹ không yêu nàng dâu thì người con phải rẫy vợ. » Ôi ! nó bất cận nhân tình là dường nào ! Nó độc ác là dường nào ! Không trách Nguyễn Du là nhà nho mà trong *Truyện Kiều* lại hay nói đến triết lý nhà Phật.

Nguyễn Du không chịu nhìn nhận cái quyền nam nữ kết hôn là quyền riêng của bố mẹ. Khi Thúy Kiều bị bán mình sắp đi ra khỏi nhà, dặn lại Thúy Vân phải lấy Kim Trọng thay cho mình, thì ông bà Viên ngoài nghe theo răm rắp như một việc cố nhiên và tương nhiên. Đó là tư tưởng lãng mạn cách mạng của tác giả, chứ xã hội đời Minh hay xã hội Việt nam thời Nguyễn Du cũng không có thể nào như thế được.

Nguyễn Du lại cố ý đặt Kim Trọng tình nhân của Thúy Kiều trên lòng rang ngang với cha mẹ nàng, có khi còn trội hơn. Trong mười lăm năm lưu lạc, có sáu lần Thúy Kiều nhớ cha mẹ thì cũng nhớ Kim Trọng, mà đặc biệt có hai lần nói đến Kim Trọng trước rồi mới nói đến cha mẹ sau. Tức là lần đi đường từ Bắc kinh xuống Lâm tri :

Dặm ksuya ngắt tạnh mù khơi,

Thấy rặng mà thẹn những lời non sông.

*Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như giục tấm lòng thần hôn.
Một lần nữa ở lầu Ngưng-bích :
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc biển bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ.
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Phụ nữ Việt-nam đã bày tỏ cái ân tình của mình ra trong câu ca dao :

*Mẹ cha bú mớm nâng niu,
Tội trời thì chịu, không yêu bằng chồng.*

Kim Trọng thực ra, không những tình nhân mà là chồng chưa cưới của Thúy Kiều, Nguyễn Du cho nàng nhớ Kim Trọng hơn nhớ cha mẹ là hợp với ân tình phụ nữ lắm.

Dưới chế độ phong kiến, luân lý Nho giáo, hết thầy nam nữ thanh niên, không luận con cái ông gì bà gì, đều bị áp bách về luyện ái và hôn nhân. Truyện Kiều hé ra cho họ một tia sáng như trên đây, cho nên, chỉ trừ ra người nào không biết cái yêu là gì thì không kể, còn thì hết thầy đều mở lòng ra mà đón lấy ánh mặt trời chói lọi ấm áp của tác giả. Nguyễn Du đã thành công trong tác phẩm của mình, đã đạt được mục đích của mình là bởi đó.



Chung quanh chuyện Thúy Kiều là chuyện xã hội. Đối với cái xã hội ấy, xã hội Gia đình triều Minh hay xã hội Việt-nam thời Nguyễn Du cũng thế, Nguyễn Du đã tỏ ra rất chán ghét nó, đã tố cáo bao nhiêu tội ác của nó.

Cứ xem nhân vật trong *Truyện Kiều* thì đủ biết. Kể cả nhân vật không lấy gì làm nhều lắm, nhưng hầu hết đều là người xấu ; lấy những người ấy tổ chức xã hội thì làm sao cho xã hội tốt được ?

Cái cốt cán của xã hội phong kiến là nhà nho, vì có người của Nho giáo thì mới duy trì được chế độ phong kiến. Mà hệ chế độ phong kiến thối nát thì ắt là nhà nho thối nát trước, trước hơn từng lớp khác. Đó là sự thực lịch sử. Hãng kể chuyện lịch sử phong kiến thời thóp triều Nguyễn gần đây cho dễ thấy. Dưới hai triều Thành thái và Duy tân, những ông quan lớn ở triều ở tỉnh, đồng tình với thực dân Pháp ký giấy phết vua, đào mỏ vua, bắt bớ giết hại người cách mạng, toàn là nhà nho cả, chẳng ai vào đó. Đó còn chưa kể người đi thi đem tiền đút cho quan trường, quan trường ăn tiền lấy đậu, bị kiện, đưa ra xử trước mặt người Pháp mà không thấy xấu hổ, thật không còn một chút nào là lễ nghĩa liêm sỉ, chứ đừng nói đến trung hiếu.

Nhà nho trong *Truyện Kiều* cũng thế. Mã giám sinh, theo cái danh ấy là sinh viên trường Quốc tử giám, ngang với đại học sinh ở trường Đại học quốc lập thời sau này. Thế mà vì kiếm ăn đã chung lưng với một mục dầu, cái cử chỉ từ đầu đến cuối toàn là vô liêm sỉ. Sở Khanh từng ứng khẩu họa thơ dưới lầu Ngưng Bích, phải nhận hãn là một tay học khá mặc dù hành vi của hãn là lưu manh. Thúc sinh cũng lại là tay học khá, hay thơ, thì vác tiền của cha đi năm nhà thổ, lại còn dám gây ra vụ cha con kiện nhau. Đến Kim Trọng, một văn nhân có tài danh, đã bị mắng là « hư sớm » rồi; Vương Quan cũng chẳng « nên » chi, lạ cho một thằng bé mới 12, 13 tuổi mà sao đọc trăm được chuyện Đạm tiên như người khác đọc trăm được sách Mạnh tử.

Đó là những nhà nho thất thời hay chưa đắc thời ; khi họ đắc thời ra làm quan thì là hai ông quan : một ông xử vụ bán tơ, một ông xử vụ cha con Thúc sinh ; khi họ làm to lên nữa thì là cụ lớn Hồ Tôn Hiến. Ông thứ nhất ăn tiền ra mặt ; ông thứ nhì tùy ý phán đoán vụ tố tụng dân sự, coi như trò đùa ; đến tổng đốc Hồ thì khiếp nhược, đều giả, thêm cái vẻ có máu dê.

Tôi thấy chỉ có Mã kiều và mục Quán gia, hai người ở từng lớp bét trong xã hội, là có lòng nhân đạo, biết đồng tình với một nạn nhân xã hội là Thúy Kiều mà tùy cơ cứu giúp cho. Còn ngoài ra, đều là hùm sói cả. Tú bà độc ác vì

cái nghề của mẹ ; Hoạn thư nham hiểm vì thường tình ghen tuông ; hai thằng Ung, Khuyển với một bầy côn quang, như thiên lôi sai đâu đánh đó, chẳng nói làm chi. Khả ố nhất là bà vợ ông Thiên quan Trúng tề, ngồi trên giường thất bảo giữa ban ngày sấp thấp hai bên mà ra oai với một thiếu phụ lưu ly thất số, bị phù lỗ trong tay mình. Nhìn qua một bận hết thấy nhân vật ấy, Nguyễn Du không thể không khen Chung công là « từ tâm », Giác duyên là « lạnh lòng », thật là vọt vọt hết sức mà cũng mĩa mai hết sức. Thực ra, Chung công chỉ là một tên cò mồi, dẫn tang cho quan trên ; Giác duyên cũng có thể bị tình nghi là đồng lõa với Bạc bà, Bạc Hạnh, thừa dịp đuổi Thúy Kiều đi để chiếm lấy chuông vàng khánh bạc. Bởi vì, theo lời Giác duyên thì nhà họ Bạc quen với nhà chùa, lẽ đâu không biết nhà ấy là nhà bán thịt buôn người ?

Những nhân vật vô nhân đạo ấy thế nào cũng sẽ tạo ra những sự kiện vô nhân đạo.

Thằng bán tơ, theo *Phong tình lục* là một thằng kẻ trộm hay buôn lậu gì đó, nó chỉ gặp Vương ông trong quán rượu một lần, khi việc gian lậu của nó vỡ ra, bị quan xử khai cho nhà giàu để làm tiền, nó tưởng Vương ông nhà giàu nên nó cung chiêu cho. Rồi Chung công là tay trong của quan đứng ra đàn xếp. Cai thủ đoạn tàn nhẫn ấy cũng chẳng lạ gì ở nước Việt nam thời trước, nơi mà dân chúng đã kêu :

Sướng chi mà sống đời này,

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan. (ca dao)

Mã giám sinh, Bạc Hạnh công nhiên đi làm cái nghề mua bán người mà pháp luật cứ để yên cho làm, chẳng hề hỏi đến, mặc dầu sự mua bán ấy đã bị pháp luật nghiêm cấm từ lâu rồi. Cũng như ở nước ta, luật Hồng đức, luật Gia long đều có điều cấm « mại nhân vi nô », triều vua Cảnh thống nhà Lê lại còn cấm nhân dân Quảng nam không được bắt người Mọi bán làm con đòi đũa ở, nhưng mà cái nạn mẹ mìn cứ còn mãi cho đến cả thời Pháp thuộc.

Thúy Kiều bị đánh đòn bốn lần. Một lần ở sân phủ đường, chịu « cứ pháp gia hình », một lần ở nhà mẹ Hoạn

thơ, không chống lại nổi với cái « gia pháp » nhà quyền thế. Chẳng nói làm chi. Hai lần ở nhà Tú bà, bị đánh gần chết, lần trước Kiều tự lấy dao cắt cổ, gần xảy ra án mạng, thế mà không hề có một ai can thiệp. Nếu nói đó là việc riêng trong nhà Tú bà, thì còn đang dèm mụ suýt một đoàn gia nhân với gậy đuốc đuổi theo bắt người, làm náo động từ phố phường đến làng xóm, sao người ta cũng cứ để mặc mụ làm tự do ? Thì ra, cái thời bốn phương phẳng lặng. hai Kinh vững vàng ấy, một con mẹ trùm dĩ vẫn được làm gió làm mưa trong cái vùng nó chiếm đóng.

Sau khi giấu Thúy Kiều một nơi, theo *Phong tình lục*, Thúc sinh cho người đến bảo Tú bà rằng hẳn sẽ kiện mụ chiếu theo điều luật « dĩ lương vi xương » (lấy con gái lương gia làm dĩ), nếu mụ cho chuộc Thúy Kiều ra thì thôi không kiện. Ấy tức là trong *Truyện Kiều* nói hai bài chiếu và hòa. Rốt cuộc Tú bà phải cầu hòa, là vì mụ nghĩ tiền mụ không nhiều bằng nhà Thúc sinh, thế mụ không mạnh bằng nhà vợ Thúc sinh, nếu gặp tay khác thì với ông quan mặt sắt ấy, mụ thò ra một ít bạc cũng làm phi được điều luật. Ở dưới nhiều thứ áp lực nặng nề khó ngóc đầu ấy, Thúy Kiều phải nhận Thúc sinh, anh chàng ngu ngốc bạc bẽo làm ân nhân mà đền đáp có hơi quá đáng cũng không nên trách.

Khuyển, Ưng và một lũ côn quang vượt biển từ Vô tích sang Lâm tri đốt nhà bắt người, gây một vụ hành hung to như thế mà cũng không ai hỏi đến. « Săn thấy vô chủ bên sông », là thấy nào ? Sao lại săn ? Không lấy gì làm lạ : nếu người ta hỏi đến vụ hành hung thì người ta đã hỏi đến cái thấy này rồi. Thật đáng gọi là đời loạn, ai muốn phóng hỏa thì phóng hỏa, ai muốn sát nhân thì sát nhân.

Dưới ngòi bút mình đã vẽ ra một xã hội có những nhân vật những sự kiện như thế, người có tâm sự, có hoài bão như Nguyễn Du phải nghĩ thế nào chứ. Theo Nho giáo, gặp đời loạn, cái nguyện vọng cao nhất là « bát loạn phản chánh » ; nhưng còn trước phải « đặc quân » rồi sau mới « hành đạo » được. Cái chuyện « đặc quân » thì từ đời Khổng tử đã thấy khó, cho nên cái thuyết của Nho giáo không thể áp dụng trong trường hợp này mặc dầu Nguyễn Du là nhà nho.

« Trăm đờ lấy nước làm sạch, nước đờ lấy gương làm sạch » (tục ngữ), ấy là một thứ triết học bình dân của bình dân Việt nam. Trong cơn phẫn uất, tác giả *Truyện Kiều* không cần nghĩ đến nơi đến chốn, cứ tạm theo thứ triết học ấy mà cho lưỡi gương của Từ Hải vung lên.

Tôi không nói Nguyễn Du muốn làm cách mạng. Bởi vì Nho giáo không chủ trương cách mạng. Không tử từng tàn dương vua Thương vua Vũ cách mạng, nhưng đó là vua cách cái mạng của vua, chứ Không tử thì ngài chỉ mong làm tôi để phò vua, không hề dám có mộng tưởng cách cái mạng của vua. Khi không phò được vua thì ngài lại rắp toan cộng tác với mấy kẻ bạn thân như Công-son-Phất-nự, Bật-nật mà trong sách *Luận ngữ* có nói. « Rắp toan » thế thôi, rốt cuộc rồi ngài cũng không cộng tác. Chịu ảnh hưởng của thứ tư tưởng truyền thống, nói là trung dung mà thực là mâu thuẫn ấy, Nguyễn Du có vẻ lúng túng trong khi viết đoạn chuyện Từ Hải. Nhân vật Từ Hải đã được đặt trên một lập trường không minh bạch, vua không ra vua, giặc không ra giặc, thành thử làm đến Thúy Kiều cũng loạn trí, đã tự nhận mình giết chồng là có tội, nhưng lại tự nhận có công phần nào.

Mặc dầu Nguyễn Du cho Từ Hải làm kinh thiên động địa đến đâu, là thực sự, Từ Hải cũng không anh hùng bằng Nguyễn Huệ, con người có thật đứng trước mặt Nguyễn Du mười lăm năm. Thế sao Nguyễn Du đã chống vua Quang-Trung mà lại hâm mộ và đề cao Từ Hải? Thì ra trong khi Nguyễn Du nhận Nguyễn Huệ là kẻ thù của nhà Lê, lại muốn cậy tay Từ Hải rửa sạch cái xã hội nhà Minh. Chỗ này thấy thêm một mâu thuẫn nữa.

Từ Hải phải thất bại, Nguyễn Du biết thế, nhưng cứ đề cao, hình như chỉ để khoai ý nhất thời. Mà giá phỏng Từ Hải có thành công, thì cái xã hội vạn ác kia cũng vẫn cứ vạn ác. Trong một cuộc đền ơn báo oán, tiêu đến ba ngàn cân vừa vàng vừa bạc, một trăm cuốn gấm, vẫn là của bóc lột dân nghèo; không đụng đến Hoạn phu nhân, tha bổng thủ phạm Hoạn thư mà lại giết Khuyển Ưng, vẫn là cái thói « quan vị quan », bênh vực kẻ cùng giai cấp, tàn sát kẻ khác

giai cấp. Tư tưởng không triệt để thì nó phải thế; nhưng nói thế, không phải buộc Nguyễn Du phải có tư tưởng triệt để cách mạng xã hội.

Nói gì thì nói, chứ so sánh hết thấy tác phẩm cổ điển của ta, như những *Nhị độ mai*, *Phan Trần*, *Hoa tiên*, *Lục Vân Tiên*... về phương diện ý thức xã hội, ý thức chính trị, phải kể *Truyện Kiều* là tiến bộ hơn hết. Trong các truyện kia, nhân vật đều sống hiền lành ngoan ngoãn dưới chế độ áp bách, cắn răng bấm bụng để chờ một cuộc đại đoàn viên; duy *Truyện Kiều* còn có ý vươn lên, tuy vươn lên chưa đến đâu.

« Con giun bị xéo còn biết quậy » (tục ngữ) đó là cái tâm lý của người Việt-nam từ xưa đến nay, bởi đó mà trong lịch sử đã có bao nhiêu lần nông dân khởi nghĩa. Quậy, có khi chỉ để khoái ý nhất thời như Nguyễn Du, không hẳn có được việc gì, nhưng họ cứ quậy. Nguyễn Du cho Từ Hải vùng grom lên trong lúc xã hội bị giày xéo, cái đó hiệp với tâm lý mọi người lắm, cho nên người ta hoan nghênh *Truyện Kiều* không luận Từ Hải thành công hay không thành công. Đó lại là một khía tư tưởng dễ thông cảm của *Truyện Kiều* làm nó được truyền tụng.

Ngoài ra, Nguyễn Du còn xây dựng *Truyện Kiều* đúng với hiện thực, nhân vật nào cũng ra là con người có xương, có thịt, làm cho người đọc tin là thực nên dễ mê. Tác như vai chính Thúy Kiều, khi ở với Thúc sinh, ở với Từ Hải thì không nhớ Kim Trọng nữa, lúc mới gặp Từ Hải mong Từ làm Đường Cao tổ mà đến lúc khuyên hàng lại vì Từ với Hoàng-Sào. Đó thật là lòng dạ đàn bà (tôi nói đàn bà thời trước), mà Từ Hải đã gọi là « nữ nhi thường tình ». Thúy Kiều tuy hiếu nghĩa nhưng vẫn là một người đàn bà có lòng tự tư tự lợi như mọi đàn bà khác (tôi cũng nói đàn bà thời trước), Nguyễn Du không chịu làm nàng thành ra một tiết phụ hay một nữ hiệp sĩ xa cách với chúng ta nên dễ lấy được đồng tình của chúng ta. Điểm này thuộc về văn chương, kỹ thuật của tác giả, ông Hòe đã khẳng định rồi, không cần nói thêm; dưới đây xin nói đến chỗ ông Hòe bảo tư tưởng tầm thường và không đúng xác.



Trên kia đã nói rõ Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* không phải để chứng minh và truyền bá một tư tưởng triết học tôn giáo nào dù chỉ « linh như » như ông Hòe nói. Nếu gọi đó là tư tưởng thì cũng không phải phần tư tưởng chính, đại biểu nội dung của tác phẩm. Ở đây tôi muốn cắt nghĩa tại sao Nguyễn Du có thứ tư tưởng tầm thường, không đúng xác ấy theo lời phán đoán của ông Hòe mà tôi đã đồng ý ở trên.

Đó không phải cái lỗi của Nguyễn Du mà là cái lỗi của Nho giáo, hầu hết nhà nho từ trước đến sau đều mắc phải.

Nho giáo không có gì khác hơn là một thứ lợi khí để duy trì chế độ phong kiến. Chung cho trật tự xã hội, nó dựng lên thuyết tam cương, riêng cho phụ nữ, nó lập ra luật tam tòng, thu quyền vào trong tay vua, cha, chồng, trong tay đàn ông, mà rốt cuộc lại là trong tay vua. Nó có những giáo điều nghiệt ngã nói là lý trí không phải lý trí mà bóp chết người ta về phương diện tình cảm Sống trong cái vòng bị trời buộc về phần xác ấy, giá có nói cho về phần hồn, phần tư duy tưởng tượng thì còn khá. Nghiệt thay đức thánh Khổng lại không chịu nói đến thần (Luận ngữ : bất ngữ thần), không chịu nói đến cái chết (Luận ngữ : yên tri tử), bất người ta sống chịu khổ trọn đời, dù chỉ muốn giải thoát nội tâm cũng không phương giải thoát. Nho giáo thật là một cái đạo khắc nghiệt, khô khan, bất cận nhân tình.

Ở trong Nho giáo thấy ngọt tho, thấy thiếu thốn, tự nhiên người ta phải tin Phật giáo, Đạo giáo, mà có lẽ nhà nho tin trước hơn ai hết, tin sâu hơn ai hết. Đã tin như thế, sợ mang tiếng phản lại giáo của mình, người ta bèn làm hỗn hợp giáo nọ với giáo kia, kết cuộc là cái thuyết « tam giáo nhất lý » hay « tam lý đồng nguyên ».

Lịch sử làm chứng rõ ràng điều đó. Nhà nho từ đời Đường về sau, hầu như đều thế cả. Hàn Dũ ban đầu chống Phật mà đến lúc bị đày đọa ghe phen rồi cũng vò vè muốn tin Phật. Các nhà nho đời Tống đời Minh còn trắng trợn hơn, công nhiên rút triết lý của Thiên tông làm học thuyết của mình, như hai họ Trình và Vương dương Minh. Đến đời Mãn Thanh, thôi không còn dè dặt gì nữa, hết thấy

nhà nho khi trong nhà có việc tang, đều rước hòa thượng, đạo sĩ đến cầu cúng, gọi là « tổ pháp sự ». Ở Việt-nam cũng vậy, từ đời Trần đã thi tam giáo, đến Lê Nguyễn mới chuyên trọng một đạo Nho. Nhưng cứ kể trong khoảng bảy tám mươi năm trước đây, hai ông nhà nho được coi là người khá, được tôn là bậc thầy : tổng đốc Nguyễn Khoa Luật thì xuất gia và tịch ở chùa, đốc học Trần Việt Thọ thì tu tại gia và cuối cùng lên giàu hũa.

Nhà nho, đàn ông còn như thế, huống chi phụ nữ. Từ nay giở về trước, nếu ai trách đàn bà Việt-nam hay mê tin, tin bói khoa, tướng số, đồng bóng, hay đi chùa lễ Phật, vái lạy tam phủ tứ phủ, cầu con cầu của, là người không biết điều.

Nguyễn Du là một nhà nho trong hạng nhà nho ấy, về ý kiến chính trị đã mâu thuẫn, về tín ngưỡng lại không đơn thuần. Giá như Nguyễn Du có tư tưởng triệt đề thì *Truyện Kiều* đã thành ra một tác phẩm có ý nghĩa phản phong kiến rồi, bọn Hồ Tôn Hiến đã bị chửi cho tèn tẹt rồi, luồng gió cách mạng đã thổi lên rồi, nhưng không có thể được, trước đây một trăm rưỡi năm, ở nước Việt-nam không thể có cái tư tưởng ấy.

Trong *Truyện Kiều*, Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng mà bị giết là công hay là tội, tác giả nói rất mập mờ. Chuyện là chuyện xã hội mà cuối cùng lại giải quyết bằng phương thức cá nhân : *Thiện căn ở tại lòng ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*, thì cũng như không giải quyết gì cả. Ông Hòe chê rằng tầm thường, không đúng xác là phải lắm. Nhưng đó không phải là cái lỗi riêng của Nguyễn Du, giá chúng ta ở thời đại Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* thì cũng thế (nói thế, chứ chúng ta chưa chắc đã viết được bằng).

Cứ theo lẽ thẳng mà nói thì như thế, nhưng chúng ta cũng còn có chỗ đáng dè dặt phần nào. Ở phần chú giải, dưới câu « một niềm vì nước vì dân », ông Hòe lấy làm lạ về Nguyễn Du trước đã tỏ mối thiện cảm với Từ Hải bao nhiêu, thì sao đến sau lại cho Tam hợp, Đạm-tiên nói những câu khinh miệt, ác cảm với Từ Hải bấy nhiêu, rồi ông viết : « Có phải tác giả làm ra như vậy để đánh lạc dư luận về

thái độ của ông đối với Từ Hải ? Có phải tác giả cố ý làm ra như vậy để đánh loãng cái cảm tình rộng hậu của ông đối với nhân vật Từ Hải ? Và tất nhiên là « lý do tự vệ ». (Trg 64)

Chỗ này, ông Hòe nói rất có lý. Theo như chứng cứ dưới đây thì sự nghi ngờ ấy chính đáng lắm.

Người ta phải lấy làm lạ, sao hầu hết văn chương cổ điển nước ta không lấy đề tài ở bản quốc mà đều lấy ở ngoại quốc : Nhị độ mai, Phan Trần, Hoa tiên, Truyện Kiều lấy ở Trung quốc, Quán âm thị Kính lấy ở Triều tiên. Đến thơ phú, sĩ phu nhà Trần phản đối sự Huyền Trân gả về Chiêm thành thì mượn chuyện Chiêu quân công Hồ ; Nguyễn Hữu Chích muốn tỏ tâm sự chi kúi của mình thì làm « Hàn vương tôn phú », Nguyễn Nghiễm muốn ngụ ý phò Lê thì làm « Khổng tử mộng kiến Chu công phú ». Chính phụ ngâm, một tác phẩm phản đối chiến tranh Trịnh — Nguyễn, thì tên người tên đất cũng đánh lạc đi đâu, những là Phục ba, Giời tử, Lũng hải, Cam tuyền, làm như việc đó không phải xảy ra ở xứ ta. Thậm chí không lấy đề tài ở người mà lấy ở thú vật, như Lục súc tranh công, Trinh thử truyện, Trê cóc. Tại sao vậy ? Có phải tại cấm lệnh của nhà vua nghiêm ngặt quá, không ai dám dấn động đến việc trong nước chăng ?

Pháp luật phong kiến, như luật Đại Thanh, luật Hồng đức, luật Gia long, đều có điều « cấm yêu thư yêu ngôn ». Luật Gia long về điều này : Kẻ tạo ra yêu thư yêu ngôn bị tội trả giam hậu, chưa truyền bá thì bị lưu tam thiên lý, kẻ tàng trữ thì trọng nhất bách, đồ tam niên. Lúc bấy giờ không có cái gọi là quyền ngôn luận, chứ chưa nói tự do hay không tự do. Không cứ văn bài sách vở gì, hễ vua chúa thấy là xúc phạm quyền thống trị của mình, đều chiếu vào luật này trị tội. Tuy vậy, ở Trung quốc, vào thời Kiền long, Ung chánh, có phát ra nhiều cái án gọi là « văn tự ngục », mỗi cái chết đến hàng trăm người. Nhưng nước ta, từ triều Lê về trước, trong sử hình như không có cái án nào như vậy cả. Có lẽ tại nước ta là nước nhỏ, quyền lực phong kiến càng phải giữ chặt chẽ hơn, sự đề phòng càng nghiêm ngặt hơn, thành thử ai nấy khiếp sợ, có viết thì viết những chuyện Hàn Tín, Trương

Luong, hay là những chuyện con trâu con gà, con chuột, con cóc thì làm sao cho có « văn tự ngục » được ?

« Văn tự ngục » ở nước ta, theo tôi biết, hình như bắt đầu có từ triều Gia long, việc xảy ra ngay trước mắt Nguyễn Du. Lúc đó, con trai của Nguyễn văn Thành, một đại thần có công đang tại triều, vì một bài thơ tám câu mà bị tội trăm quyết, còn liên lụy đến anh em khác nữa, cả đến Nguyễn văn Thành cũng phải uống thuốc độc mà chết. Nguyễn văn Thành thủy chung theo phò vua Gia long mà con trai còn như vậy, huống chi Nguyễn Du đã là thần tử nhà Lê, lại vốn có thái độ « lừng khừng », bảo sao không né mình trước cái thảm họa ấy ? Ở Huế có lời truyền thuyết rằng về sau vua Tự đức xem Truyện Kiều đến câu « doc ngang nào biết trên đầu có ai », ném sách xuống mà nói rằng : « Phải chi Nguyễn Du còn sống, nọc nó ra mà đánh ba chục ». Ngài nói nhủn mà chơi đấy, chứ nói thực thì nói « chặt đầu ». Có một bản *Truyện Kiều* gọi là « bản Kinh », tức là bản Tự Đức oảo chữa lại.

Ông Hòe nói phải lắm. Rất có lẽ Nguyễn Du vì tự vệ mà cố ý nói những câu trái với bản tâm để đánh loãng cái cảm tình nồng hậu của mình đối với Từ Hải.

Những cây, cỏ mọc dưới đồng đá, tất nhiên nó không thể vươn thẳng lên được, nó phải lựa chiều, uốn mình trôi lên giữa kẽ đá, trôi lên được chút nào hay chút ấy. Tuy e dè tránh gió, Nguyễn Du cũng đã để cái thâm ý của mình trôi lên cho chúng ta thấy.

Kể công Thúy Kiều bốn lần hết thầy mà đều do từ miệng người khác : Hồ tôn Hiến, Tam hợp, Đạm tiên và người Hàng châu, chứ Thúy Kiều thì cũng biết nói : *Khéo khuyên kẻ lấy làm công.... Xét mình công ít tội nhiều*, thủy chung tác giả vẫn nghiêng lòng về Từ Hải một cách khúc chiết.

Có những điểm khác cũng tương tự như thế. Ở giữa một xã hội sặc mùi mê tín, hình như Nguyễn Du không tán thành mà cũng không phản đối ra mặt, chỉ biểu lộ vi ý của mình phớt qua một vài nét. Sau khi Thúy Kiều thuật lời đoán của tướng sĩ, Kim Trọng nói : « Nhận định thẳng thiên »; sau khi Thúy Kiều kể chuyện chiêm bao thấy Đạm Tiên,

Vương bà bảo : « Mộng ảo cử đầu » ; hơi xằng là câu « chẳng qua đồng cốt quảng xiên » nói về cuộc đánh đồng thiếp. Mà thực sự thì tác giả đã phò tự ba việc ấy theo với chứng cứ thấy có linh nghiệm hoàn toàn. Nguyễn Du đã muốn giải phóng phụ nữ thì tất nhiên cũng phản đối sự « giữ trinh đơn độc », vì nó là vô lý, tại sao chồng không giữ trinh đối với vợ mà vợ lại phải giữ trinh đối với chồng ? Tại sao Kim Trọng nghiêm nhiên lấy vợ để con mà Thúy Kiều lại cứ phải áy náy về sự mình thất tiết ? Tuy vậy, Nguyễn Du không táo tợn hỏi như thế mà cứ để cho Thúy Kiều áy náy, áy náy đến nhiều lần, rồi cuối cùng đặt vào miệng Kim Trọng một câu : « chữ trinh kia cũng có ba bảy đường » là xi xóa tất cả, không còn áy náy nữa. Qua câu ấy và mấy câu tiếp theo, chúng ta phải hiểu rằng Thúy Kiều vì hoàn cảnh bắt buộc mà phải làm đi là không mất trinh.

Lấy những điều đó án chứng cho nhau, thấy ngòi bút của tác giả vẫn trung thành với ý chí tình cảm của tác giả, chỉ vì lẽ này, lẽ kia như trên đã nói làm cho phần kết thúc của *Truyện Kiều* không được sáng sủa cho lắm, thật đáng tiếc. Cái khổ tâm của tác giả thấy trong câu kết : « Mua vui cũng được một vài trống canh », truyện từ đầu đến cuối đau đơn như thế mà lại nói là « mua vui », đại thi hào của Việt-nam chúng ta muốn đánh lừa chúng ta chăng !

.PHAN KHÔI

Hà-nội, tháng tư năm 1955

CĂN BẢN CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO CHỐNG PHONG KIẾN TRONG TRUYỆN THÚY KIỀU

Chúng ta cần nhận rõ, đánh giá đúng *cảm hứng chủ đạo* của Nguyễn Du trong *Truyện Thúy Kiều*. Đây là vấn đề cốt yếu, đi vào nội dung của tác phẩm.

Có một số ý kiến mới, nhưng khác nhau về vấn đề này (1). Một ý kiến nhấn mạnh về tác dụng khốc hại của đồng tiền trong thời của Nguyễn Du. Tôi thấy ý kiến này thấu hẹp cảm hứng chủ đạo của tác giả lại và chưa nêu được thật nổi bật tư tưởng tiến bộ, và khách quan nhìn vào có giá trị phản phong kiến của tác giả. Một ý kiến khác nói đến « quyền sống của con người » trong truyện *Kiều*. Tôi thấy ý kiến này mở quá rộng cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Du.

Chúng ta cần nhận thức ngay : có *chủ nghĩa nhân đạo* ở trong *Truyện Thúy Kiều*. Chủ nghĩa nhân đạo khách quan phản phong kiến của Nguyễn Du biện hộ cho nhân phẩm của con người bị ách thống trị đương thời chà đạp, biện hộ

(1) Xem Đào Duy Anh : *Truyện Thúy Kiều, tác phẩm cổ điển tiêu biểu của văn học Việt-nam* (Tập san Đại học sư phạm số 1 năm 1955). Xem Minh Tranh : *Tìm hiểu Truyện Kiều và Nguyễn Du* (Tập san Văn sử địa số 8 và 9 năm 1955). Xem Hoài Thanh : *Quyền sống của con Người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du*. (Hội văn hóa Việt-nam xuất bản, 1949).

cho tự do luyện ái, cho nữ quyền, phản kháng mãi dâm, phản kháng chế độ đa thê, chế độ nô tỳ, và nhất là biện hộ cho tài năng. cho tri tuệ bị phong kiến kèm hãm rất khó mà nảy nở được.

Theo ý riêng tôi, đặc biệt *Truyện Thúy Kiều* đã nói lên được rất thấm thía, mạnh mẽ cả một mối căm thù đối với chế độ phong kiến, nhất là trong giai đoạn tan rã của nó vì chế độ này chà đạp « tài », « sắc », vùi dập mọi cái đẹp về thể chất cũng như về tinh thần, xô đẩy giá trị cao quý nhất của nhân phẩm vào truy lạc. *Chế độ như thế là kẻ thù không đội trời chung của cái đẹp. Nó là kẻ thù không đội trời chung của tài năng, của trí tuệ.*

Tôi sẽ chứng minh căn bản của chủ nghĩa nhân đạo phản phong kiến trong truyện *Kiều* chính là ở đó. Đó là cảm hứng chủ yếu của Nguyễn Du trong truyện *Kiều*.



XÁC ĐỊNH QUAN NIỆM CỦA NHÀ PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ ĐỐI VỚI SỐ PHẬN

Muốn nắm chắc cảm hứng chủ đạo của tác giả, trước tiên cần phải xác định quan niệm của chúng ta đối với *số phận*.

Chúng ta nên dựa vào phương pháp phân tích, phê phán của Mác, Ang-ghe-n để tiến tới có một nhận định chính xác về số phận. Ví dụ như nhận định mà Ang-ghe-n cho là đúng đắn về vở kịch thần thoại *O-rét-tê-i-a (Oresteia)* của nhà thơ cổ Hy-lạp Êt-ki-lốt (Eschylos). Vì ngoại tình mà Co-li-tem-nét-to-ra (Clytemnestra) giết chồng là A-ga-men-non (Agamemnon). Con trai là O-rét-tét (Orestes) giết mẹ, trả thù cho cha. Thần xuống tham gia xử án. O-rét-tét được t ắng án. Giết mẹ (trả thù cho cha) không bị coi là một tội ác đáng tử hình như trước nữa. Trong tư tưởng của kịch sĩ Êt-ki-lốt, sự kiện đó biểu thị số phận bị đánh bại nhờ sự viện trợ của thần. Vậy là một tư tưởng siêu hình thần bí. Thế mà Ang-ghe-n nhận thấy thực tế của xã hội đương thời phản ánh qua

sự kiện này : tức là thực tế phụ quyền đã chiến thắng mẫu quyền, thực tế của một sự tiến hóa lớn lao trong lịch sử loài người. (1)

Vậy số phận là gì ? *Số phận là một yếu tố có phần hiện thực* trong đời sống vật chất và nhất là trong tư tưởng của xã hội.

Với một hình thái xã hội phân chia giai cấp, có người bóc lột người, số phận chi phối con người, *số phận chủ đạo con người*. Đối với đa số những người hèn yếu, cô độc, bị đàn áp, số phận là kết tinh của những lực lượng vật chất (một phần trong đó là lực lượng của đồng tiền) và những lực lượng tinh thần, kể cả những thế lực thần bí trong tay của bọn thiêu số thống trị. Vì phương thức sản xuất còn thấp kém, trình độ khoa học chưa mở mang, nhận thức của con người không nắm được quy luật khách quan của thiên nhiên cũng như của xã hội, nên mọi biến cố ở đời đều quy vào khái niệm số phận. Căn bản hiện thực của số phận là sự biểu thị tàn nhẫn của chế độ xã hội bất công, trói buộc con người. Ngay đối với bọn thống trị thời xưa nằm trong tay những quyền tướng là vô hạn, số phận cũng chà đạp chúng nó. Chúng đã tạo nên số phận dề tăng thêm uy thế đàn áp của chúng, nhưng rốt cuộc chúng phải nằm dưới sự chi phối của số phận, chúng phải quỳ lạy đầy run sợ trước số phận. Cũng như chúng dùng đồng tiền, rồi rốt cuộc đồng tiền trở lại chi phối chúng. Dưới chế độ xã hội bất công, theo tôi nghĩ, số phận tức là những gì mà Góck-i gọi là : « sự huyền bí của thực tại », « chất độc của sự man trá », hoặc « cảnh hỗn độn âm u của cuộc đời trên quả đất đầy đau khổ » (2). Cả một cảnh đời « dính đầy máu với bùn », trong đó « con người bị ô nhục, bị rút rĩa tới cùng, mất hết nhuệ khí » ... và « mọi khả năng phản kháng, mọi dấu vết còn lại

(1) Xem F. Engels : *Die Ursprung der Familie, des Privateigentums und des Staats* (Nguồn gốc của gia đình, của Tư hữu tài sản và của Nhà nước), bài *Tựa* năm 1891.

(2) Xem bài *Der Mensch* (Con người), trong tập văn tuyển Gorki xuất bản ở Weimar, 1955, trang 202-208.

của tinh thần danh dự, mọi sự cố gắng vươn mình tới gì tốt đẹp hơn, mọi mơ mộng muốn đổi thay phần nào đều bị bấn tận gốc hết thảy » (1).

Nhưng với một chế độ đã xóa bỏ sự bóc lột giai cấp, trong đó con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, thì ngược lại, số phận bị chi phối. Thế giới chuyển thành một thế giới nhân định. Bàn tới con người đã chiến thắng số phận, Góe-ki viết. « Tất cả đều do con người quyết định, tất cả đều dành cho con người ! »... « Con người nhiệt liệt tiến tới và vươn cao, cứ tiến tới mãi, mãi mãi cứ vươn cao » (2).

Nhìn nhận tính chất *có phần khách quan, hiện thực* của số phận là một thái độ khoa học. Thái độ này không phải là thái độ tin nơi số phận, không phải là chủ nghĩa định mệnh. Chúng ta không nên sợ sa vào chủ nghĩa định mệnh mà coi nhẹ phân tích phần hiện thực của số phận, nhất là trong các tác phẩm văn học của thời xưa, lúc mà con người chưa làm chủ số phận, chưa thật sự đoàn kết thành sức mạnh đời rũi lấp biển.

Có xác định quan niệm của chúng ta đối với số phận thì chúng ta mới có thể đi sâu vào cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Du trong truyện *Kiều*. Nguyễn Du tố cáo số phận, tố cáo chế độ đương thời vì nó chôn vùi tài năng của mọi người lương thiện.



CẢM HỨNG CHỦ YẾU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC DIỄN TẢ NHƯ THẾ NÀO VỀ MẶT NGHỆ THUẬT ?

Theo tôi nghĩ thì tác giả đã tập trung tinh túy của nghệ thuật mình để diễn tả cảm hứng chủ đạo này.

Sự gặp gỡ giữa Thúy Kiều và số phận.

Ngay trong đoạn đầu của tập truyện, tác giả đặt Thúy Kiều trước một ngã ba đường. Thúy Kiều tiêu biểu cho tài và sắc đầy hứa hẹn. Khúc đường mà Kiều đã trải qua là tuổi

(1) Xem bài : *Vom neuem Menschen* (Bàn về con Người mới) của Góe-ki. Cùng một tập văn tuyển, trang 479.

(2) Xem bài : *Der Mensch* (Con Người) tr. 202-208.

xanh êm thắm, là mộng đẹp, là sức sống vươn lên. Giờ đây, trong ánh chiều tà của ngày hội Đạp thanh, ngày xuân giao cảm giữa người sống và kẻ chết, Thúy Kiều đứng trước mộ của Đạm Tiên vắng tanh hương khói. Đây chính là cuộc gặp gỡ giữa Kiều và số phận. Chính ở đây nhà thơ dân tộc đã thể hiện ra được tác dụng đau thương của số phận trong thời bấy giờ. Chúng ta cần đọc lại cả đoạn thơ với ý thức rằng số phận là sự biểu thị khốc liệt nhất của chế độ đương thời, vì nó dày vò thể chất, dày vò linh hồn, chà đạp những ai lương thiện nhất, sỉ nhục tài hoa. Đọc như vậy chúng ta thấy ý thơ cũng như lời thơ của Nguyễn Du đặc biệt là sâu sắc.

Hai khả năng khách quan của số phận hiện ra cho Thúy Kiều trước năm mờ. Một là cảnh đời vô cùng đau khổ của Đạm Tiên, sắc tài phải sa vào trụy lạc, nửa chừng xuân bị chôn vùi rất thê thảm. Hai là cảnh đời vui tươi : tình duyên êm thắm với Kim Trọng.

Theo sự diễn tả sâu sắc của nhà thơ, chúng ta thấy rõ : trong hoàn cảnh của chế độ tàn ác thời bấy giờ, cô thanh nữ Thúy Kiều, theo ý tác giả, tiêu biểu cho tinh hoa của thế hệ, cho khát vọng phát triển tài năng (1), thế nào cô cũng sẽ là nạn nhân rất đáng thương, bị xô đẩy vào con đường bi đát nhất. Nguyễn Du nắm vững và tả đúng quy luật tất yếu đó. Đứng trước sự tất yếu này, trước số phận đau thương, Kiều rất là cô độc. *Càng cô độc, Kiều lại càng dễ làm mồi cho số phận*. Kiều rất sợ số phận, nhưng vì cô độc nên nhất định không thoát khỏi được số phận. Lúc vừa mới lớn lên, tự Kiều đã sáng tác khúc đàn *Bạc mệnh*. Khúc đàn này biểu thị cảm tình cô độc của Thúy Kiều, trong cảnh « trướng rủ màn che », mà đã đoán trước tương lai khổ ải của mình. Trước mờ Đạm Tiên, nghe thuật lại cuộc đời hết sức bi thảm của

(1) Nội dung tài năng của Thúy Kiều có nhiều tinh chất phong kiến vì nó là cầm, kỳ, thi, họa, theo mỹ cảm của phong kiến, nhất là vì cá nhân cô độc. Đây chúng tôi không nhằm phân tích nội dung tài năng của Thúy Kiều. Chúng tôi không hoàn toàn tán thành nội dung đó. Đây chúng tôi chỉ nêu nổi bật dụng ý của Nguyễn Du đã diễn tả được sâu sắc cảnh tài năng mâu thuẫn với chế độ, và phải bị chế độ chôn vùi.

người bạn tài sắc thời xưa, bỗng nhiên trong tận đáy lòng Kiều tràn ngập một mối cảm thông đặc biệt là thắm thía và cô độc. Kiều cảm thấy ngay đời của bản thân mình về sau rồi cũng như đời « hoa trôi bèo dạt » của Đạm Tiên. Giữa ba chị em cùng đứng với nhau, chỉ có Kiều cảm thấy như vậy thôi. Vương Quan không nghĩ như thế, còn Thúy Vân thì nghĩ trái ngược hẳn, có ý mai mỉa « khéo dư nước mắt khóc người đời xưa ! » *Kiều thật là cô độc trước số phận.* Chính ở đây, chúng ta nhận thấy tài điều hình hóa cao độ của Nguyễn Du. Đây là một cuộc gặp gỡ cô độc, nhưng rất tiêu biểu. Đạm Tiên là sắc là tài, theo ý tác giả, là tinh hoa của nhân loại bị chế độ phong kiến chôn vùi từ ngàn xưa đến bấy giờ : « hồng nhan tự thuở xưa, cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu. » Thúy Kiều là sắc, là tài sẽ tiếp tục bị chôn vùi... « đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh ». Nỗi thống khổ thảm thương của sắc và tài, dưới chế độ xã hội bất công, là một nỗi thống khổ có truyền thống, không thể nào thoát khỏi được... Sự gặp gỡ giữa Thúy Kiều và Đạm Tiên, giữa xưa và nay chung trong một chế độ xã hội bất nhân, sự gặp gỡ giữa Kiều và số phận là *một cuộc gặp gỡ điển hình.* Đây là sự dọn đường cho các khổ ải của Thúy Kiều. Mặc dầu trong thực tế Thúy Kiều chưa bị số phận chà đạp, nhưng trong tư tưởng thì đã bị chà đạp. Nội dày nghệ thuật của Nguyễn Du rất là tập trung và thâm thúy. Điển hình đây là một *điển hình về cảnh ngộ.* Kinh nghiệm cho chúng ta biết điển hình về cảnh ngộ đặc biệt khó mà tạo ra được. Nó là sự thống hợp của nhân vật, cảnh vật, thời tiết lẫn thời gian có kết lại với nhau thành mối thắt gút của cả tập truyện. Điển hình hóa được như vậy chứng tỏ mức nghệ thuật rất cao của Nguyễn Du.

Gặp Đạm Tiên, gặp số phận rồi, ấn tượng in rất sâu vào tâm tính của Thúy Kiều. Tâm tính này đã *đột biến.* Đoạn đời đã qua của cô thiếu nữ, đoạn đời êm vui mộng đẹp, nhất định phải chấm dứt từ đây. Chính từ đây, mắt nhìn cũng như nụ cười và mọi cảm xúc, mọi ý nghĩ của Thúy Kiều nhất định phải xuyên qua một tâm tư rất đau xót vì số phận. Ngay giữa lúc tâm tính của Thúy Kiều đã nhiễm sâu mùi té tái của số phận, cũng là lần đầu tiên, ngay lúc đó, Thúy Kiều gặp

Kim Trọng. Tức là Kiều tiếp xúc với tình duyên. Kiều đứng trước khả năng đạt tới hạnh phúc ở đời. Trong vở kịch của Séc-xơ-pia, ngắm I-u-li-ét lần đầu tiên, Rô-mê-ô trông thấy tình yêu hòa lẫn với sự chết. Tô-rit-tăng và I-don cũng vậy. Đôi bạn tài sắc trẻ tuổi này uong phải rượu si tình, tức gặp phải số phận rồi, thì nhìn nhau ngơ ngác và nói với nhau : « Chúng ta đã uống tình duyên cùng với sự chết ! » ... Ở đây, Thúy Kiều nhìn Kim Trọng, nhìn tình duyên xuyên qua cảm xúc tê tái vì số phận. Nhất định tình duyên này sẽ là khổ ải. Nhất định số phận khắc nghiệt sẽ dày vò tàn nhẫn tình duyên này. Thúy Kiều không thể nhận thấy khác được. Nguyễn Du đã đặt ra mâu thuẫn và đã sâu sắc giải quyết mâu thuẫn. Số phận, tiêu biểu cho sự tàn khốc của chế độ xã hội, lẽ chà đạp tình duyên tiêu biểu cho hạnh phúc cao của người srong thiện.

Sắc và tài của Thúy Kiều trong quá trình bị sỉ nhục.

Rồi trải qua một thời gian rất ngắn ngủi, mối tình duyên chân thành, nồng nhiệt được gắn bó giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. Tình duyên này được diễn tả đẹp đẽ, nhưng sâu bên trong, chúng ta thấy rõ là đau khổ. Kim Trọng nêu ra câu « nhân định thắng thiên », nhưng đây chỉ là một ý nghĩ cô độc, không thành một ý chí và không sao đương đầu nổi với số phận. Tình duyên này rất mong manh trước số phận. Thực chất của nó là « nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ! » Tình duyên này không thành tựu được. Nó đã sớm bị cắt đứt. Phút chốc Kiều phải bước vào con đường khổ ải, mang theo mối « nợ tình chưa trả », mang theo một cảm xúc về hạnh phúc, nó làm cho nỗi lòng bị dạt càng thêm tê tái.

Sắc của Thúy Kiều bị dày vò vô cùng nhục nhã. Chế độ xã hội tàn nhẫn đã biến thân thể này, nhan sắc này thành một món hàng cho mọi người mua vui. Trinh tiết của Thúy Kiều, của người đàn bà trong sạch bị sỉ nhục hết sức là đau đớn.

Sắc như thế đó, còn tài thì sao ? Tài của Thúy Kiều cũng bị chà đạp vô cùng đau khổ. Chúng ta đặc biệt rung cảm và căm giận trước cảnh tài hoa của Thúy Kiều bị đày đọa : cảnh

này lên án rất thống thiết chế độ đương thời, một chế độ kèm hãm, hủy diệt tài năng của con người.

Sắc và tình, cùng với tài bị chà đạp, chung quy la tài bị chà đạp. Vì sắc tức là tài gắn liền với thể chất, dáng điệu của con người. Còn tình là cơ sở, là nguồn bồi dưỡng của tài.

Tài hoa của Thúy Kiều kết tinh trong khúc đàn, trong giọng đàn vừa sắc vừa sâu. Tính ra thì tài hoa này chỉ hưởng được một chiếc lát thích thú, vui vầy cá nước thôi. Ấy là lúc gặp gỡ giao ước chung thủy cùng nhau, nồng nàn tình yêu và cũng ái ngại cho tương lai, Thúy Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe. Đây quả là giây phút mà tài hoa của Kiều đạt tới mức cao hừng nhất, nhưng chúng ta thấy cái mầm trong đó là uất hận. Vì điều kiện này đơn độc quá, chỉ ngẫu nhiên thôi. Vì hai bạn phải chia ly. Thúy Kiều từ biệt Kim Trọng :

« Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. »

Lời thề chân thật, tận đáy lòng, nhưng vì bất lực trước số phận nên hóa ra mĩa mai chua xót biết bao nhiêu ! Phút chốc tài hoa của Kiều bị đẩy dọa, sa vào vực cùng của sự trụy lạc. Bản thân Thúy Kiều phải ôm cầm qua thuyền của rất nhiều kẻ khác.

Gia đình của Thúy Kiều gặp tai biến. Tền lưu manh họ Mã xuất hiện « dẫn đo cân sắc cân tài » của Thúy Kiều, « ép cung cầm nguyệt », « cò kè bớt một thêm hai » rồi xĩa tiền ra mua lấy tài hoa. Đó là bước đầu tiên của Thúy Kiều của tài hoa, trên con đường khổ ải.

Thúy Kiều đấu tranh quyết liệt nhưng không khác gì một người cô đơn bị sa lầy, càng đẩy dụa càng thêm nguy khốn. Các khổ ải của Thúy Kiều được diễn tả rất hiện thực, các nhân vật, cảnh vật trong truyện được điển hình hóa rất tài tình. Kiều là đàn bà, những nỗi oan ức của Kiều làm cho người đọc càng thêm đau xót.

Tài hoa của Kiều phải sa lầy ở chốn thanh lâu, biết bao phen « cung cầm trong nguyệt » hiến vui cho người, còn bản thân tình lại thì « giạt mình, mình lại thương mình xót xa ». Chúng ta hãy theo dõi giọng đàn của Thúy Kiều cho tới cùng,

vì giọng đàn này tiêu biểu cho tài hoa bị khinh miệt. Tài hoa này lại trải qua một cực độ đau khổ nữa, lúc Kiều làm nô tỳ, phải nuốt thẳm nước mắt, đánh đàn cho Hoạn Thư nghe trước mặt Thúc Sinh. « Bốn dây như khóc như than... » tức là cả tài hoa, cả tấm lòng của Thúy Kiều khóc than vì tủi nhục. ... Rồi tài hoa đó còn phải chịu một cơn cực hình nữa. Tên quan lại Hồ Tôn Hiến, tên tiểu nhân hèn mạt, đã dùng âm mưu man trá giết hại Từ Hải. Nó bày tiệc ăn mừng. Nó bắt ép Thúy Kiều đánh đàn cho nó ăn tiệc trên xương máu của nông dân khởi nghĩa. Giọng đàn của Thúy Kiều bấy giờ đặc biệt là ai oán. Trước kia, những khổ ải đã qua của Thúy Kiều, tuy là rất bi thiết, nhưng chưa hề làm cho một ai lương thiện phải chết. Giờ đây sự đau khổ của Kiều chuyển tới một chất lượng mới. « Trong mình nghĩ đã có người thác oan ». Giọng đàn thổ lộ nỗi thống khổ của bản thân Thúy Kiều, cùng với nỗi uất hận của Từ Hải đã chết. *Đau khổ chan hòa với sự chết.*

*« Một cung gió tủi mưa sầu,
Bốn dây giở máu năm đầu ngón tay ».*

Tới cực độ đau khổ này, Kiều thể hiện đầy đủ nhất con người nạn nhân của chế độ :

*« ... Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây ! »*

Đau khổ của Thúy Kiều, của tài hoa đã tới mức ném vào sự chết. Cực độ cao hơn nữa là tài hoa đó phải chết, tự nó phải hủy lấy nó. Trước lúc trầm mình xuống sông Tiền đường, lời than thở của Kiều nghe như giọng đàn tột bậc ai oán, dưới ánh trăng mờ, trời cao sông bạc bao la :

*« Thân sao thân đến thế này
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !... »*

Cuộc « đời thông minh », đời tài hoa cô độc của Thúy Kiều phải đi tới chỗ tự hủy. Trong cảnh *tuyệt vọng, cô độc* của Thúy Kiều, đây chính là một hành động phản kháng, đời đời tố cáo, kết án chế độ xã hội bất công nó chà đạp tài năng, sỉ nhục mộng đẹp.

Nhưng Thúy Kiều không chết. Thúy Kiều được vớt lên, nương náu ở chùa, rồi sum vầy, nối lại với Kim Trọng mới

ting nghĩa mười lăm năm bị cắt đứt. Kiều sống trở lại đời sống bình thường trong khuôn khổ của xã hội và của gia đình phong kiến. Thể chất của Thúy Kiều khỏi bị dày vò như trước, nhưng *phần cốt yếu, thậm thúi nhất trong tài hoa của Thúy Kiều nhất định cũng phải chết.*

Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe. Kiều đổ lỗi cho khúc đàn *Bạc mệnh*, cho ngón đàn bi thiết của mình, đã dày mình vào khổ ải và đã gây tai họa, đau thương cho kẻ khác : « ... Vì mấy đường tơ, làm người cho đến bây giờ mới thôi » ... Đàn xong, Kiều nói :

« *Vi chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu !
Một phen tri kỷ cùng nhau
Cước dây từ đây, về sau cũng chừa ».*

Nguyễn Du không nói đây là giọng đàn cuối cùng của Thúy Kiều. Còn nhiều phen về sau, Thúy Kiều đánh đàn giúp vui cho Kim Trọng. Nhưng dứt khoát là Thúy Kiều đoạn tuyệt với bản đàn và với cách đàn thống thiết nhất của cả đời mình, tức là đoạn tuyệt với tinh túy tài hoa của mình. Trước kia, trên sông Tiền đường, bản thân Kiều và *chính cả tài hoa của Kiều đã phải tự hủy.* Giờ đây, bản thân Kiều được yên phần nào. Nhưng tự Kiều phải tiêu hủy *tinh túy tài hoa của mình.*

Mâu thuẫn giữa chế độ xã hội bất công với tài năng của con người là một *mâu thuẫn tuyệt đối.* Nguyễn Du đã diễn tả mâu thuẫn đó *một cách có hệ thống*, từ mở đầu truyện *Kiều* cho đến cuối. Cuộc đời thảm thiết của Đạm Tiên là cả mối hận của tài hoa tự ngàn xưa để lại, dưới chế độ phong kiến tàn nhẫn. Tinh túy tài hoa của Thúy Kiều bị hủy đi, là mối hận về sau của tài hoa bị chà đạp.

Suốt cả truyện *Kiều*, có hai cái chết phản kháng chế độ đương thời một cách mãnh liệt. Tức là :

Cái chết của ngón đàn Thúy Kiều đặc biệt kỳ diệu, cái chết của tinh túy tài hoa, cái chết của những tình tứ, những mỹ cảm sâu sắc nhất của người nghệ sĩ.

Và cái chết của Từ Hải, cũng là một cái chết của tài hoa về mặt khoáng đạt, muốn tự tay mình tạo nên một đời sống ngoài những cương tỏa của xã hội thời nát.

Cả hai thứ tài hoa này đều là cô độc và đã phải chết.

Bao giờ còn chế độ xã hội bất công, nhất là ở giai đoạn suy vong của chế độ này, tài hoa chỉ là một mối hận hết sức thâm trầm. Đó là cảm hứng chủ đạo, sâu sắc nhất, bi thiết nhất của Nguyễn Du.



TÍNH CHẤT HIỆN THỰC TRONG CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO CỦA TÁC GIẢ

Đây chúng tôi không nhắc lại nhiều về bối cảnh lịch sử của xã hội Việt-nam thời Lê mạt Nguyễn sơ, thời khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến từ nền kinh tế thiên nhiên đã chuyển sang nền kinh tế thương mại, thời rã rời của cả chế độ vì bọn thống trị chỉ gây tai họa nội chiến, giành giật nhau những quyền lợi ích kỷ, — thời mà Nguyễn Du nghiền ngẫm, xây dựng tác phẩm. Phần này chúng ta biết nay đều biết khá rõ.

Chúng tôi chỉ chứng minh tính chất hiện thực trong cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Du. Với một thời đại như thời Nguyễn Du, dưới ách của bọn thống trị ích kỷ, tàn nhẫn, suy đồi (xuyên qua *Truyện Thúy Kiều*, quan thì ăn hối lộ, ngu xuẩn, đê tiện tới mức cùng của sự trơ trẽn, nhỏ thì lưu manh, đầy tội ác như chàng họ Mã và Sở Khanh, xã hội thì đắm đuối trong những tai nạn mãi dâm, buôn bán người làm nô lệ, trộm cướp hoành hành, tha hồ giật cửa, đốt nhà, giết người) : không những thể chất của mọi người dân lương thiện bị sỉ nhục, mà có phần đau đớn hơn nữa, tinh thần, tài năng của họ, tinh hoa của dân tộc cũng bị sỉ nhục. Đó hẳn chắc là một thực tế.

Hiện nay chúng ta rất quý mến các công trình văn hóa thời Lê mạt truyền lại, những tác phẩm sử học của Lê Quý Đôn, những tác phẩm thi ca cổ điển như *Chinh phụ ngâm...* những truyện thi ca bình dân như *Thạch Sanh...* Nhưng chúng ta càng ngậm ngùi đau xót mà nhận thấy rằng có biết bao nhiêu Lê Quý Đôn khác đã phải chết rất oan uổng, biết bao

nhiều nhà thơ thiên tài không hề phát triển được tài năng và đã bị chôn vùi như hoa rụng trong bão táp (1). Nếu như tài năng của Hồ Xuân Hương mà được thành tựu, thì đã để lại cho chúng ta những thi phẩm vĩ đại biết là bao ! Rất đáng tiếc là do nơi hoàn cảnh xã hội đương thời, tài năng lỗi lạc này đã phải biến thành một tài năng tiêu cực, mai mỉa, mặc dầu hết sức là sắc sảo.

Tới triều nhà Nguyễn : một triều đại với bản chất rõ rệt là ích kỷ, phi nghĩa. So với những triều thời xưa như Trần, Hậu Lê, cũng như so với triều Tây-sơn mà chính nó đã tiêu diệt, thì nó không có chút công lao gì về mặt bảo vệ tổ quốc, giải phóng dân tộc. Ngay từ lúc phôi thai, nó đã đem lại nguy cơ mất nước và đã mang trong bản thân cái mầm bán nước. Bọn vua nhà Nguyễn thống trị theo lối độc tài khát máu, chia rẽ dân tộc, coi nhân dân như cỏ rác, quyết tâm kềm hãm không cho xã hội tiến lên. Một triều đại như thế tất nhiên cũng kềm hãm sự phát triển của rất nhiều tài năng.

Phong trào nông dân khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ là sự phản kháng kịch liệt nhất đối với chế độ đồ nát thời Lê mạt, phản kháng về lập trường chính trị, về cấu tranh võ trang, về ý chí cách mạng của đại chúng.

Truyện *Thúy Kiều* là một sự phản kháng khách quan trên địa hạt văn nghệ, mỹ cảm, về mặt khát vọng phát triển tài năng của mọi người. Hồ Xuân Hương, các tác phẩm bình dân đều đã lên tiếng phản kháng. *Kiều* là mức phản kháng thông thiết nhất của văn học cổ điển Việt-nam đối với chế độ của bọn thống trị phong kiến độc tài, bạo ngược.

Chúng ta thấy rõ : cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Du có căn cứ thực tế trong xã hội đương thời với tác giả. Do bản chất của một nghệ sĩ thiên tài đã chìm nổi với những biến cố đau thương của thời đại, Nguyễn Du đã cảm xúc thực tế đó rất sâu sắc. Cảm xúc này tự nó đã hòa được vào một cảm xúc phần uất của dân tộc, và nó cũng là một cảm xúc bất

(1) Xem Hoài Thanh : *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* : « Năm 1786 lại bị hạn hán mất mùa... chết mất một nửa số người trong xứ ». (trang 65-66).

hủ của nhân loại. Nguyễn Du đã truyền lại cảm xúc đó cho chúng ta với những màu sắc đậm đà, những hình ảnh thẩm thía, truyền lại một cách mãnh liệt và có hệ thống, xuyên qua *Truyện Thúy Kiều*, một bài thơ cảm tù chế độ, ị tai hoa, giá trị tinh thần của con người bị sỉ nhục.



TÁC DỤNG CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO PHẢN PHONG KIẾN TRONG *TRUYỆN THÚY KIỀU*

Có nhiều phần trong *Truyện Thúy Kiều* không những là không phản phong kiến mà lại hoàn toàn thuộc ý thức hệ phong kiến, nổi bật nhất là tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Du về đạo đức trung hiếu và về tôn giáo duy tâm tiêu cực. Điều đó là tất yếu thời. Mác và Ăng-ghe-n, trong bộ sách : *Ý thức hệ Đức (Die deutsche Ideologie)*, đã nêu rõ và chứng minh dứt khoát quy luật : « Các tư tưởng của giai cấp thống trị cũng là tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại. Tức là : giai cấp nào là thế lực thống trị xã hội về mặt *vật chất* thì cũng là thế lực thống trị về mặt *tinh thần* ». Chúng ta không lạ lùng gì mà nhận thấy Nguyễn Du là phong kiến ở nhiều địa hạt tư tưởng, chủ quan của tác giả căn bản là một chủ quan phong kiến. Ngay trong cả cảm hứng chủ đạo đã được giới thiệu và phân tích, một mặt Nguyễn Du đã vạch ra được tác dụng tàn nhẫn của số phận đối với « sắc » và « tài ». Đây là mặt hiện thực tiến bộ, sâu sắc của tư tưởng Nguyễn Du, vì có tác dụng khách quan phản phong kiến. Nhưng mặt khác, quan niệm của Nguyễn Du về « tài » căn bản vẫn là phong kiến. Quan niệm mĩ mai hoặc ít hoặc nhiều đối với nền thương mai đang muốn phát triển, đó cũng là phong kiến. Và Nguyễn Du cũng không khỏi sa vào chủ nghĩa định mệnh tiêu cực, bi quan của giai cấp phong kiến lúc suy tàn. Chính bản thân *Thúy Kiều* và cả nghệ thuật của *Thúy Kiều* đã đầu hàng rất nhiều trật tự của phong kiến. Chúng ta cần có cảnh giác lúc đọc *truyện Kiều*, vì bản chất tư tưởng phong kiến của tác giả.

Nhưng trọng tâm ở đây không phải là bóc lột hết tư tưởng phong kiến của Nguyễn Du. Trọng tâm là đứng trên quan điểm tiến bộ hiện nay, quan điểm phục vụ sự đấu tranh vì lợi ích của quảng đại nhân dân, chúng ta nhằm đề cao trong truyện *Kiều* phần giá trị tiêu biểu nhất, có tác dụng động viên thêm căm thù, thêm phấn khởi.

Quả thật, nếu chúng ta cảm xúc đúng đắn đối với truyện *Kiều*, nhất là trong phong trào phát động nông dân, cải cách ruộng đất và trong phong trào đấu tranh phản đế hiện nay : chúng ta có dịp tốt để nuôi dưỡng thêm chí căm thù đối với chế độ và giai cấp phong kiến tẻ lậu, cũng như đối với bất cứ chế độ xã hội bất công nào xây dựng trên cơ sở bóc lột giai cấp, và chà đạp mọi tài năng. Tác dụng của chủ nghĩa nhân đạo phản phong kiến trong truyện *Kiều* chính là ở đó. Chính đây là một tác dụng tích cực. Chúng ta thử nhớ lại mà coi. Trí thức, nghệ sĩ Việt-nam dưới thời nô lệ vừa qua, đã mang ngay trong bản thân, *đặc biệt* trong tâm hồn mình, không ít thì nhiều, cảnh đời ô nhục của Thúy Kiều. Học vấn của chúng ta bị hế tắc. Tài năng của chúng ta nếu có, thì bị sỉ nhục. Những trí thức, nghệ sĩ đấu tranh trong hàng ngũ công nông thì phải trốn tránh, ném trái mìn trùng gian nguy, vào sinh ra tử. Tinh hoa của dân tộc chủ yếu là những anh em này. Nhiều phần tử tinh hoa này đã phải hy sinh.

Những tài năng của dân tộc bị dày vò hoặc hủy hoại dưới chế độ đã qua hoặc hiện nay ở miền Nam dưới ách bạo ngược của Ngô Đình Diệm, nhen nhóm ở thâm tâm của mỗi chúng ta một chí căm thù bất diệt.

Mà không phải chỉ giới trí thức mới căm thù vì tài hoa bị sỉ nhục. Nhân dân Việt-nam với tấm lòng rộng rãi và với cảm tính chắc chắn của mình, đã đau xót cho những khổ ải mà Thúy Kiều phải trải qua. Đau xót, căm thù cho Thúy Kiều, chính nhân dân cũng đã đau xót, căm thù vì bản thân mình. Thê chất của người dân Việt-nam đã bị dày vò, quằn quại. Tinh thần cũng vậy : bị dày vò, quằn quại. Bao nhiêu tài năng văn nghệ trong nhân dân mà hiện nay thực tế đã chứng minh rất là dồi dào, bao nhiêu khả năng sáng kiến

phát minh, bao nhiêu khả năng làm nên sự nghiệp anh hùng, xoay trời chuyển đất : vì chế độ mà phần lớn đã bị chôn vùi.

Mỗi căm thù của tài năng đối với chế độ xã hội tồi bại là một mối căm thù của dân tộc. Nó là một mối căm thù có tính chất nhân dân. Nó là một mối căm thù của nhân loại. Nguyễn Du là *vĩ đại*, vì đã diễn tả được sâu sắc và có hệ thống mối căm thù đó, với mức thành tựu cao độ của nghệ thuật thi ca.

Cách mạng tháng Tám quang vinh, chế độ Dân chủ Cộng hòa với thời đại Hồ Chí Minh rạng rỡ, giải phóng mọi người công dân Việt-nam. Chế độ yêu quý của ta còn rất trẻ trung. Mặc dầu vậy, trải qua mười năm thử thách anh dũng, chế độ ta trong chiến đấu và thi đua ái quốc đã thu được những thành tích xưa nay chưa từng có, *về mặt phát huy tài năng của nhân dân*.

So sánh như vậy, chúng ta càng tin tưởng triệt để nơi chế độ hiện nay của chúng ta, đã tổ chức đoàn kết chúng ta, trui rèn chúng ta đấu tranh *làm chủ số phận*.

Chủ nghĩa nhân đạo khách quan phản phong kiến của Nguyễn Du chỉ mới đạt được tới mức *phản đối thống thiết* chế độ xã hội đương thời, vì nó sĩ nhục, tiêu hủy mọi tài năng. Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du chưa thể dự đoán được sức phát triển như muôn hoa đua nở của tài năng *ở* tận trong nhân dân, khi mà số phận đã bị chi phối, khi mà sự bất công của xã hội đã bị xóa bỏ.

Mặc dầu vậy, trong hoàn cảnh của thời đại Nguyễn Du, nhận thấy được vấn đề với mức của Nguyễn Du và cảm xúc nổi đau thường chung với cả chân tình của Nguyễn Du : đó hẳn là một tiến bộ lớn.

HOÀNG XUÂN NHỊ

Tài liệu tham khảo

Đối chiếu ít đoạn văn trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh-tâm-tài-nhân và trong Truyện Thúy Kiều của Nguyễn Du

CHỊ EM THÚY KIỀU

Kim Vân Kiều truyện

Nguyên ở Kinh-bắc có một người viên ngoại họ Vương, tên là Lương-tùng, tự là Tử Trinh, người thuần hậu, nhà cửa không giàu, không nghèo. Vợ họ Hà, người hiền hậu đảm đang. Con trai là Vương Quan, học nhỏ, con gái lớn là Thúy Kiều, con gái thứ là Thúy Vân, đều trẻ tuổi. Thúy Kiều sinh ra phong lưu, yếu điệu, tính thích hào hoa. Thúy Vân sinh ra yên kiêu, xinh xắn, tính thích đơn giản. Hai người đều thạo thơ phú. Thúy Kiều lại thích âm luật, thích nhất là hồ cầm, Thúy Vân thường khuyên nói âm nhạc không phải việc bùong the. người ngoài nghe thì không hay. Thúy Kiều nghe nói không cho thể là phải. Thường làm khúc « Bạc mệnh oán » phở vào hồ cầm, trăm vắn the lương, người nghe chảy nước mắt...

Gác chuyện Thúy Kiều giỏi hồ cầm. Nói chuyện trong làng có một người học trò giỏi, nhà giàu, tên là Kim Trọng, tự là Thiên-lý, sinh ra dung mạo như Phan An, tài như Tử Kiến, tuổi vừa đến thời đội mũ (hai mươi tuổi) mong tìm kẻ sánh đôi. Nghe nói Thúy Kiều giỏi hồ cầm, lại thạo thơ phú, thường thường hâm mộ ước mong, muốn có một lần gặp mặt, nhưng không có dịp. Tìm nhiều cách để rình khi nàng ra vào. Một buổi thanh minh, cả nhà họ Vương đi lão mộ, Kim Trọng cũng nhân dịp đi đạp thanh. Thúy Kiều và em trai là Vương Quan, em gái là Thúy Vân đều đi chơi.

(Hồi thứ 1)

Truyện Thúy Kiều

Rằng : năm Gia-tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.

Có nhà viên ngoại họ Vương,
 Gia tư nghĩ cũng thường thường bực trung.
 Một trai con thir rớt lòng,
 Vương Quan là chữ, nổi dòng nho gia.
 Đầu lòng hai ả tố nga,
 Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
 Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
 Mỗi người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười.
 Vân xem trang trọng khác vời,
 Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
 Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
 Kiều càng sắc sảo mặn mà,
 So bề tài sắc, lại là phần hơn.
 Làn thu thủy, nét xuân sơn,
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
 Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
 Thông minh vốn sẵn tinh trời,
 Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
 Cung thương, lầu bậc ngũ âm,
 Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
 Khúc nhà tay lựa nên xoang,
 Một thiên « Bạc mệnh » lại càng não nhân.
 Phong lưu rất mực hồng quần,
 Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
 Êm đềm trướng rủ màn che,
 Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
 Ngày xuân con én đưa thoi,
 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
 Thanh minh trong liết tháng ba,
 Lễ là Tảo mộ, hội là Đạp thanh.
 Gần xa nô nức yến-oanh,
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
 Đập diu tài tử giai nhân,
 Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
 Ngõn ngang gò đồng kéo lên,
 Thoi àng hồ rắc, tro liền giấy bay.
 Tà tà bóng ngả về tây,
 Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

THÚY KIỀU Ở LẦU NGƯNG-BÍCH

Kim Vân Kiều truyện

Tú-bà sợ người ngoài biết bèn đem Kiều đến ở lầu Ngưng-bích. Lầu này nhìn ra biển xanh, phía bắc nhìn ra Kinh-ký, phía nam nhìn ra Kim-làng, phía tây nhìn ra sườn núi. Thúy Kiều trước cảnh vật quanh hiu, nghĩ đến ngày xưa cùng chàng Kim thề ước, nay không biết tin tức thế nào, nên đề bài thơ « Thập bát giai » (mười điều không tốt đời) đề ghi nỗi bi thảm của mình. Đề thơ xong lại thấy nước khe mới ra, cỏ gò ủ rù, tiếng triều ý ào, bóng buồm thấp thoáng, lại làm bài thơ đường luật.

(Hồi thứ VIII)

Truyện Thúy Kiều

*Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân,
Vẻ non xa tím trắng gần ở chung,
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống hỡi rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai !
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm ?
Buồn trong cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh.
Am ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*



THÚC-SINH CHUỘC KIỀU

Kim Vân Kiều truyện

Thúc sinh ngày hôm sau dậy, đem Kiều về cửa hàng, cho ở một phòng riêng. Lại cho người đến nói với Tú-bà, xin lấy tiền để chuộc Kiều nương. Tú-bà nghe vậy chạy đến hàng Đông-gia. Người trong

hàng nói Thúc sinh không ở đây mà đi nghỉ mát ở vườn hoa Dương-phủ rồi. Chạy đến đây thì người ta lại nói không có. Như thế mười ngày, không thấy tung tích. Bỗng nhiên gặp Bộ Tàn, bèn nắm lấy mà hỏi :

— Ông Bộ ơi ? Con gái của tôi nay ở đâu ? Xin ông cho biết.

Bộ Tàn nói : « Bà không biết con gái bà ở đâu sao ? Ngày nay nó đã theo chồng rồi. Hôm qua tôi ngẫu nhiên đi qua trước cửa huyện, nghe tiếng cười nói ồn ào. Người ta nói buổi sáng có một đũa kỹ nữ, tuổi hãy còn ít, đến xin lấy chồng, mong quan huyện phê chuẩn. Không biết nó tên gì. Một người nói đó là một kỹ nữ nổi tiếng nhất, biết đặt bài hát mới, khéo đánh hồ cầm, tên gọi là Mã Kiều. Nghe xong câu ấy, tôi biết là con gái của bà. Nhân đó, tôi hỏi : — Mã Kiều xin lấy chồng thì lấy người nào ? Người ấy nói : — Lấy một anh tú tài họ Thúc, người Vô-tích. Tôi nói : — Gã tú tài họ Thúc này đâu phải là tay đối thủ của Tú bà ! Người ấy nói : — Ông chỉ biết Thúc tú tài trung hậu mà không biết tay giúp đỡ y sao ? Người giúp đỡ này cả tỉnh đều biết tiếng. Y tên là Vệ Hoa Dương. Nay bà muốn biết con gái bà ở đâu, tôi tưởng Vệ Hoa Dương là tay giúp đỡ Thúc sinh thì con gái bà chắc phải ở nhà y ».

Tú bà nghe đến ba chữ « Vệ hoa Dương » thì nhũn ngay, bèn nói : — Hồng rồi ! Gặp phải đối thủ rồi ! không biết xử trí thế nào ? Ông Bộ ơi ! tôi nhờ ông tìm Thúc tướng công nói rằng : Ngài muốn lấy con gái của tôi thì chỉ cần nói với tôi, chứ kiện tụng làm gì cho tốn tiền.

Bộ Tàn nói : « Tôi hiện đang tìm ông ta đây. Đến hàng của ông ta hỏi thì người ta nói hiện nay ông ta ở nhà lão Vệ Hoa Dương. Nay cứ đến đây mà tìm ».

Tú bà nói : « Đã ở nhà y thì nhất định là phải sinh chuyện. Xin ông Bộ dò thăm tin tức hộ tôi, nếu quả là ở nhà họ Vệ thì làm thế nào cũng nói hộ tôi rằng ông ta đòi người thì tôi cố nhiên đòi của, chứ không có ý gì khác, rất mong trả lời cho tôi.

Bộ Tàn nói « được », rồi chia tay đi.

Lại nói gã Bộ Tàn này chính là người do Vệ Hoa Dương và Thúc sinh sai thì hành mưu kế : May mắn gặp Tú-bà, nói xong mấy câu này, y lập tức trở về báo cho Thúc sinh và Vệ Hoa Dương.

Vệ Hoa Dương nói : « Nhuệ khí của hấn như thế là nhục rồi ; đây ! Nhân đêm nay, anh trở về tin cho hấn biết rằng : thấy thì thấy rồi đây, tôi đã nhắc lại lời bà, nhưng óng ta nói rằng : Mã Bất-tiến (Mã giám sinh) mua con gái lương thiện làm thiếp mà Tú bà lại ép buộc người ta phải làm đi. Nếu hấn biết lỗi thì ta tha cho. Nếu hấn không hiểu lẽ tiến thoái thì phải cho hấn biết là ta sẽ phát giác cả hai việc ».

Bộ Tần đem lời nói này nói lại với Tú bà. Tú bà nói: « Giọng hời ông ta như thế, tôi còn làm thế nào được nữa ? ».

Bộ Tần nói : « Hẳn thật là người không sợ sinh sự ! Việc đã lên quan thì nhất định phải tìm ra cái nguyên do con bé sa ngã. Chẳng hỏi đến nguyên do nữa, cũng đã tổn tiền tổn của rồi ! Không biết tổn mất bao nhiêu. Chi bằng biết qui là qui. Mình phải đến nhà nói với Vệ Hoa Dương. Hẳn là tay du côn đầu sỏ. Nên mềm chứ không nên cứng. Bà đến nói với hẳn thì hẳn sẽ bỏ oán hờn ngay trước. Còn nếu bà muốn cùng hẳn đến cửa quan, thì tiền nó lắm, quan nó lại quen, ai thắng ai bại chưa biết đâu mà lường, tôi không dám xen vào ».

Tú bà nói : « Đành là tôi phải đến xin cầu hòa. Làm thế nào mà đối địch với nó được ? Nhưng đi cầu hòa thì ông cũng phải giúp đỡ tôi mới được ».

Bộ Tần nói : « Cái đó không cần bàn nữa, bây giờ tôi đi cái đã. Ngày mai sẽ đến. »

Tú bà nói : « Bây giờ trời tối rồi, trong nhà tôi lại ồn ào chật chội, ngày mai sẽ bàn việc sau. Bộ Tần bèn đi.

Thúc sinh chờ mãi không thấy y về.

Hoa Dương nói : « Lão Bộ không trở về thì việc lớn xong đấy ! Ngày mai Tú bà nhất định đến cầu hòa thì cần phải như thế này, thế này. »

Thúc sinh nói : « xin nghe ».

Ngày hôm sau Tú bà gọi đầy tớ mang bốn cái quả hộp cùng đi với Bộ Tần đến nhà họ Vệ. Nhờ người vào báo.

Chỉ thấy Vệ Hoa Dương nói : « Không biết bà Tú hạ cố đến đây, nên không ra đón, xin thất lễ ».

Tú bà nói : « Không dám ».

Chào hỏi xong, mời ngồi.

Hoa Dương nói : « Xin hỏi bà Tú tới đây có việc gì ? »

Tú bà nói : « Nghe nói đứa con gái của tôi muốn lấy Thúc tướng công, tôi đến đây cốt nhờ cụ Vệ tác thành cho hai gia đình. »

Hoa Dương nói : « Ông ta đã định giao chiến với bà mà bà còn nói việc xe duyên Tần Tấn với ông ta sao ? »

Tú bà nói : « Kỹ nữ lấy chồng, đó là điều tốt nhất, tôi thật không muốn gây một chút khó khăn nào. Thúc tướng công lại muốn kiện tôi, chắc có nghi ngờ bụng dạ của cụ già này chăng ? Khi việc xảy ra tối hôm trước, chạy đông chạy tây hỏi, không có tin tức gì đích xác. Hôm qua gặp ông Bộ, ông nói ở tại dinh cụ Vệ, cho nên tôi mới đến xin cụ Vệ tác thành cho việc tốt đẹp của hai nhà.

Vệ Hoa Dương nói : « Bà Tú vẫn chưa biết việc xảy ra. Nguyên con gái bà đã có đơn xin lấy chồng. Và Thúc tướng công định phát đơn kiện. Tôi khuyên ông ta hãy thông thả, xem bên phía bà làm

ăn thế nào, rồi kiện cùng chẳng chậm. Nay bà đến đây nói nhờ tôi tác thành, đó là đời tiền rồi. Đề tôi nói với Thúc tướng công, mời Thúc tướng công ra, ba mặt dễ nói.» Nói xong đứng dậy đi. Mời Thúc sinh ra.

Thúc sinh thấy Tú bà bèn nói: « Bà đã đến thế này thì muốn giảng hòa hay là muốn sinh chuyện? »

Tú bà nói: « Muốn sinh chuyện tôi đã không đến đây, tôi thiết tưởng cháu Kiều vốn là con nhà tử tế, ngày nay được lấy tướng công, có thể nói là vật tìm được chủ của nó. Tôi không thể nào giữ được nó, cũng muốn dứt khoát, cho nên tôi muốn nhờ cụ Vệ làm mai gả con gái cho ông. »

Vệ Hoa Dương nói: « Thúc tướng công! Tú bà hôm nay không dám nói một lời. Trái lại phải nhờ tôi. Đó cũng là một tay nữ trượng phu biết điều đấy. Thôi, ngài cũng bỏ bớt giận mà chuộc cô Kiều. Bà Tú! Bà đã đến đây lo việc tốt đẹp, vậy văn thư Mã giám sinh thảo nói Kiều là thiếp của hẳn thì phải trả ngài, bà lại phải viết thêm một tờ nói cho Kiều kết hôn với ngài. Một bên trao tiền, một bên trao khế, thế là xong. »

Tú bà nói: « Ngoài tiền chuộc thân Thúy Kiều rồi phải thêm một lần tiền nữa mới được. »

Thúc sinh nói: « Nó tiếp khách ba năm gấp quá mười lần tiền rồi! Lúc đầu cũng định cùng bà lên quan, một lượng cũng không cho. Ngày nay bà đã biết ngỗ thi tôi cũng thôi. Tôi chỉ cho bà một nửa tiền để chuộc thôi. »

Hoa Dương nói: « Một đàng đòi nhiều, một đàng đòi ít, đều không phải cả. Cứ theo nguyên giá cũ mà chuộc là đúng. Ngày mai là công việc xong. »

Nói xong bảo tiểu đồng đem rượu ra uống. Tú bà gọi đầy tớ mở quả hộp ra. Gia nhân họ Vệ cũng dọn ra nhiều đồ nhắm. Cùng nhau ngồi uống, khi đồ nhắm hết thì giải tán.

Ngày hôm sau Tú bà cùng Mã Bất-tiến cùng đến nhà Vệ Hoa Dương. Mở bữa tiệc lớn, mời thêm mười người hào kiệt, đủ mặt mọi người, trình bày câu chuyện một lượt. Thúc sinh đưa ra bốn trăm lượng bạc giao cho Tú bà. Tú bà đòi thêm. Thúc sinh lại cho thêm năm mươi lượng nữa. Tú bà thấy tình thế không ăn thua, bèn đưa tờ giấy hôn thư cũ ra. Lại viết một tờ giao cho Thúc sinh nói rõ số bạc đã nhận. Thúc sinh nói: « Văn khế này có phải là do chính Kiều viết không? »

Hoa Dương nói: « Bây giờ cần phải mời nàng Kiều ra cảm ơn bà Tú, nhân tiện ông đưa cho nàng nhận xem. Rồi hai người cùng đi với nhau là tiện. »

Thúc sinh nói: « Phải đấy! » Bèn cầm tờ khế đi ra.

Một lát sau cùng Thúy Kiều đến, hai bên đáp lễ.

Tú bà nói : « Con ơi ! mừng con đã tìm được người chồng phong lưu. »

Thúy Kiều nói : « Đó là nhờ cái phúc lớn của mẹ. »

Mã Bất-tiến cũng ra mừng. Thúy Kiều im lặng không nói. Mọi người đều đến vái chào hỏi han, chúc mừng ngày nay Kiều đã thoát khỏi nơi lửa nòng.

Thúy Kiều nói : « Làm phiền các ngài quá. »

Nói xong đứng dậy lui ra. Hôm ấy mọi người đều có việc nên chỉ uống qua vài chén rồi chia tay.

(Hồi thứ XII)

Truyện Thúy Kiều

*Nỉ non đêm ngẩn tình dài,
Ngoài hiên thổ dã non đoài ngậm gương.
Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hầy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cạy tay thầy thợ, mượn người dò la.
Bắn tin đến mặt Tú bà.
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao ?*



THÚY KIỀU GẶP TỪ HẢI

Kim Vân Kiều truyện :

Nói về Thúy Kiều, sau khi lại rơi vào nhà đĩ, tự than số phận lòng đong, được chồng rồi lại chịu khổ sở. Ngày nay lại sa ngã như cũ, chẳng phải mệnh trời sao ? Thôi lần này không nghĩ vợ nghĩ vãn nữa. Người ta đến tìm vui với nàng, nàng giúp vui cho người ta, ca hát suốt đêm, danh tiếng lại nổi.

Bấy giờ có một người hảo hán họ Từ tên Hải, hiệu là Minh-sơn, người đất Việt, tâm hồn khoáng đạt, chí khí to lớn, xem phú quý như rác, xem kẻ đồng lúa như cỏ. Lại rất thạo lược thao, anh hùng cái thế. Thuở nhỏ học nho không thành bỏ đi buôn, của tiền giàu có. Rất thích kết bạn. Nghe nói Thúy Kiều là người hào hiệp bèn tìm đến hỏi thăm. Khách Mã biết Minh-sơn là người hảo hán, vội vàng gọi Thúy Kiều ra tiếp. Bốn mắt liếc nhau, tâm đầu ý hợp.

Minh-sơn nói : « Nghe nói nàng một năm nay chưa để lọt ai vào mắt phải không ? »

Thúy Kiều đáp : « Họ nói quá ! Thiếp giao thiệp với người, theo phẩm giá mà tiếp, cho nên không gửi gan ruột cho những kẻ tầm thường, cái đó có. Còn trong mắt thì đâu dám phân biệt hiền ngu ».

Minh-sơn nói : « Nói như thế, nàng đến nay cũng chưa gửi gan ruột cho ai, khiến người phải nhớ đến Bình-nguyên quân đó. Như kẻ hèn này có thể sánh Bình-nguyên quân được muôn một chẳng ? ».

Thúy Kiều nói : « Người anh hùng có độ lượng lớn như ngài, phải là người lạ ở Thái-nguyên. Bình-nguyên quân cũng không khoáng đạt được như thế.»

Minh-sơn nói : « Nàng biết người giữa chốn trần ai, không nhận lầm anh hùng vậy.»

Thúy Kiều nói : « Cặp mắt nhìn anh hùng của tôi, thực không nhìn ra chân lý »

Minh-sơn nói : « Tốt ! Từ Hải ngày nay gặp tri kỷ rồi ! »

Nhân đem rượu uống, rồi ở lại ngủ. Thúy Kiều nói chuyện suốt đời gửi thân cho Từ Hải. Từ Hải cũng nhận lấy việc đó làm nhiệm vụ của mình.

(Hồi thứ XVII)

Truyện Thúy Kiều

Thoắt lòng nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao !
Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi !
Nghĩ đời mà ngán cho đời !
Tài tình chỉ lắm, cho trời đất ghen !
Tiếc thay nước đã đánh phen,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !
Hồng quân với khách hồng quần,
Đã xoay đến thế, còn vẫn chưa tha.
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệụ những từ nhà liệụ đi.
Đầu xanh đã tội tình gì ?
Má hồng đèn quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh.
Lần thâu gió mát trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Cón quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt-đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.
 Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều.
 Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
 Thiếp danh đưa đến lầu hồng.
 Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.
 Từ rằng : « Tấm phúc tương cờ,
 « Phải người trắng gió vật vờ hay sao !
 « Bấy lâu nghe tiếng mà dào,
 « Mắt xanh chẳng để ai vào, có không ?
 « Một đời được mấy anh hùng !
 « Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi ! »
 Nàng rằng : « Người dạy quá lời,
 « Thân này còn dám coi ai làm thường !
 « Chút riêng chọn đá thử vàng,
 « Biết đâu mà gởi can tràng vào đâu ?
 « Còn như vào trước ra sau,
 « Ai cho kén chọn vàng thau tự mình ? »
 « Từ rằng : « Lời nói hữu tình,
 « Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên quán.
 « Lại đây xem lại cho gần,
 « Phỏng tin được một vài phần hay không ? »
 Thưa rằng : « Lượng cả bao dung,
 « Tấn-dương được thấy mây rồng có phen.
 « Rộng thương cổ nội hoa hèn,
 « Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.»
 Nghe lời vừa ý gật đầu,
 Cười rằng : « Tri kỷ trước sau mấy người ?
 « Khen cho con mắt tinh đời,
 « Anh hùng đoán giữa trần ai mới già !
 « Một lời đã biết đến ta,
 « Muôn chung nghìn từ cũng là có nhau ! »



THÚY KIỀU BÁO OÁN

Kim Ván Kiều truyện

Một tiếng vang, người lam kỳ thử xương danh. Toán phạm nhân thứ nhất tiến ra. Hoạn thị, và Kế thị, Hoạn Ưng, Hoạn Khuyển, Bạc Hạnh, Bạc bà đều qui xuống.

Phu nhân nói : « Bạc bà hãm người vào bẫy, Bạc Hạnh mua con gái lương thiện làm dĩ. Theo đúng lời thề của Bạc Hạnh, lấy dao băm nát người cho ngựa ăn. Bạc bà thì bêu đầu. »

Đao phủ thủ dạ một tiếng, cắt ngay đầu Bạc bà. Bạc Hạnh thì lấy chiếu bó lại như bó củi, lấy giấy buộc chặt lại. Hai người giữ. Một người tước từ chân lên đầu, chặt làm hơn trăm đoạn. Con người sống phút chốc biến thành một đồng thịt. Người xem sợ gần chết. Sau khi báo đã giết xong, phu nhân bảo trộn thịt với cỏ để cho ngựa ăn.

Gọi đến Hoạn thị.

Hoạn thị kêu khóc nói: « Phu nhân tha cho tôi sống »

Phu nhân nói: « Con Hoạn này! may khéo mưu mô lắm, may khéo nhẫn nại lắm! Phàm việc đời, nên chừa lại một chút để mai sau gặp nhau. Ngày nay gặp nhau đây, may không thể sống được! »

Hoạn thị rập đầu lia lịa nói: « Thừa phu nhân, kẻ bần tiện này tội thật đáng chết. Nhưng xin phu nhân nhớ khi chếp kinh, khi bỏ đi mà không cứu xét. Thiếp thật chẳng phải không biết tôn kính phu nhân, nhưng thế không thể hai người, không thể chia tình yêu cho người khác, chớ nên mới sinh ra việc oan gia. Cúi xin phu nhân rộng lượng ».

Phu nhân cúi đầu một lát, rồi nói: « Ta muốn ăn thịt mày, lột da mày để nguôi cơn giận. Mày mà khỏi chết là nhờ khi ta đi mày không đuổi theo, tức còn có ý muốn mở lồng thả chim. Nhưng tội sống của mày thật không thể chối được. Ta hỏi mày, bắt cóc ta ở Lâm-tri là những đứa nào, mày nói ngay đi thì chia bớt được tội mày đôi chút. »

Hoạn thị nói: « Thi hành mưu kế tuy là Hoạn Ưng, Hoạn Khuyển, nhưng bày mưu bày kế nguyên chỉ là tiện thiếp. Chúng chẳng qua theo lệnh mà làm. Nếu để chúng chịu tội của thiếp thì lòng thiếp sao đành? »

Phu nhân nói: « Mày còn là đứa con gái biết nhận tội của mình ». Rồi gọi đao phủ *thủ* đem Ưng Khuyển ra chém đầu để làm răn cho bọn tội tớ nhà sang. Đao phủ *thủ* dạ một tiếng, liền chặt đầu hai người.

Phu nhân gọi tả hữu xách Kế thị (mẹ Hoạn thị) đánh cho ba mươi roi. Tả hữu sắp sửa thi hành. Hoạn thị ôm lấy, xin lấy thân mình thay thế.

Mụ quản (tức mụ quản gia) vội vàng qui xuống nói: « Tội của chủ tôi đành rằng không thể tha. Nhưng kẻ già này xin thay thế cho chủ. »

Phu nhân nói: « Cảm tình ân cần như thế, thực là may phúc cho con mẹ này. Thôi mụ đem nó đi. »

Mụ quản tạ ơn phu nhân, đem Kế thị ra. Kế thị tuổi quá sáu mươi. Thân làm phu nhân nhất phẩm chưa bao giờ gặp cảnh khổ. Từ khi bị bắt ở Vô-tịch lại đây, chịu muôn vàn khổ sở, lại thêm thấy cảnh giết người rùng rợn. Tuổi cao gan nhát, nên đã chết khiếp rồi.

Mụ quản chỉ còn đưa ra một cái thây. Vương phu nhân thấy mụ quản mang Kế thị đi rồi, bèn sai cung nữ mang Hoạn thị ra lột hết áo quần đánh cho một trăm roi. Cung nữ dạ ran, nắm tóc Hoạn thị lôi dậy, lột hết quần áo, chỉ còn một cái quần đùi. Treo tóc lên một cái

giá cao, hai người cung nữ nắm lấy hai tay, hai người cung nữ khác một người đứng trước một người đứng sau, mỗi người nắm một cái roi ngựa cùng đánh một lần, một người đánh trên xuống, một người đánh dưới lên. Đánh như cá trên lò than, cá vào vạc nóng. Kêu khóc rầm trời, khắp người không còn miếng da lành. Khi báo đã đánh xong một trăm roi, phu nhân gọi đưa ra giao cho Thúc sinh mang đi.

Quân sĩ dạ ran một tiếng, đưa Hoạn thị xuống, đem ra ngoài giao cho Thúc sinh nhận. Thúc sinh lia lịa cảm ơn. Xem Hoạn Thị thì chỉ còn thoi thóp một chút. Thúc sinh nói: « Minh chỉ vì quá khôn ngoan mà làm hại lấy thân ». Bên một bên thu lượm xác Kế thị, một bên diu Hoạn thị, đem về nhà chạy chữa nửa năm mới khỏi.

(Hồi thứ XVIII)

Truyện Thúy Kiều

Dưới cờ gươm lướt nấp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn-thư.
Thoắt trông nàng đã chào thưa:
« Tiền thư cũng có bấy giờ đến đây!
« Đàn bà dễ có mấy tay,
« Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!
« Dễ dàng là thói hồng nhan,
« Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều! »
Hoạn-thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng, đỡ điều kêu ca.
Rằng: « Tôi chút phận đàn bà,
« Ghen tuông thời cũng người ta thường tình.
« Nghĩ cho khi các viết kinh
« Với khi khỏi cửa, dứt tình chẳng theo.
« Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,
« Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai!
« Trót đã gây việc chông gai,
« Còn nhờ lượng bề thương bài nào chẳng. »
« — Khen cho thực đã nên rằng
« Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
« Tha cho thì cũng may đời,
« Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
« Đã lòng tri quá thì nên. »
Truyền quân lệnh xuống trướng liền tha ngay
Tạ lòng lạy trước sân mây.
Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào.
Nàng rằng: « Lòng lộng trời nào,
« Hại nhân nhân hại sự nào tại ta? »
Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà,

Bên là Ung Khuyển, bên là Sở Khanh,
Tú bà với Mã Giám-sinh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao ?
Lệnh quân truyền xuống nội đao,
Thề sao thì lại cứ sao gia hình.
Màu rơi thịt nát tan tàn,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.



KIM TRỌNG TRỞ VỀ VƯỜN THÚY

Kim Vân Kiều truyện

Nay không nói chuyện Thúy Kiều ở am Vân-thủy, nói về việc Kim Trọng cùng cha đến Liêu-dương, thu xếp việc tang của chú, thu vén vốn liếng cửa hàng, kéo dài bốn tháng rồi mới trở về. Vừa trở về đến nhà liền tìm sang vườn Lãm-thúy để hỏi thăm Thúy Kiều.

Bấy giờ Thúy Kiều đi đã bốn tháng. Nhà họ Vương cũng dời đi nơi khác. Kim Trọng lần mò dấu cũ, không tìm thấy một người. Bèn hỏi người hàng xóm. Người hàng xóm đem việc nhà họ Vương mắc nạn, Thúy Kiều bán mình, kể hết một lượt. Kim Trọng hoảng kinh thất sắc, đến ngay nhà họ Vương hỏi. Thấy nhà thấp lè tè, khác hẳn qui mô ngày trước, cảm lòng không đâu, bèn kêu hỏi: « Anh Vương có nhà không? »

Wương Quan chạy ra, thấy Kim Trọng, hoảng hốt nói:

« Anh Kim trở về bao giờ, xin mời vào. »

Kim sinh theo vào nhà khách. Hai người làm lễ xong, Vương Quan quay vào trong nói: « Anh Kim ở Liêu-dương mới trở về, mau pha trà! »

Phía trong nghe nói như thế, mọi người khóc chạy ra, rất là ảo não. Kim sinh hoảng hốt, hỏi việc gì. Vương viên ngoại và Vương bà đều nói: « Anh Kim ơi! con gái nhà tôi gặp nạn, phải bán mình cứu cha, không thể kết duyên cùng anh. Lúc ra đi, có dặn dò bảo đưa con gái bé của tôi thay thế việc thề ước, lại nói ngày nay không thể đẹp duyên cùng anh thì xin kiếp sau kể tục lời thề ». Nói xong khóc rống lên. Kim Trọng lúc đầu còn sợ Vương viên ngoại không biết, ngày nay nghe nói thế, liền vỗ ngực dấm chân, đập đầu đập óc, kêu khóc rống lên. Một tiếng khóc, một tiếng oán. Càng nhớ càng khóc thảm. Khóc đến nổi miệng khạc ra máu, ngắt đi một lát, tỉnh rồi lại khóc.

(Hồi thứ XXIV)

Truyện Thúy Kiều

Nạn xưa trụi sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muốn dậm phù tang,
Nửa năm ở đất Liên-dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn phong cảnh cũ, nay đã khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy bóng người ?
Hoa đào nở ngoài còn cười gió đóng.
Xập xè ên liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giầy.
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về, này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bấy giờ hỏi ai ?
Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mắc tụng đình.
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã đời xa,
Hỏi chàng Vương, với cùng là Thúy Vân.
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê viết mượn, kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao !
Hỏi thăm đi trú nơi nào ?
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh, vách đất tả tôi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa.
Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ ngần đường.
Đánh liễn lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.
Dắt tay, vội bước vào nhà,
Mãi sau, viên ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tày :
« Chàng ôi ! biết nỗi nước này cho chưa ?
« Kiều nhi phận mỏng như tờ,
« Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng.

« Gặp con gia biến lạ đường,
 « Bản mình nó phải tìm đường cứu cha.
 « Dùng dằng khi bước chân ra,
 « Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.
 « Trót lời nặng với lang quân,
 « Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
 « Gọi là trả chút nghĩa người,
 « Sầu này đắng đặc muôn đời chưa quên !
 « Kiếp này duyên đã phụ duyên,
 « Dạ dài còn biết sẽ đến lai sinh,
 « Mấy lời ký chủ đình ninh,
 « Ghi lòng tạc dạ, cắt mình ra đi.
 « Phận sao bạc bấy ! Kiềm nhĩ !
 « Chàng Kim về đó, con thì đi đâu ? »
 Ông bà càng nói càng đau,
 Chàng càng nghe nói, càng đau như dũa.
 Vật mình vấy gió tuôn mưa,
 Dầm dề giọt ngọc, thấm thờ hồn mai.
 Đau đòi đoạn, ngắt đòi thôi,
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

(Những đoạn trích Kim Vân Kiều
 truyện do PHAN NGỌC dịch)



Báo “Giáo dục nhân dân” số 4

RA NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 1955

Nội dung có những bài như sau :

— Nhân các trường Đại học bắt đầu năm học 1955-56 của Nguyễn Khánh Toàn

— Nền giáo dục cao đẳng Trung-quốc đã phát triển mạnh mẽ của Nguyễn Văn Huyền

— Cần phải thống nhất hai hệ thống giáo dục hiện hành thành một hệ thống giáo dục duy nhất của Văn Trọng

— Cải tiến công tác lãnh đạo nhà trường của Nguyễn Lương

— Tổng kết hai hội nghị cải tiến chương trình Trung Tiểu học

— Không đoàn kết cải tạo giáo sư tri thức thì không thể tiến hành cải cách giáo dục được của Nguyễn Văn Phú

— Nên giảng dạy *Truyện Kiều* như thế nào ở các lớp Trung học và cấp 2 3. của Trần Thanh Mại

NGOÀI RA CÒN CÓ NHIỀU MỤC KHÁC :

Kinh nghiệm mạn đàm, Thư giáo viên,

Tin giáo dục, Trang Văn nghệ v... v...



Tòa soạn :

Đường Lê Thánh Tôn Hà-nội (Bộ giáo dục)

Giấy nói số 615

Cơ quan phát hành : NHÀ IN QUỐC GIA

Số 1

TRẦN ĐỨC THẢO : Nguồn gốc ý thức trong cuộc tiến hóa của hệ thần kinh.

TRẦN VĂN GIÀU : Vai trò của quần chúng trong sự thay đổi các triều đại Lê, Lý, Trần, Hồ.

ĐÀO DUY ANH : Truyện Thúy Kiều, tác phẩm cổ điển tiêu biểu của văn học Việt-nam.

LÊ KHẢ KẾ : Vấn đề hình thành các loài sinh vật.

HOÀNG XUÂN NHỊ : Nhận định về vai trò lãnh đạo trong giai đoạn cách mạng Việt-nam từ 1918 đến 1930.

TRƯƠNG TỬU : Truyện Thạch Sanh.

Số 2

ĐÀO DUY ANH : Có thời kỳ chế độ nô lệ trong lịch sử Việt-nam không ?

HOÀNG XUÂN NHỊ : Quan niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa về phê bình văn nghệ.

HOÀNG TUỆ : Nhân dân tính trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

TRẦN VĂN GIÀU : Cuộc cách mạng của người nô lệ

TRẦN ĐỨC THẢO : Nguồn gốc ý thức trong cuộc tiến hóa của hệ thần kinh (II).



Tin Văn hóa — Giới thiệu sách — Tài liệu tham khảo

THẺ LỆ MUA DÀI HẠN : Từ năm số trở lên, 1000 đồng một số gửi đến tận nhà. Các bạn muốn mua dài hạn, xin gửi về Tập san một số tiền từ 5000 đồng trở lên.

Những bạn muốn nhận được Tập san từ số 1, có thể đề ra nhu cầu, đề ban quản trị nghiên cứu vấn đề tái bản.
